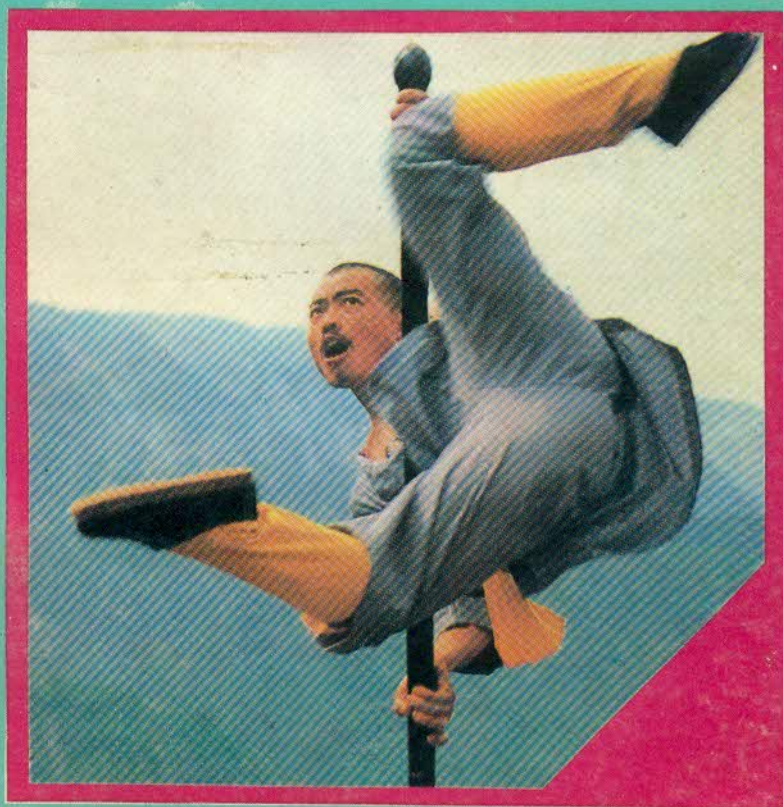


Võ Sư TRIỆU LIÊN HÒA - TRẦN THIẾT SINH

# THIỆU LÂM

## CẦM NẪ THỦ PHÁP

(VÕ THUẬT CỔ TRUYỀN)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG THÁP

THIẾU LÂM CẨM NÃ THỦ PHÁP

Võ sư  
TRIỆU LIÊN HÒA - TRẦN THIẾT SINH

# THIẾU LÂM CẨM NÃ THỦ PHÁP

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG THÁP

- 1994 -

## LỜI NÓI ĐẦU.

"Cầm nã pháp", là một trong những phương pháp quan trọng của quyền thuật. Các võ sư đã chuyên tâm nghiên cứu phép "Cầm nã" rồi phối hợp với kiến thức về "Kinh lạc", "Huyết mạch" để thiết lập ra lý thuyết và biến đổi hình thức thực hành để tạo ra cơ sở quyền thuật của phép "cầm nã" trong phái Thiếu lâm.

Phép Cầm nã có "Cầm" và "nã", là hai loại động tác riêng biệt, có công dụng đón, đỡ, bắt giữ những đòn tấn công của đối phương. "Phép Cầm nã" là một kỹ thuật rất tinh tế do vậy nếu không có một cơ sở quyền thuật vững chắc thì dù có học "phép Cầm nã" cũng không thể sử dụng một cách có hiệu quả được.

Hai võ sư Triệu Liên Hòa và Trần Thiết Sinh, những người có tiếng là "danh sư về phép Cầm nã" đã dày công nghiên cứu, soạn thảo ra cuốn "Thiếu lâm Cầm nã thủ pháp" nhằm hướng dẫn cách luyện tập phép Cầm nã mà mỗi thức (kèm theo hình vẽ) gồm có phần "phương pháp" và phần "chú giải" rõ ràng, ngắn gọn giúp bạn đọc tiếp thu chính xác và có thể theo đó mà tập luyện, (về hình vẽ minh họa cần lưu ý là : có 2 võ sinh, võ sinh A mặc quần áo sọc, võ sinh B mặc quần áo trắng).

Ngày nay chúng ta luyện tập TDTT nói chung, võ thuật

nói riêng mục đích là để rèn luyện thân thể cường tráng và tinh thần minh mẫn, nhanh lẹ, dẻo dai, mưu lược hầu phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, việc tìm hiểu và khôi phục phát huy mặt tích cực của vốn võ thuật cổ truyền là điều cần thiết trong công tác chung hiện nay về phục hưng nền văn hóa truyền thống của dân tộc.

Tuy nhiên đây cũng chỉ là một tài liệu để bạn đọc tham khảo, còn việc vận dụng phải tùy hoàn cảnh và cần có người hướng dẫn cụ thể mới đạt hiệu quả tốt hơn.

Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả và hoàn nghênh những ý kiến đóng góp xây dựng sách của bạn đọc.

Mọi sự liên hệ xin gửi về địa chỉ : NXB Tổng hợp Đồng Tháp số 31B Trần Hưng Đạo thị xã Sa Đéc. Điện thoại 61308.

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG THÁP**

## THIỆU LÂM CẦM NẢ THỦ PHÁP

**ĐỀ NHẤT LỘ**  
(ĐƯỜNG CẦM NẢ THỨ NHẤT)

Luyện tập quyền thuật, nhất là luyện tập phép "Cầm nả", luôn luôn phải có hai người cùng nhau luyện tập thì mới tiến bộ. Sách này cũng dùng lối luyện tập đó. Mỗi một thức có bao nhiêu động tác, thì trong sách có bấy nhiêu hình vẽ, để bạn đọc có thể theo đó mà luyện tập, không cần phải có thầy, mà cũng gặt hái được kết quả tốt.

Trong mỗi thức (kèm theo một hình vẽ) đều có phần Phương pháp và phần Chú giải. Phần Phương pháp thì ngắn và gọn, coi như "bí quyết", chép từ kinh sách của phái Thiệu lâm ra. Phần Chú giải thì chứa đựng lời giảng giải về phương pháp đó, để bạn đọc hiểu rõ phương pháp.

Thức 1 : LIÊN HOÀN THỦ

(Hình 1 đến hình 14)

## ĐỘNG TÁC 1

Võ sinh A đứng theo thế "Tả tiên cung tiền bộ" (tức là bộ pháp, trong đó chân trái ở trước và cong lại như cây cung, chân phải ở phía sau và thẳng như mũi tên), dùng quyền trái đánh vào mặt của võ sinh B. Võ sinh B cũng đứng theo thế "Tả tiên cung tiền bộ", và cũng dùng cánh tay dưới bên trái đưa lên chống đỡ.

— Chú giải :

Trong suốt cuốn sách này, các hình vẽ đều có hình võ sinh A mặc quần áo sọc, và võ sinh B mặc quần áo trắng.

Trông quyền thuật Thiếu lâm, thế "Cung tiền bộ", tức là bộ pháp trong đó người hơi thấp xuống, và một chân cong lại, một chân duỗi thẳng. Chân cong lại thì ở phía trước, gọi là "Cung túc" chân duỗi thẳng thì ở phía sau, gọi là "tiên túc". Hình thế của hai chân trong bộ pháp này, giống như cây cung và mũi tên, nên bộ pháp này mới có tên là "Cung tiền bộ". Nếu muốn gọi tắt thì gọi là "Cung thức".

Nếu chân trái ở phía trước và cong lại, thì gọi là "Tả tiên cung tiền bộ", gọi tắt là "Tả tiên cung thức". Nếu chân phải ở phía trước và cong lại (trong khi chân trái ở phía sau và thẳng ra) thì gọi là "Hữu tiên cung tiền bộ", gọi tắt là "Hữu tiên cung thức".

Khi luyện tập thì bao giờ cũng phải luyện tập hai người, nếu là thầy với trò thì tốt nhất, còn không thì cũng phải là hai người bạn đồng môn. Mục đích là để luyện tập một cách thực tế, để nhắc nhở lẫn nhau, tìm ra khuyết điểm của nhau, để biết cách biến hóa, và để nhớ lâu, hầu bộ pháp, thủ pháp được mau thuần thục và chính xác.



Hình 1 Liên hoàn thủ  
(động tác 1)

Khi luyện tập thì việc trước tiên phải nhớ kỹ "thủ pháp" và "bộ pháp", sao cho không rối loạn, lẫn lộn, sai lầm. Tiếp đó thì nhớ kỹ những điểm quan trọng khi thi hành thủ pháp bộ pháp.

Như trong động tác 1 của Liên hoàn thủ, thì A đứng theo thế "Tả tiên Cung tiền bộ", chân trái ở trước và cong lại, chân phải ở sau và duỗi thẳng ra, thân mình đứng cho vững chắc. Quyền trái đánh tới trước, theo hướng chân trái, hổ khẩu hướng lên trên.

B đứng đối diện, cũng đứng theo "Tả tiên cung tiền bộ", tay trái nắm lại thành quyền, hổ khẩu hướng lên, đánh thẳng tới trước, với mục đích dùng cánh tay dưới chặn đòn của A lại.

Nhớ nắm tay thật chặt, tay đưa ra phải mạnh và nhanh (cả người đánh lẫn người đỡ) sao cho đánh cũng nhanh và đỡ cũng nhanh. A là người đánh thì thân mình hơi ngã tới trước, B là người đỡ thì thân mình hơi ngửa ra sau. Động tác này phải tập đi tập lại nhiều lần, sao cho bộ pháp, thủ pháp và thân pháp tức là các động tác của chân, tay và thân mình được hòa hợp.

Sách võ Thiếu lâm có câu : "Duy khoái bất phá, vô kiên bất phá" nghĩa là chỉ có sự nhanh nện mới không phá được, còn mạnh mẽ cứng cỏi thì vẫn phá được. Nói như vậy có nghĩa là quyền thuật chú trọng ở sự nhanh nện, chứ không chú trọng lắm ở sức mạnh. Bởi thế, khi tập luyện cần phải nhanh nện, muốn nhanh nện thì phải thuần thục, muốn thuần thục thì phải luyện tập thật nhiều.

Khi đánh cũng như khi đỡ, mắt phải chú ý nhìn thẳng vào đối phương.

Khi luyện tập, bạn đọc nên chú ý đọc kỹ, hiểu rõ và thuộc các lời chú giải này, rồi mới theo hình vẽ mà tập luyện. Đừng nên gấp rút, chỉ theo hình vẽ mà tập luyện, thì cái tinh túy sẽ không thấu thập được.

## ĐỘNG TÁC 2

A nhấc chân phải từ sau tới trước mà đá B. B nhấc chân trái đem ra sau một bước thân mình xoay qua trái, đứng thành "Ky mã thức". Tay phải đưa sang bên phải chặn chân phải của A lại và đè xuống.

— Chú giải :

Hai chân đứng ngang nhau, cách nhau một khoảng vừa phải thân mình thấp xuống, hai đầu gối cong lại, tức là "Ky mã thức" (gọi tên như vậy, vì trong bộ pháp này, động tác như người cưỡi ngựa vậy).



Hình 2 : Liên hoàn thủ (động tác 2)

Khi đưa tay phải chặn chân của A lại, thì B phải dùng cạnh ngoài của bàn tay, nếu không, sức đá của A quá mạnh, có thể làm bị thương các ngón tay của B. Trường hợp bắt đầu tập, vì tay đã chưa được chính xác, B có thể tạm thời nắm bàn tay phải lại thành quyền, dùng quyền mà chặn chân phải của A lại. Khi nào thuần thục rồi, sẽ xòe bàn tay dùng cạnh bàn tay mà chặn. Làm như vậy để tránh trường hợp A đá trúng ngón tay của B.

Trong động tác này, A bắt đầu thì đứng với bộ pháp của hình 1 tay trái vung ra sau và lên cao, tới trước, ngừng lại ở phía trên đầu, đồng thời chân phải từ sau đá tới trước, như vậy thân hình A cũng hơi dôi hướng sang trái.

A đưa chân phải đá từ sau tới trước, thì không đá cao, mà chỉ nhắm vào hạ bộ của B. Đá như vậy, gọi là "Lạo

âm thôi". Trong khi chân phải đá tới trước như vậy, thì tay phải của A hơi co lại, đem quyền xuống thấp phía trước rón.

Về phần B, khi thấy A đá tới, thì nhấc chân trái lên, lùi ra một bước, thân hình xoay hẳn sang trái, thành "Ky mã thức", chân phải ở yên, chỉ dùng mũi chân, để bàn chân xoay sang trái mà thôi. Đồng thời quyền trái của B xòe ra thành chưởng, đem lên phía trên đầu, trong khi quyền phải cũng xòe thành chưởng, vung tới trước, chặn từ cao xuống, dùng cạnh ngoài chưởng phải, chặn mũi chân của A và đè xuống.

Các động tác này đã được tiền nhân nghiên cứu kỹ lưỡng từ bao nhiêu đời, và đã từng đem ra dùng trong hàng nghìn vạn trường hợp, rồi mới đúc kết lại mà thành, nên không có động tác nào thừa, không có động tác nào thiếu, và tất cả đều có công dụng riêng, ý nghĩ riêng.

Tay trái của A đem từ trước ra sau rồi vồng lên cao, chính là hư chiêu khiến đối phương tưởng là A sẽ tấn công bằng tay trái đó, trong khi thật sự thì A tấn công bằng chân phải.

Tay trái của A dừng lại ở phía trên đầu, là để thuận tiện tấn công tiếp, và thuận tiện ngăn chặn chống đỡ các đòn tấn công của đối phương. Trong khi tay phải đem về trước rón là để thủ thế. Từ trước rón tay phải có thể vung lên chặn đòn tấn công vào ngực, hoặc chặt xuống ngăn đòn tấn công vào bụng dưới và hạ bộ.

Như vậy là động tác của A gồm hai thủ một công.

Về phần B là người bị tấn công, tất nhiên ở thế thụ động, nhưng chân trái lùi ra sau, người xoay sang trái, là để tránh đòn của A, tay phải chặn xuống là để chặn đòn, còn tay trái vung lên và ngừng lại ở phía trên đầu, là để chờ dịp tấn công, hoặc sẵn sàng chặn các đòn kế tiếp của đối phương.

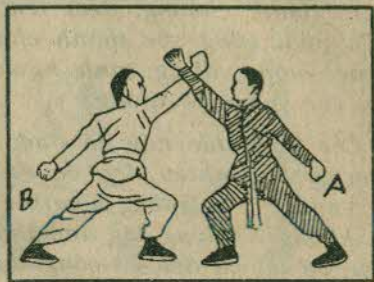
### ĐỘNG TÁC 3

B chuyển bộ pháp từ "Kỵ mã thức" sang "Hữu tiên cung thức". Chưởng phải nắm lại thành quyền đánh thẳng nhắm vào mặt A.

A đặt chân phải xuống, thành "Hữu tiên -cung thức" Tay phải đưa thẳng tới trước, dùng cánh tay dưới, chặn đòn của B.

— Chú giải :

Động tác 3 này chẳng qua chỉ là sự thay đổi phương hướng của động tác 1 mà thôi, tức là thay đổi trái phải, thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.



Hình 3 : Liên hoàn Thủ (Động tác 3).

Sau khi B đã dùng cạnh bàn tay chặn được chân phải của A (hình

2) thì thuận tiện chuyển bộ pháp từ "Kỵ mã thức" sang "Hữu tiên cung thức", chân phải ở trước cong lại, chân trái ở sau duỗi thẳng ra, người hơi xoay sang bên phải và hơi ngả tới trước. Chưởng phải nắm lại thành quyền nhằm đánh vào mặt A, đồng thời chưởng trái ở phía trên đầu, nắm lại thành quyền đem ra phía sau.

A thì sau khi đá xong (hình 2), đặt chân phải xuống phía trước, thân mình hơi xoay sang trái và hơi ngửa ra, bộ pháp thành "Hữu tiên cung thức". Quyền phải từ phía trước rón đánh thẳng lên để đỡ đòn, đồng thời quyền trái từ phía trên đầu đem ra sau, cánh tay duỗi thẳng. Động tác của A và B lúc này đối xứng với nhau (hình 3).

### ĐỘNG TÁC 4

B nhấc chân trái, từ phía sau đá tới trước (theo thế "Lạo âm thối", tức đá thấp, hướng vào hạ bộ của A).

A cũng nhấc chân phải đem ra sau một bước. Thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức". Quyền trái biến thành chưởng, chặn mũi chân của B lại.

— Chú giải :

Động tác 4 này chẳng qua chỉ là động tác 2 được thay đổi phương hướng, và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.



Hình 4 : Liên hoàn thủ (động tác 4).

Quyền phải của B trước hết đem xuống dưới, đưa ra sau và vòng lên cao, biến thành

chưởng và ngừng lại phía trên đầu. Đồng thời nhấc chân trái lên, đá từ sau tới trước theo thức "Lạo âm thối" (đã nói ở trên).

Chân phải của B không nhấc lên khỏi mặt đất, chỉ đứng nguyên chỗ, dùng mũi chân mà xoay từ trái sang phải mà thôi.

Quyền trái của B từ phía trên đầu vòng ra sau, đem tới trước rón.

Về phía A, khi thấy B đá, thì chân phải nhấc lên, lùi ra sau một bước, thân mình thấp xuống thành "Kỵ

mã thước" (chân trái không rời chỗ, chỉ dùng mũi chân để bàn chân xoay từ trái sang phải mà thôi).

Trong khi đó quyền trái của A biến thành chưởng, đưa tới chặn đầu mũi chân của B lại, còn quyền phải cũng biến thành chưởng, vung từ trước ra sau và từ dưới lên cao, ngừng lại phía trên đầu.

Các ý nghĩa của những động tác này đều đã nói ở động tác 2 (chỉ thay đổi phương hướng và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi).

## ĐỘNG TÁC 5

Hai chưởng của A nắm lại thành quyền.

Chân phải của A bước tới trước và sang trái, biến thành "Hữu tiên cung thức".

Quyền phải của A nhằm đánh vào đầu B.

Chân trái của B đặt xuống phía trước, thân hình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Chưởng trái đưa tới phía trước, đỡ lấy cổ tay phải của A.

— Chú giải :

Trong động tác này, A dùng quyền đánh từ trên xuống, nhằm vào đầu B, đó là "Phách quyền". B dùng chưởng đỡ từ dưới lên và gạt sang ngang, đó là "Hoành lôi quyền".



Hình 5 : Liên hoàn thụ  
(động tác 5)

Điều này cho thấy, khi kẻ địch dùng Phách quyền tấn công thì ta phải dùng Hoành lôi quyền để ngăn chặn.

Quyền phải của A thì hồ khẩu hướng lên trên, trong khi quyền trái thì hồ khẩu hướng xuống dưới. Hai cánh tay đều thẳng. Thân mình hơi ngả sang trái và tới trước.

Về phần B, thì tay trái thành chưởng, đưa từ dưới lên trên và hơi hướng sang trái, cánh tay cong, cùi chỏ hướng sang trái, bàn tay ngửa tới trước, các đầu ngón tay hướng sang phải, bàn tay đỡ lấy cổ tay của A (xem hình 5).

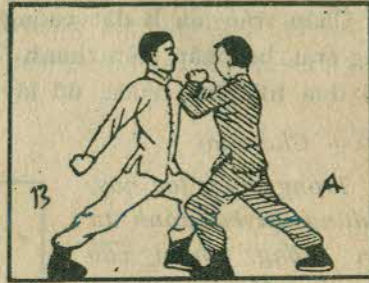


## ĐỘNG TÁC 6

A bị B nắm lấy cổ tay phải, liền đem chân trái từ sau tới trước bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời quyền trái từ sau cung lên và đánh xuống, nhằm đánh gãy cánh tay trái của B.

— Chú giải :

Vì cổ tay phải của A bị B nắm chặt, nên phải bước chân trái tới một bước, thành "Tả tiên cung thức", rồi dùng quyền trái đánh từ trên xuống cánh tay trái của B để phân công.



Hình 6 : Liên hoàn quyền (động tác 6)

Hình 6 cho thấy lúc quyền trái của A đánh xuống cánh tay trái của B vẫn chưa buông cổ tay phải của A.

Bạn đọc nên quan sát hình 5 sang hình 6 cho kỹ, để biến đổi chiêu thức và bộ pháp cho đúng.

## ĐỘNG TÁC 7

Tay trái của B bị phân công, nên phải buông ra. Chân trái của B nhấc lên, lùi về sau và sang trái một bước. Thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức".

Quyền trái của B đem ra sau, cánh tay thẳng. Đồng thời quyền phải đánh từ sau tới trước, nhằm vào mặt A.

A thì không biến đổi bộ pháp. Quyền trái đem xuống giữ trước hạ bộ. Quyền phải đánh thẳng vào mặt B, đồng thời ngăn chặn quyền phải của B.

Lập tức quyền phải của B biến thành chưởng, nắm lấy cổ tay mặt của A.

— Chú giải :

Động tác 7 chỉ là sự thay đổi phương hướng phải trái của động tác 5 mà thôi (So sánh hai hình 5 và 7). Khi dùng chưởng phải nắm cổ tay phải của A, thì cùi chỏ của B phải hướng sang phải, lòng chưởng hướng tới trước, hồ khẩu hướng xuống đất.



Hình 7 : Liên hoàn thủ (động tác 7)

Các động tác khác đều nói rõ ở hình 5, bạn đọc xem hình rồi kiểm soát thủ pháp, bộ pháp và thân pháp cho đúng.

## ĐỘNG TÁC 8

Cổ tay phải của A đã bị bàn tay phải của B nắm chặt, lập tức A xòe tay trái thành chường, đánh mạnh từ dưới lên trên, nhằm cổ tay của B, chỗ động mạch.

— Chú giải :

Khi tay trái của A xòe ra thành chường, đánh từ dưới lên trên, và cổ tay B, thì đánh bằng cạnh bàn tay, tức là cạnh bàn tay đưa lên. Chỗ động mạch cổ tay là chỗ yếu chịu đựng, bởi vậy khi bị cạnh bàn tay của A đánh vào, B phải buông tay ra (lúc buông tay này, không vẽ trong hình, chúng ta nên lấy ý mà hiểu. Hình vẽ chỉ dùng cho những động tác cơ bản quan trọng mà thôi).



Hình 8. Liên hoàn thủ (động tác 8)

## ĐỘNG TÁC 9

Bị đánh mạnh vào động mạch cổ tay phải, B đành buông tay ra, đồng thời chân phải nhấc lên, lùi về sau một bước dài, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức".

Nhân lúc B rút chân phải về, A cũng đem chân phải, bước tới trước một bước dài, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức". Rồi tay phải đánh một quyền vào sườn phía trái của B.

Lập tức tay trái của B xòe thành "câu hình" (tức như cái móc) chộp lấy cổ tay phải của A.

— Chú giải :

Tay phải của B, sau khi buông cổ tay phải của A ra thì nắm lại thành quyền, theo chân phải đem ra phía sau, cánh tay thẳng, hồ khẩu hướng xuống đất.

Còn A thì cánh tay trái co lại, quyền trái đem về để bên sườn trái, lòng bàn tay ngửa lên, hồ khẩu hướng sang trái.



Hình 9. Liên hoàn thủ (động tác 9)

Quyền phải của A đánh tới sườn trái của B, gọi là "Oa đố quyền". "Oa đố quyền" đánh ra thì lợi dụng sức mạnh của lúc xoay người. Như ở đây A đánh bằng quyền phải, thì lợi dụng sức mạnh lúc xoay mình từ phải sang trái mà đánh.

Cánh tay phải của A đánh ra thì thẳng và ngang với vai, quyền úp xuống đất.

Bàn tay trái của B làm thành "câu hình" nghĩa là nắm ngón tay khít vào với nhau, bàn tay cong lại như cái móc câu, móc chặt lấy cổ tay phải của A.

## ĐỘNG TÁC 10

Sau đó B nhấc chân phải lên, bước tới trước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Trong khi bàn tay trái vẫn làm thành "câu hình" móc chặt lấy cổ tay phải của A, thì quyền phải của B từ sau vung lên nhằm đánh xuống đầu của A.

Lập tức A nhấc chân phải lên, bước lùi ra sau một bước dài, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" đồng thời tay trái xòe thành chưởng, đưa lên nắm lấy cổ tay phải của B.

— Chú giải :

Động tác 10 này chỉ là động tác 5 được thay đổi phương hướng trái phải, và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi. Cũng tương tự như vậy, từ động tác thứ 11 tới động tác 14, chỉ là sự thay đổi về phải trái và thay đổi về người đánh kẻ đỡ, của các động tác từ 6 tới 9 mà thôi.

Trong động tác 10 này, thì khi quyền phải đánh xuống đầu A, quyền trái của B đem ra sau, cánh tay duỗi thẳng, hồ khẩu hướng xuống đất.

Còn A, khi xòe, chưởng nắm lấy cổ tay phải của B, thì cùi chỏ trái hướng sang phải, cổ tay trái xoay đi, cho ngón út ở trên, ngón cái ở dưới. Quyền phải đem ra sau, cánh tay phải duỗi thẳng, và hồ khẩu hướng xuống đất.



Hình 10 : Liên hoàn thủ (động tác 10).

## ĐỘNG TÁC 11

Khi B bị A nắm lấy cổ tay phải, thì chân trái từ sau bước tới một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời quyền trái vung từ sau tới trước và vung từ trên xuống dưới, đánh mạnh xuống cánh tay trái của A.

— Chú giải :

Động tác này chỉ là động tác 6 được thay đổi phương hướng phải trái và thay đổi về người đánh kẻ đỡ mà thôi.

Hình vẽ 11 cho thấy lúc B vừa mới dùng quyền trái đánh xuống cánh tay trái của A, và tay trái của A vẫn còn nắm cổ tay phải của B, chưa buông ra.



Hình 11 : Liên hoàn thủ (động tác 11).

## ĐỘNG TÁC 12

Khi A bị đánh vào cánh tay trái, thì tay trái tắt buồng ra, chân trái nhấc lên, lùi lại một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Bàn tay trái buông ra, nắm lại thành quyền, theo chân trái đem ra sau, cánh tay duỗi thẳng, hổ khẩu hướng xuống đất.

Thấy A lui về như vậy, lập tức B vung tay phải, đánh một quyền xuống đầu A, trong khi bộ pháp vẫn không thay đổi.

Lập tức A xòe tay phải thành chưởng, đưa lên nắm lấy cổ tay phải của B. Cùi chỏ phải của A hướng sang phải lòng bàn tay ngửa lên, ngón cái ở dưới ngón út ở trên.

— Chú giải :

Động tác này chỉ là động tác 7 được thay đổi về phương hướng phải trái, và về kẻ đánh người đỡ mà thôi.

Trong động tác này, khi B vung quyền phải tấn công A, thì quyền trái của B từ trên đem xuống phía trước hạ bộ, cánh tay trái hơi co lại cùi chỏ hướng ra ngoài, lòng quyền trái ngửa lên hổ khẩu hướng tới phía trước.



Hình 12 : Liên hoàn thủ  
(động tác 12)

## ĐỘNG TÁC 13

Tay phải của B đã bị A chặn lại. B không thay đổi bộ pháp, quyền trái mở ra thành chưởng, từ dưới đánh lên, dùng cạnh bàn tay đánh vào động mạch ở cổ tay phải của A.

— Chú giải :

Động tác này chỉ là động tác 8 được thay về phương hướng phải trái và về kẻ đánh người đỡ mà thôi.

Nên chú ý là trong động tác này, bộ pháp của A và B đều không biến đổi. Mặt khác nên chú ý là tay trái của B đánh lên thì đánh bằng cạnh bàn tay, nghĩa là lòng bàn tay hướng tới trước, lưng bàn tay xoay về mình, đánh thẳng từ dưới lên trên và hơi xéo từ phải qua trái.



Hình 13 : Liên hoàn thủ  
(động tác 13)

## ĐỘNG TÁC 14

A bị đánh vào cổ tay phải, lập tức phải buông tay phải ra, đồng thời đem chân phải lùi về sau một bước, thân mình hơi xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức".

Trong lúc đó B bước chân phải tới trước và sang trái, thân mình xoay hẳn sang trái, bộ pháp biến thành Kỵ mã thức" đồng thời quyền phải đánh thẳng tới bên sườn trái của A (theo thế Oa đồ quyền", đã nói ở động tác 9).

Bị B tấn công, bàn tay trái của A xòe ra, biến thành "Cầu hình" (đã nói ở trên), nắm chặt lấy cổ tay phải của B.

— Chú giải :

Động tác này chỉ là động tác 9 được thay đổi về phương hướng phải trái, và về kẻ đánh người đỡ đỡ mà thôi.

Trong động tác này, sau khi buông ra, tay phải của A nắm lại thành quyền, theo chân phải đem ra phía sau, cánh tay thẳng, hổ khẩu hướng xuống đất.



Hình 14 : Liên hoàn quyền (động tác 14)

Còn B thì tay trái nắm lại thành quyền, đem về bên sườn trái, cùi chỏ hướng sang trái, lòng quyền ngửa lên, hổ khẩu hướng sang trái.

14 động tác vừa kể trên gọi chung là "Liên hoàn thủ", gồm những chiêu thức công và thủ trao đổi lẫn nhau. Tuy có những động tác được lặp lại, nhưng phương hướng phải trái đã thay đổi, kẻ đánh người đỡ đã thay đổi. Bạn đọc luyện tập thuần thục 14 chiêu thức này, cũng có thể sử dụng hữu hiệu trong lúc tự vệ.

## SUY CHỮU

A nhấc chân phải, bước tới một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", dùng quyền phải đánh vào mặt B.

B hơi xoay người sang phải, hai chân không xê dịch, nhưng bộ pháp cũng biến thành "Hữu tiên cung thức". Tay trái xòe thành chưởng, nắm lấy cổ tay phải của A, kéo mạnh sang phải và xuống dưới, đồng thời tay phải cũng xòe thành chưởng, đỡ lấy cùi chỏ của A và đẩy mạnh lên (động tác đẩy cùi chỏ này gọi là *Suy chửu*).

— Chú giải :

A bước chân phải tới thành "Hữu tiên cung thức", vung tay phải đánh quyền vào mặt B.

B không xê dịch hai chân, nhưng chuyển bộ pháp thành "Hữu tiên cung thức". Hai quyền xòe ra thành chưởng.



Hình 15 : Động tác Suy chửu

Chưởng trái xoay ra phía trước, đỡ lấy quyền phải của A (có thể là nắm lấy cổ tay phải của A, nhưng nếu nắm được quyền của A thì tốt hơn, bởi vì nếu nắm cổ tay, A có thể xoay cổ tay mà gỡ ra được, còn nắm quyền thì dù có xoay, quyền của A cũng vẫn nằm trong chưởng trái của B), cánh tay co ngang vai, lưng bàn tay xoay về hướng mình, ngón út ở trên, ngón cái ở dưới.

Trong khi đó chưởng phải của B đỡ lấy cùi chỏ của

A mà đẩy mạnh lên. Cánh tay của A sẽ bị vụn rất mạnh, rất mau, rất đau đớn.

Tất cả bí quyết là ở hai bàn tay của B. Bàn tay trái như nắm quyền phải (hoặc cổ tay phải) của A mà kéo sang trái và xuống dưới, trong khi bàn tay phải đỡ lấy cùi chỏ phải của A và đẩy mạnh lên. Có như thế, cánh tay của A mới bị vụn đau đớn.

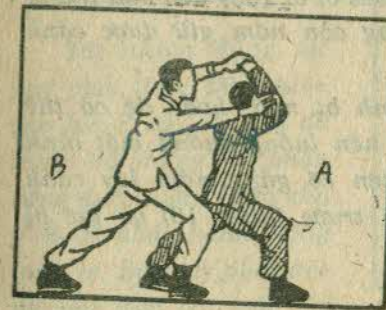
Trong động tác này, quyền trái của A đem ra phía sau, cánh tay duỗi thẳng, hở khẩu hướng xuống đất.

Hình 15 cho thấy lúc B đang phản công A. Còn lúc A vung quyền phải đánh tới, thì chúng ta tưởng tượng ra cũng được.

Nếu B có động tác nhanh, mạnh, và nhất là đúng cách, thì tay A có thể bị trật khớp xương rất dễ dàng. Bởi vậy khi luyện tập thì nên tập chậm rãi trước, sau đó thuần phục thì động tác mới nhanh, và khi nghe bạn mình kêu đau thì lập tức phải buông ra ngay.

## PHẢN BỐI NIÊM THÂN KHÁO

A nhắc chân trái lên, bước vòng sang trái và ra sau một bước dài, thân mình xoay ngược lại, sao cho bàn chân trái của mình ở sau bàn chân phải của B (hình 16). Sau đó xoay mình, dùng đầu gối trái chặn sau chân phải của B, dùng cánh tay trái gạt mạnh nơi cổ B, khiến B phải ngã về phía sau (hình 17).



Hình 16 : Phản bối

— Chú giải :

Đây là đòn phản công của A, khi B vịn tay. Như 2 hình 16 và 17 cho thấy, động tác này gồm hai phần, là "Phản bối" và "Niêm thân kháo".

Sau khi bị B vịn tay, A bước chân và xoay mình, sao cho lưng mình ở trước mặt B như hình 16 cho thấy. Tất nhiên, động tác bước chân xoay mình này phải luyện tập cho thật thuần thục, để khi áp dụng sẽ được hoàn toàn lạnh lẽ tự nhiên.

Từ hình 16 tới hình 17, bạn đọc hẳn thắc mắc, tại sao chân trái của A đang ở phía trước chân phải của B, mà sang hình 17 lại ở phía sau chân phải của B. Thật



Hình 17 : Niêm thân kháo.

ra A đã không bước thêm bước nào nữa, mà chỉ tiếp tục xoay mình và buộc B phải xoay theo mà thôi.

Những hình vẽ này, chúng tôi cho vẽ theo đúng những bức hình chụp trước đây của đại võ sư Hàn Khánh Đường. Và như đã nói, một động tác rất phức tạp, chỉ chụp, hoặc vẽ những phần nào quan trọng mà thôi, chứ không thể vẽ thật tỉ mỉ như những hình ảnh tiếp nối của một cuốn phim được.

Trong động tác này, tất nhiên vì bị xoay kéo mất thăng bằng, hai bàn tay của B không còn nắm giữ được cánh tay phải của A nữa.

Tuy nhiên, để có thể tránh bị ngã, hoặc để có thể phản công lại được, B không nên luống cuống mất bình tĩnh, trái lại, bàn tay phải nên cố gắng nắm lấy cánh tay phải của A lúc bị kéo tới trước (hình 16) và lúc bị gạt té ra sau (hình 17).

## TIỀN ĐẢO BÁT

B phản công lại bằng cách dùng bàn tay trái nắm lấy cổ tay hoặc bàn tay trái của A (lúc đó đang gạt ngang trước cổ mình), đồng thời bàn tay phải, đè mạnh xuống vai trái của A, khiến người A phải cúi xuống trước. Cánh tay trái của A sẽ bị bẻ đau.

Nếu B tiếp tục kéo tay trái lên, đè tay phải xuống thì A tất sẽ té xuống phía trước.

— Chú giải :

Tất nhiên động tác này phải được thực hiện vào lúc B sắp té (nếu đã té rồi thì không còn phản công được nữa). Điều chú ý là B phải hành động nhanh lẹ. Bàn tay phải kéo về, đặt trên vai trái của A và đè mạnh xuống, trong khi bàn tay trái nắm lấy cổ tay trái của



Hình 18 : Động tác  
Tiền đảo bát.

A, sao cho cùi chỏ trái của A hướng lên trên. Rồi tay trái kéo lên, tay phải ấn xuống, cánh tay trái của A mới đau, và A mới có thể bị té tới phía trước.

Nếu để cho cùi chỏ trái của A hướng xuống đất hoặc ra sau, thì A sẽ có thể co cánh tay trái lại, hoặc dùng cùi chỏ trái đánh vào bụng dưới hay hạ bộ của B.

Trường hợp A còn gắng gượng được chưa té, hoặc A đang tìm cách phản công, thì B vừa kéo tay trái lên, vừa đè mạnh tay phải xuống, và đặc biệt là gạt chân phải

về sau, chân trái của A sẽ bị tung lên, và A buộc phải té tới trước.

Trong đòn này, B phải đứng cho vững nhất là chân trái, nên B phải đứng theo bộ pháp "Tả tiên cung thức", nghĩa là chân trái cong lại, chân phải duỗi thẳng ra.

Cũng nên chú ý là từ hình 15, hai bàn chân của B vẫn không đổi chỗ, chỉ có bộ pháp là biến đổi mà thôi.

Trường hợp không gương được mà phải té xuống phía trước, thì A nên bình tĩnh chống tay phải xuống đất, đầu gối phải gập hẳn lại, đầu gối trái duỗi thẳng, thân mình cong gập hẳn xuống.



Hình 15 : Bạch mã phiên đề (giai đoạn 1)

## BẠCH MÃ PHIÊN ĐỀ

Sau khi bị té phục tới trước, A lập tức nhom người dậy, dùng bàn tay phải nắm chặt lấy bàn tay phải của B mà kéo xuống (hình 19), đồng thời bàn tay trái nắm lấy bàn tay trái của B, đẩy mạnh tới trước, khiến B phải xoay qua trái, lúc đó cả hai bàn tay A cùng nắm lấy bàn tay phải của B mà bẻ ngược lên. Lòng bàn tay của B phải ngửa lên (hình 20).



Hình 19 : Bạch mã phiên đề (giai đoạn 1)

Hình 20 : Bạch mã phiên đề (giai đoạn 2)

— Chú giải :

Khi bị té tới trước, A chống tay mà đỡ, khom người xuống cho khỏi té lộn nhào, rồi lập tức nhom người lên, dùng bàn tay phải (vừa mới chống xuống đất) nắm lấy các đầu ngón tay bàn tay phải của B. Nhớ là nắm thật chặt và kéo mạnh xuống.

Đồng thời tay trái của A phải đẩy mạnh tay trái của B tới trước. Lúc này B tất sẽ buông tay trái ra, không còn nắm lấy bàn tay trái (hoặc cổ tay trái của A nữa). B buông tay trái ra như vậy là để tìm dịp phản công.

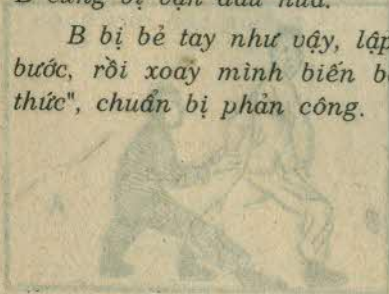
Lập tức A sẽ dùng cả hai tay để bẻ bàn tay của B,



nhớ bề thế nào cho các ngón tay của B cong ngược lại, cho lòng bàn tay của B phải ngửa lên, thì B mới đau đòn. Nếu bề không đúng cách, B sẽ không đau đòn và sẽ phản công dễ dàng.

A bề tay B đúng cách, tức là hai bàn tay A, tám ngón tay đều dè lên lưng bàn tay phải của A, hai ngón cái thì ở dưới bốn ngón tay của B, rồi hai ngón cái đó bề ngược lên, trong khi tám ngón kia dè xuống. Như vậy chẳng những các ngón tay của B bị bề đau, mà cổ tay phải của B cũng bị vận đau nữa.

B bị bề tay như vậy, lập tức bước chân phải lên một bước, rồi xoay mình biến bộ pháp thành "Tả tiên cung thức", chuẩn bị phản công.



## LIÊN LÝ NGƯ THÁC TAI

Để phản công, như đã nói, B bước chân phải lên một bước, rồi xoay mình hẳn lại, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", đồng thời bàn tay trái đặt vào cằm của A mà đẩy mạnh tới trước.

— Chú giải

Khi phản công, B phải lanh lẹ, động tác quan trọng nhất là bước chân phải lên, và xoay hẳn thân mình lại phía sau. Lúc xoay mình lại như vậy, bàn tay phải của B vẫn còn bị bàn tay trái của A nắm giữ, và do đó cánh tay phải của B bị quặt ra sau.



Hình 21 : Lý ngư thác tai.

Khi B bước chân phải lên, thì bước một bước vừa phải, không ngắn quá, cũng không dài quá, để khi xoay mình lại, có thể biến bộ pháp thành "Tả tiên cung thức" được dễ dàng và vững chắc.

Lúc này, tự nhiên A sẽ phải đứng cao lên, và bộ pháp sẽ phải biến thành "Tả tiên cung thức". Nếu B tiếp tục đẩy mạnh tay trái thì A sẽ phải buông tay phải của B ra và lùi lại.

## NGHÊNH PHONG KHUẤT LIỄU

Tất nhiên A phải tìm cách phản công. Muốn vậy, A nên quay đầu để cho bàn tay trái của B không còn áp đảo hữu hiệu nữa, rồi dùng bàn tay trái, nắm lấy bàn tay trái của B mà bẻ gấp cổ tay lại như trong hình 22. Tiếp đó thì A dùng cả hai bàn tay để bẻ bàn tay trái của B như hình 23.



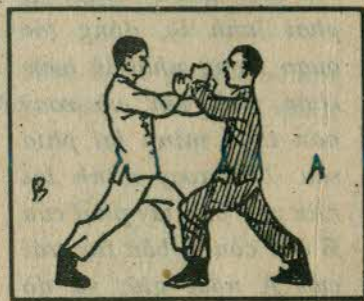
Hình 22 : Nghênh phong khuất liễu (giai đoạn 1)

— Chú giải :

Khi A xoay đầu để làm cho bàn tay trái của B không còn hiệu quả nữa, thì phải xoay nhanh và thành linh, thì B mới không kịp để phòng. Rồi liền ngay đó phải bẻ ngay bàn tay và cổ tay trái của B.

Bẻ cho đúng cách, thì phải xoay ngược đầu bàn tay của B về hướng mặt B, sau đó A dùng cả hai bàn tay để bẻ cho cổ tay trái của B gấp hẳn lại. Như vậy cổ tay của B mới bị đau.

Tất nhiên là khi bắt đầu tập thì không nên hấp tấp, phải tập chậm chạp, động tác cho đúng đã. Khi động

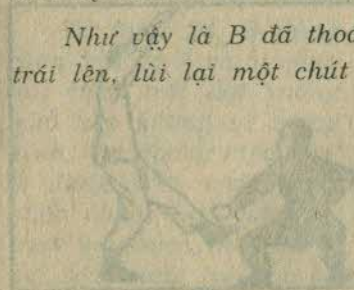


Hình 23 : Nghênh phong khuất liễu (giai đoạn 2)

tác làm nhiều lần đã đúng, thì mới tập lần lần cho nhanh mãi lên.

Bị bẻ đau cổ tay trái như vậy, tất nhiên B còn tay phải dang rành rành, sẽ đưa lên, đẩy bàn tay của A trở ngược lại, rồi thành linh, bàn tay phải của B sẽ đập mạnh xuống bắp tay trái, khiến cho bàn tay trái tuột khỏi bàn tay của A.

Như vậy là B đã thoát đòn, và B sẽ nhấc chân trái lên, lùi lại một chút để chuẩn bị phản công.



## TÍCH THUẬN CƯỚC

B giơ chân trái lên, hơi lùi người ra sau và tung chân trái đá vào hạ bộ của A.

A không xê dịch hai chân, nhưng bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức", rồi dùng quyền trái chặn mũi chân của B lại.

— Chú giải :

Thông thường thì hay dùng chân ở phía sau để đá tới, chỉ trường hợp này, B mới dùng chân ở phía trước (lúc đó là chân trái) để đá địch thủ. Sở dĩ như vậy vì nhân đà rút được tay trái ra, nên mới thuận chân trái mà đá tới trước. Đá như vậy là thuận chân mà đá vậy (tức Tích thuận cước).



Hình 24 : Tích thuận cước.

Trong thế này, quyền phải của A đem về bên sườn phải. Còn B thì vung tay phải lên trước đầu, tay trái để ở hông trái.

Sau cùng, tất nhiên, khi đá xong, và bị chặn lại, chân trái của B phải đặt xuống. Từ đó A và B tiếp tục sang động tác kế tiếp.

## PHÁCH CHÚY

B đá xong, đặt chân trái xuống, chân phải bước lên một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" và dùng quyền phải đánh thẳng vào mặt A.

A không xê dịch hai chân, chỉ xoay người biến bộ pháp thành "Tả tiên cung thức", dùng bắp tay trái chặn dưới cổ tay phải của B.

— Chú giải :

Từ hình 24, B dùng chân trái đá A và bị chặn lại, chân trái đặt xuống (chỗ này không vẽ trong hình, bạn đọc tự hiểu lấy). B đứng trên chân trái, nhấc chân mặt bước tới trước một bước, thân mình hơi xoay sang trái, và bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời dùng quyền phải đánh vào mặt A, hồ khẩu hướng lên trên. Quyền trái của B đưa ra sau, cùi chỏ thẳng, hồ khẩu hướng xuống dưới.



Hình 25 : Phách chúy.

Còn A thì hai chân không xê dịch, nhưng xoay người sang trái và bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", đồng thời vung quyền trái từ dưới lên, chặn lấy phía dưới cổ tay phải của B. Quyền phải của B bị chặn như vậy, sẽ không thể tới mặt A, mà đi chéo lên phía trên. Lúc này quyền phải của A cũng vẫn để bên cạnh sườn phải, lòng quyền ngửa lên, hồ khẩu hướng ra ngoài, cùi chỏ co lại.

A chuẩn bị tấn công bằng quyền phải ở thế vô kế tiếp.

## THÔNG THIÊN PHÁO

Thuận thể, A bước chân phải tới một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", rồi dùng quyền phải, theo thế "Thông thiên pháo" đánh vào mặt B.

B hơi kéo chân phải về một chút, quyền phải xòe thành chưởng, đón bắt lấy quyền phải của A.

— Chú giải : —

Trong khi chặn được quyền phải của B, A liền thuận thể bước chân phải tới một bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" đồng thời quyền phải dùng thế "Thông thiên pháo" đánh thẳng tới mặt B. Các động tác này phải nhanh, và đặc



Hình 26 : Thông thiên pháo

biệt thế "Thông thiên pháo" đánh ra phải cực nhanh, cực mạnh, mới có hiệu lực. Khi tập luyện, phải chú ý điều này.

Lập tức B biến quyền phải thành chưởng, cõ tay lại, cánh tay trên ngang vai, cánh tay dưới vòng lại trước mặt, chưởng mở ra đón lấy quyền phải của A. Ngón tay út ở trên, ngón tay cái ở dưới, lòng bàn tay hướng tới trước.

Hoặc nếu không đón được quyền phải của A, thì nắm lấy cổ tay phải của A cũng được. Tất nhiên thế "Thông

thiên pháo" đánh ra mạnh và mau thì B đỡ cũng phải mau lẹ và vững chắc.

Chân phải của B nhớ kéo về một chút, để thân mình hơi lùi ra sau một chút, hầu tránh được thế "Thông thiên pháo" của A và để đón bắt quyền phải hoặc cổ tay phải của A hơn.

Quyền trái của A đem ra sau, cánh tay duỗi thẳng, hở khẩu hướng xuống dưới. Quyền trái của B cũng vậy.



## KIM TY PHAN MY (thế 1)

B đặt sức nặng trên chân phải, còn chân trái bước tới một bước, thân mình hơi xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Lúc này B ở bên phải của A, chứ không còn đối diện với A nữa.

A sẽ phản ứng tự nhiên, bằng cách không xê dịch hai chân, nhưng thân hình thấp xuống cho vững, bộ pháp biến thành "Ky mã thức".

Nhưng lúc đó đầu gối trái của B đã đặt vào khoeo chân phải của A, tay phải của B kéo thẳng tay phải của A ra sau, bàn tay trái của B đè mạnh lên trán A, và các ngón tay bóp chặt lấy hai lông mày của A

— Chú giải :

Công dụng của thế "Kim ty phan my" này không phải là để bóp đôi lông mày của A, mà ở chỗ, đầu gối trái của B chặn ngay khoeo chân phải của A, đồng thời tay trái của B đè mạnh lên trán A đồng thời kéo mạnh ra sau. Như vậy A khó lòng đứng vững, sẽ phải té ngã ra sau.

Chính vì vậy mà thế này nếu được tập luyện thuần thục, khi tự vệ ngoài đường, không kẻ địch nào tránh khỏi ngã. Tuy nhiên bí quyết của thế này là phải thật nhanh, các động tác của tay và chân phải hòa hợp chặt



Hình 27 : Kim ty phan my (thế 1)

chẽ. Sở dĩ tay trái của B phải bóp chặt đôi lông mày của A, là để có thể kéo mạnh đầu A ra sau mà không tuột tay.

Tất nhiên trong khi tập luyện thì chỉ cốt sao động tác được càng lúc càng nhanh hơn, càng đúng hơn, chứ không phải là để đánh ngã người bạn của mình. Và lại hai người bạn tập luyện với nhau đã thuộc các thế võ, có đánh ngã được bạn cũng là khó, vì người bạn đã đề phòng trước.



## KIM TY PHAN MY (thế 2)

A phân công bằng cách thỉnh linh xoay mạnh đầu sang bên phải, bàn tay trái của B sẽ không còn vững nữa, nếu không nói là sẽ tuột ra. Đồng thời tay phải A giạt mạnh lại, bàn tay trái nắm lấy bàn tay trái của B kéo ra sau. Cũng lúc đó, chân phải A nhấc lên bước ra sau chân trái của B. Đồng thời bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", và tay phải của A đè lên trán B, các ngón tay nắm chặt hai lông mày B, đè xuống và kéo mạnh ra sau.

Khi tay trái của B bị kéo, tự nhiên B sẽ phản ứng bằng cách thấp người xuống, và bộ pháp biến thành "Ky mã thức".

Đầu gối phải của A đặt vào ngay sau khoeo chân trái của B, tay phải của A đè và kéo mạnh đầu B ra sau, B sẽ phải té ngựa ra sau.

— Chú giải :

Theo dõi hai thế này và coi hai hình 27 và 28 bạn đọc thấy ngay thế thứ nhì chỉ là thế thứ nhất được thay đổi phải trái, và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.

Khi A phân công, tất phải lắc mạnh đầu sang phải, động tác này phải thỉnh linh mau lẹ và mạnh mẽ, bàn tay của B tất phải



Hình 28 : Kim ty phan my (thế 2)

tuột ra (lắc sang bên phải mới được, còn nếu lắc sang bên trái, thì chỉ khiến bàn tay của B càng nắm chắc hơn mà thôi).

Thuận thế, A thẳng người lên, chân phải nhấc lên, bước ra phía sau chân trái của B, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" đồng thời tay phải của A đè lên trán B, các ngón tay bóp mạnh vào hai lông mày của B.

Một điều cần chú ý nữa là khi tay trái A nắm lấy tay trái B mà kéo ra sau, muốn B không thể chống cự, thì nên vừa kéo ra sau, vừa cầm bàn tay hoặc cổ tay của B mà bẻ xoắn lại.

Tất nhiên, cũng cần nhắc lại, là các động tác phân công của A phải thật lanh lẹ, thủ pháp, bộ pháp và thân pháp phải phối hợp thật chặt chẽ nhịp nhàng, hiệu quả mới chắc chắn.

Bạn đọc có thể suy ra rằng, từ thế này, B lại có thể phản công lại A rằng thế "Kim ty phan my" (như A đã từng phân công), nhưng khi tập luyện, trao đổi như vậy cũng đủ. Bây giờ cả A và B đều chuẩn bị sang thế vô kế tiếp.

## SANH HOẠT TIỀN ĐẢO BÁT (thế 1)

B đang ở thế bị động, phản công, bằng cách thỉnh lĩnh xoay nhanh và mạnh đầu sang trái, khiến cho bàn tay phải của A không còn nắm vững như trước nữa, đồng thời tay phải của B xô ra, đưa lên lòng tay hướng vào trong, nắm lấy bàn tay phải của A, bẻ ngửa ra ngoài, khiến bàn tay của A phải rời khỏi trán của mình. Lúc này tay trái của A vẫn còn nắm tay trái của B.

Đồng thời B xoay người qua trái và đứng lên, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", tay phải kéo mạnh tay phải của A sang phải, bẻ ngửa lòng bàn tay phải của A lên, trong khi tay trái giật mạnh về, lòng bàn tay trái, (ngón cái ở trong, bốn ngón kia ở ngoài), dè mạnh xuống cùi chỏ phải của A, khiến A đau đớn.

— Chú giải :

Thế này phải chú ý ở chỗ B phải làm sao bẻ cho lòng bàn tay phải của A ngửa lên, và cánh tay phải của A được kéo thẳng, mới có hiệu quả. Nếu không ; A chỉ cần co cùi chỏ phải lại, là thế này trở thành vô hiệu.



Hình 29 : Sanh hoạt tiền đảo bát (thế 1)

Tuy nhiên, thế này chưa thể dừng lại đây, vì A vẫn còn có thể phản công dễ dàng. Chẳng hạn như trong lúc cả hai tay B còn đang bận bịu thì A còn tay trái rảnh rang, có thể đâm mạnh vào bụng B, và B sẽ khó lòng chống đỡ. Bởi vậy B còn phải tiếp tục qua thế "Sanh hoạt tiền đảo bát" thứ nhì.

## SANH HOẠT TIỀN ĐẢO BÁT (thế 2)

B tiếp tục áp đảo A bằng cách dè mạnh bàn tay trái lên cùi chỏ phải của A. Đồng thời B đứng lên chân phải hơi cong lại cho vững, còn chân trái thì kéo lê mạnh và nhanh về phía sau một chút. Muốn kéo mạnh thì kéo bằng gót, và đầu gối trái thẳng ra (động tác này gọi là "sanh hoạt"), khiến A mất thăng bằng, phải té nhủi xuống phía trước (động tác này gọi là "tiền đảo bát").

A bị té nhủi tới phía trước, tay trái sẽ không còn phản công được, mà theo phản ứng tự nhiên, sẽ phải chống tới trước, thân người cong gập hẳn xuống, sức nặng đặt trên chân trái cong gập lại.

— Chú giải :

Trong thế này, A nên té tới trước, chống tay trái xuống, để làm giảm bớt sức công hãm của B, và làm giảm sự đau đớn của cánh tay phải của mình, đừng nên cưỡng lại làm gì.



Một khi sức công hãm của B giảm bớt, thì A sẽ có cơ hội phản công dễ dàng hơn.

Hình 30 : Sanh hoạt tiền đảo bát (thế 2)

Cuối cùng thế này, B đứng theo bộ pháp "Hữu tiên cung thức".

## HẦU TỌA ĐƯỜNG

A bắt đầu phản công bằng cách nhấc chân phải lên, đem qua chân trái của B và bước tới trước một bước. Tiếp đó chân trái cũng bước theo một bước ngắn, thân mình hơi xoay qua trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời tay trái nắm lấy cổ tay phải của B, ngón cái hướng về mình. Theo với sự xoay mình A kéo tay B ra phía sau của B. Rồi tay phải của A luôn qua nách phải của B. Bàn tay phải của A tiếp tục đưa lên, bám lấy vai bên phải của B. Lúc đó thì tay phải của B bị bẻ quặt ra sau, và bị khóa chặt đau đớn.

B sẽ phải biến bộ pháp thành "Tả tiên cung thức" và ngực sẽ phải vươn ra để giảm đau ở vai và cánh tay phải.

Tuy nhiên, ở thế này, B vẫn có thể phản công dễ dàng, bởi vậy A phải bước sang giai đoạn kế tiếp, bằng cách bàn tay phải bám chặt đầu vai phải của B, cánh tay dưới bên phải của A đưa lên cao thêm, khiến B đau đớn thêm, đồng thời tay trái của A xô ra thành chưởng, đặt lên trán của B các ngón tay bấu chặt vào hai lông mày B, kéo mạnh ra sau và xuống dưới, trong khi chân trái của A co lên, đặt gối vào lưng của B mà đẩy mạnh.

B sẽ phải bước chân phải lên một bước, biến bộ pháp thành "Ky mã thức" để đứng cho vững và chịu đau.

— Chú giải :

Ở thế "Sanh hoạt tiên đảo bát" trước đó, A té nhui tới phía trước, chống tay trái xuống đất sức kiềm chế của B đã suy giảm. Nhân lúc B chưa kịp gia tăng sức kiềm chế mới, thì A nhòm người lên. Phải lợi dụng đúng giây



Hình 31 : Hầu tọa đường  
(giai đoạn 1)



Hình 31 : Hầu tọa đường  
(giai đoạn 2)

phút đó để nhòm dây, vì nếu chậm trễ, B sẽ lập lại được thế kiềm chế nguy hiểm. A nhòm dây thì đòn cùi chỏ mà B đang áp dụng cũng trở nên thất lợi. A liền nhân đó đưa chân bước tới phản công.

Khi A dùng tay trái nắm cổ tay phải của B thì phải dùng sức kéo tay B ra sau lưng và bẻ gấp lại, đồng thời luôn tay phải qua dưới nách phải của B. Lúc này phải hành động cực mau lẹ, vì động tác phức tạp, nếu hành động chậm chạp, thế phản công sẽ vô hiệu. Lập tức bàn tay phải của A phải từ dưới lưng B đưa lên bám chặt lấy đầu vai phải của B.

Khi bàn tay phải đã bám chắc, thì tay trái buông ra để chuẩn bị đè lên trán B, trong khi chân phải phải đứng cho vững, chân trái đưa lên tỳ mạnh đầu gối trái vào lưng B. Tất cả những hành động này đều phải mau lẹ và phối hợp chặt chẽ, không được rời rạc chậm chạp.

Trong "Nhu thuật" của người Nhật, cũng có một thế đòn tương tự như thế "Hầu tọa đường" này, nhưng động tác đơn giản hơn, chỉ làm sao bẻ cánh tay sau lưng của kẻ địch mà thôi. Trong khi động tác của thế "Hầu tọa



đường" này phức tạp hơn, mục đích là kiềm chế địch thủ chặt chẽ hơn.

Phần lớn những đòn trong "Nhu thuật" của Nhật là mô phỏng các thế đòn "Cầm nã" của quyền thuật Trung Hoa, nhưng người Nhật đã biết cách biến chế, nghiên cứu từ đời này qua đời kia, mà lập ra được truyền thống Võ sĩ đạo, khiến cho nước mạnh dân hùng. Hướng hồ chúng ta sẵn có võ thuật cổ truyền lại không biết tập luyện để cường dân hưng quốc được hay sao ?

Thế "hầu tọa đường" này được tập luyện thuần thục và áp dụng đúng cách, sẽ khiến địch thủ đau đớn, không thể chống cự lại được.

## TRIỀN TY

Tất nhiên thế võ nào cũng có cách phản công, cho nên B thỉnh linh xoay mạnh đầu sang trái, dùng tay trái đang rảnh rang, nắm lấy bàn tay trái của A (ngón út ở phía trước, ngón cái ở phía sau), các ngón tay móc chặt vào dưới lòng bàn tay trái của A mà bẻ ngược lên (tức bẻ ngược sang trái của B).

Khi thấy B khởi sự phản công như vậy, phản ứng tự nhiên của A là đặt chân trái xuống đất và hơi thấp mình xuống để giữ thăng bằng.

Nhân lúc A đang lo thế thủ như vậy thì B nhanh nhẹn bước chân trái tới trước một bước, xoay mình lại đối diện với A, bộ pháp biến thành Hữu tiên cung thức. Tay trái B vẫn nắm bàn tay trái của A.

Xoay mình xong tức là cánh tay phải của B đã được giải thoát, B dùng tay phải nắm thêm vào cổ tay trái của A, dùng lực hai tay đẩy A về phía sau.

Phản ứng tự nhiên của A là đưa chân phải lùi về sau một bước để giữ thăng bằng, bộ pháp A biến thành "Tả tiên cung thức".



Hình 33 : Trien ty  
(giai đoạn 1)



Hình 34 : Trien ty  
(giai đoạn 2)

— Chú giải :

Khi B bắt đầu phản công bằng cách thỉnh linh xoay mạnh đầu sang trái, thì bàn tay trái của A đè trên trán không còn hiệu lực nữa. Tức thì B đưa bàn tay trái lên, lòng bàn tay úp vào lưng bàn tay trái của A, các đầu ngón tay móc vào phía dưới ngón cái của bàn tay trái A, mà bẻ ngửa lên sang phía trái của mình, (hình 33).

Khi đã bẻ được bàn tay trái của A, thì B lập tức bước chân trái tới trước một bước, và thỉnh linh dùng hai mũi chân xoay mạnh thân mình từ trước ra sau, đối diện với A.

Khi B xoay mình như thế (xoay từ trái sang phải) thì tự nhiên cánh tay phải của B thoát khỏi sự kèm giữ của A.

Ngay sau khi xoay mình xong, B dùng cả hai tay nắm lấy cổ tay trái của A mà đẩy mạnh tới trước.

Lúc này A phải lùi chân phải về sau một bước để giữ thăng bằng cho khỏi bị té ngửa ra sau, và thấp người xuống, bộ pháp biến thành Tả tiền cung thức. A lùi lại như vậy là để làm giảm sức đẩy của B, và từ đó để tìm cách phản công.

Khi lùi chân phải về như vậy, đồng thời quyền phải của A cũng đem ra sau, cánh tay thẳng, hổ khẩu hướng xuống đất.

## CHÚY YÊU

Sau khi đã làm giảm sức đẩy của B, A bắt đầu phản công bằng cách lại bước chân phải tới trước một bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiền cung thức". Đồng thời quyền phải đánh thẳng tới sườn trái của B, lưng quyền hướng lên trên.

B vội dùng chưởng trái gạt ra và nắm lấy cổ tay phải của A.

— Chú giải :

Ở thế "Triền ty" bên trên, A bị B đẩy mạnh ra sau, và phải lùi chân phải về một bước, để làm giảm sức kiềm chế của B. Ngay sau khi lùi lại như vậy, sức kiềm chế của B vừa giảm, thì A lợi dụng ngay khoảnh khắc đó để thỉnh linh bước chân phải tới một bước, đồng thời thân mình thấp xuống, bộ pháp biến thành "Hữu tiền cung thức", và quyền phải đánh thẳng vào sườn trái của B, chỗ dưới tim.



Hình 35 : Chúy yêu.

B lập tức dùng chưởng trái gạt và nắm lấy cổ tay phải của A. Khi đưa chưởng ra như vậy, B nên chú ý là cùi chỏ trái hướng sang trái, cánh tay trái cong lại, chưởng hướng về phía trước, ngón út ở ngoài ngón cái ở trong.

Chấm dứt thế này, bàn tay phải của B cũng vẫn còn nắm lấy cổ tay của A.

## CỔ ĐỀ

Sau khi nắm được cổ tay phải của A, B dùng bàn tay trái bẻ ngửa từ dưới lên trên và từ phải sang trái (tức từ trong ra ngoài), đồng thời hai chân không xê dịch, nhưng dùng hai mũi chân, xoay người sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", tay phải B buông cổ tay trái của A ra, cả hai tay B cùng nắm cổ tay và bàn tay phải của A mà bẻ ngửa ra.

— Chú giải :

Điều chú ý là ngay khi bàn tay trái của B nắm được cổ tay phải của A, thì phải lập tức ngửa ra, để làm mất sức chống đỡ của A, nếu không bẻ ngửa ra hoặc chậm chạp, A sẽ rút tay phải lại được dễ dàng và có thể đánh tiếp.



Hình 36 : Cổ đề

Nhưng dùng một bàn tay trái để bẻ ngửa tay của A ra như vậy cũng không thể chế ngự được lâu, mà chỉ là tạm thời. Bởi vậy ngay sau đó, B phải biến đổi bộ pháp, rồi dùng cả hai bàn tay mà bẻ cổ tay phải của A. B phải biến đổi bộ pháp để thêm sức mạnh cho hai tay. B có thể cúi người xuống để thêm sức cho hai tay bẻ ngửa cổ tay của A càng nhiều càng tốt.

Lúc này A chỉ còn cách nghiêng người sang phải, thuận theo chiều tay bị bẻ để làm giảm đau đớn. Trong khi tay trái đem ra sau cánh tay duỗi thẳng, bàn tay chụm lại thành Cầu hình, các đầu ngón tay hướng xuống đất, chờ đợi phân công.

## SANH THỦ

Tiếp theo, A bước chân trái tới trước một bước, sao cho chân trái của A ở phía trước chân phải của B bộ pháp của A biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời tay trái của A nắm lấy cổ tay phải của B mà bẻ ngửa lên từ sau ra trước (theo chiều của A).

Bàn tay phải của B sẽ phải từ từ rời khỏi cổ tay, phải của A.

— Chú giải :

Khi A dùng bàn tay trái nắm lấy cổ tay phải của B mà bẻ ngửa từ sau tới trước, thì lòng bàn tay trái của A úp xuống trên cổ tay phải của B, các ngón tay nắm chặt lại, ngón út ở bên trái, ngón cái ở bên phải. Vừa bẻ ngửa ra vừa nhấc cổ tay phải của B lên, như vậy bàn tay phải của B sẽ phải buông rời ra.



Hình 37 : Sanh thủ

Khi bàn tay của A nắm lấy cổ tay phải của B thì nên nắm ở gần cuối bàn tay phải của B, như vậy bẻ ngửa lên mới dễ mà không phải dùng quá sức.

Chấm dứt thế "Sanh thủ" này thì hai bên vẫn nắm tay nhau.

## QUÁN NHĨ

A không xô dịch bộ pháp, giật mạnh tay phải ra, dùng quyền phải đánh từ phải sang trái từ dưới lên trên theo thế "Quán nhĩ" mà tấn công B.

B liền dùng chưởng phải nắm lấy cổ tay phải của A.

— Chú giải :

Thế "Quán nhĩ" là dùng quyền đánh ngang, nhằm vào tai đối phương. Khi dùng thế "Quán nhĩ" thì cánh tay cong lại, cùi chỏ hướng ra ngoài, đánh từ thấp lên cao, và từ bên nọ qua bên kia (ở đây A đánh bằng quyền phải, nên đánh từ phải sang trái). Mặt khác, lòng quyền hướng về đối phương và hồ khẩu hướng xuống dưới.

B dùng chưởng phải nắm lấy cổ tay phải của A, thì cánh tay phải của B cũng giơ cao lên, cùi chỏ hướng ra ngoài, lòng bàn tay hướng về phía đối phương, ngón út ở trên, ngón cái ở dưới.

Bàn tay trái của A vẫn nắm lấy phần cuối bàn tay trái của B.

"Quán nhĩ" là thế đánh vào tai. Ở phía ngay dưới tai có đường thần kinh quan trọng. Đánh trúng có thể bị ngất đi.



Hình 38 : Quán nhĩ

## ĐIỀN HƯ

Bị chặn lại như vậy, lập tức A mở bàn tay phải, nắm lấy cổ tay phải của B, dùng sức kéo B tới trước, A cũng đứng thẳng người lên.

B cũng thuận thế nhắc chân trái bước tới một bước. (hình 39)

Rồi B lại nhắc chân phải, xoay mình và bước lùi sang phải một bước, hai chân đứng thẳng, dùng tay trái kéo bàn tay trái của A tới dưới nách phải của A, đồng thời tay phải kéo tay phải của A tới bên sườn phải của mình. Lúc này A cũng đứng thẳng hai chân (hình 40).

Khi B đã kéo được tay trái của A tới dưới nách phải của A, thì dùng sức kéo ra sau và bẻ ngược lên, đồng thời ấn mạnh xuống mà chế ngự A. Đồng thời tay phải của B dùng sức kéo thẳng tay phải của A sang phải và ra sau của mình. A phải cúi gập người xuống, trong khi bộ pháp của B biến thành "Tả tiên cung thức" để trợ lực cho sức đè của tay trái (hình 41).

Bây giờ A dùng đầu gối phải của mình, đè mạnh vào khoeo chân trái của B để phản công, B buộc phải quỳ đầu gối trái xuống đất. Thế này gọi là "Điền hư" (hình 42)



Hình 39 : Điền hư  
(giai đoạn 1)



Hình 40 : Điền hư  
(giai đoạn 2)



Hình 41 : Diên hư  
(giai đoạn 3)

— Chú giải :

Tay phải của A ở thế "Quán nhi" lúc trước nắm lại thành quyền bây giờ trước hết phải mở ra thành chưởng (Lúc này B vẫn còn nắm cổ tay phải của A)

B cũng vẫn dùng tay trái mà níu bàn tay phải của A (nên nhớ là tiếp trong các giai đoạn của thế "Diên hư" này, hai bên vẫn nắm tay nhau) do đó lúc này A và B dùng bàn tay nắm lẫn nhau.

Trong hình 39, tức giai đoạn 1, A không thay đổi bộ pháp. Còn B khi bước chân trái tới một bước, thì chân trái đó nên bước tới giữa hai chân của A.

Trong hình 40, tức giai đoạn 2, B lùi chân phải sang phải một bước và xoay mình sang trái. Hai động tác này vốn phải được thực hành liền nhau, không phân biệt ra được.

Các động tác tấn công của B thường là thuận thế mà thi hành. Chẳng hạn như khi A kéo B, thì B nhân



Hình 42 : Diên hư  
(giai đoạn 4)

đó mà kéo tay trái của A tới dưới nách phải của A, rồi tiến hành động tác khóa tay.

Trong các động tác này, vì hai người nắm chặt tay nhau, nên tay thường biến đổi theo thân pháp.

Khi nói đứng thẳng hai chân, không có nghĩa là đứng nghiêm, hai chân sát nhau, mà là đứng hai chân xa nhau một khoảng vừa phải, thân mình thẳng, sức nặng thân thể đồng đều trên hai chân.

Khi A phản công bằng cách dùng đầu gối phải đè vào khoeo chân trái của B, thì B quỳ ngay đầu gối trái xuống đất, để làm giảm bớt sức chế ngự của A.

Lúc này, hai người vẫn còn giữ tay nhau.



## ĐIỀN HƯ (tiếp theo)

A và B vẫn còn giữ tay nhau.

Thành linh A nhòm người lên, dùng cùi chỏ phải đánh vào ngực B.

Tất nhiên B cũng đứng dậy theo, và biến bộ pháp thành "Tả tiên cung thủ" và chỉ còn cách ngừa người ra phía sau để tránh (hình 43).

B tiếp tục nhấc chân trái lên, lùi sang trái và ra sau một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đôi bên vẫn nắm giữ tay nhau (hình 44).



Hình 43 : Điền hư  
(giai đoạn 5)



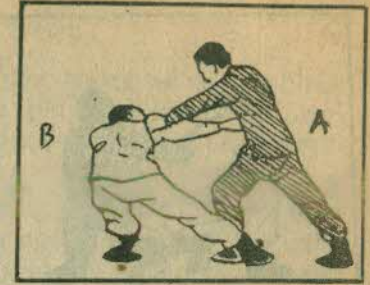
Hình 44 : Điền hư  
(giai đoạn 6)

A nhấc chân trái bước tới trước một bước, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" A dùng tay trái kéo tay trái của B tới dưới nách phải của B, và dùng tay phải kéo thẳng cánh tay phải của B tới bên sườn phải của mình. Lúc này, hai chân của B không xê dịch, nhưng dùng các mũi bàn chân, xoay người sang trái và ra sau, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" (hình 45)

A đã kéo được tay trái của B tới dưới nách phải của B, thì tiếp tục dùng sức kéo mạnh về phía sau và bẻ ngược



Hình 45 : Điền hư  
(giai đoạn 7)



Hình 46 : Điền hư  
(giai đoạn 8)

lên để chế ngự B, đồng thời cũng dùng tay trái dè mạnh vai phải của B xuống, khiến B phải cúi gập người xuống thấp. Lúc này B bị khóa cả hai tay (hình 46).

Tiếp đó B phản công bằng cách dè đầu gối phải của mình vào sau khoeo chân trái của A, khiến A phải quỳ đầu gối trái xuống đất. (hình 47)

Từ hình 47 trở về trước, đôi bên vẫn nắm giữ tay nhau. Bây giờ, B nắm hai tay A đẩy mạnh sang phải và ngang lên, còn A thì bị đẩy mạnh phải chống hai tay xuống đất (hình 48). Và hai người rời nhau.

Đến giai đoạn cuối cùng, B mới thành linh đẩy mạnh A và buông hai tay ra, hai người rời nhau ra. A vì không đề phòng, nên té nhúi tới trước và phải chống hai tay xuống đất để đỡ. Khi chống hai tay xuống đất để đỡ như vậy, A phải nhớ là không nên chống thẳng, mà hai tay phải cong lại để chịu đựng, sau đó mới thẳng tay lên. Nếu chống thẳng tay từ đầu, sẽ bị đau tay, có thể bị sái, hoặc trật tay. Tay cong mà chống xuống thì giống như cái nhíp nhún được, sẽ làm giảm bớt sức nặng té xuống.

Ở hình 41, A bị B khóa tay, nhưng nhờ A quỳ xuống mà sức chế ngự của B giảm bớt đi. A nắm lấy cơ hội này



Hình 47 : Diên hư  
(giai đoạn 9)



Hình 48 Diên hư  
(giai đoạn 10).

để nhóm người lên phản công. Nhưng bốn tay còn đang nắm chặt lấy nhau, nên A chỉ có thể dùng cùi chỏ phải đánh mạnh vào ngực của B.

Đòn phản công này rất mạnh mẽ, B trước hết phải lùi một bước, ngửa người ra tránh. Tuy nhiên B lùi một bước như vậy, A lại thừa thế tiến tới một bước, nhân sự thất thế của B mà phản công lại B, đó là "đĩ kỳ đạo trị kỳ nhân", khiến sự phản công trở thành dễ dàng mà hao tổn ít sức vậy.

## TIỂU KẾT THỨC

A và B đứng dậy, hai chân đều không xê dịch, nhưng bộ pháp của A biến thành "Hữu tiên cung thức", bộ pháp của B cũng biến thành "Hữu tiên cung thức", hai người xoay lưng lại nhau.

Cả hai đều tay phải duỗi thẳng hướng tới trước, lòng bàn tay hướng tới trước, các đầu ngón tay hướng lên trên. Tay trái duỗi thẳng ra sau, lòng bàn tay hướng ra sau, các ngón tay cũng hướng lên trên.

Tư thế hai người đối xứng nhau, như trong hình 49.

A bước chân trái tới trước, đồng thời xoay mình sang phải, chân phải co lên, thân mình đứng thẳng trên chân trái, hai tay theo thế "Xuyên chưởng".

B bước chân trái tới trước, xoay mình sang trái, chân phải co lên, thân mình đứng thẳng trên chân trái, hai tay theo thế "Xuyên chưởng".

Hai người lại đối xứng với nhau như hình 50.

A đặt chân phải tới trước, xoay mình sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai tay thành thế "Đơn biên chưởng".

B cũng đặt chân phải tới trước, xoay mình sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai tay theo thế "Đơn biên chưởng".

Hai người lại đối xứng với nhau như hình 51).

— Chú giải :

Đây là thế tạm thời kết thúc của "Đệ nhất lộ Cầm nã".

A và B tạm thời rời xa nhau, họ quay sang nhiều phía là để quan



Hình 49 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 1)



Hình 50 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 2)

sát địa thể. Thực tế thì họ đứng xa nhau, nhưng trong hình vẽ thì phải vẽ cho họ đứng gần nhau, bạn đọc phải lấy ý mà hiểu.

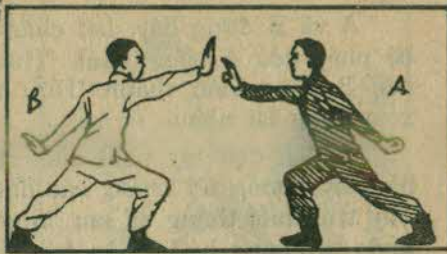
Ở đây xin nói rõ thêm về các thủ pháp :

Trước hết là thế "Xuyên' chương". Tay trái đưa ngang vai sang trái, cùi chỏ duỗi thẳng, lòng tay ngửa lên trời, các ngón tay khép lại. Tay phải co lại thành góc vuông trước ngực, lòng bàn tay cũng ngửa lên, các ngón tay cũng khép lại.

Rồi đến thế "Đơn biên chương" tay phải duỗi thẳng tới trước, lòng bàn tay hướng tới trước, các đầu ngón tay hướng lên trên, lưng bàn tay xoay vào mặt và ngang mặt. Tay trái duỗi thấp ra sau, cùi chỏ thẳng, bàn tay nắm lại thành quyền, hổ khẩu hướng xuống đất. Hoặc cũng có thể bàn tay trái thành chương, cổ tay cong lên cho lòng chương hướng ra sau, các ngón tay khép lại và đầu ngón tay hướng lên trên.

Thủ pháp, bộ pháp và thân pháp đều phải lanh lẹ uyển chuyển, nhất là bộ pháp phải chắc chắn.

Khi tạm thời kết thúc "đệ nhất lộ", đôi bên ở vào tư thế chờ đợi để bắt đầu cho "đệ nhị lộ".



Hình 51 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 3).

## ĐỆ NHỊ LỘ

### HOÀNH LÔI QUYỀN

A bước chân trái tới trước một bước, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", đồng thời dùng quyền trái đánh thẳng vào mặt B.

B cũng bước chân trái tới trước một bước bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", thân mình xoay sang phải, đưa cánh tay trái lên chặn quyền trái của A.

— Chú giải :

Thế Hoành lôi quyền này cũng giống y như thế "Liên hoàn thủ thứ nhất" (bạn đọc xem lại hình 1).

Trong thế này, thủ pháp, thân pháp, bộ pháp, và cả mắt đều phải lanh lẹ. Người mới học thì nên chú ý nhất tới bộ pháp. Bộ pháp có thật nhớ kỹ, có thật thuần thục, thì thân pháp và thủ pháp mới được lanh lẹ chính xác. Trong tất cả các sách võ cổ truyền, bao giờ bộ pháp cũng được chú trọng nhiều nhất. Nhiều khi chỉ không nhớ kỹ bộ pháp, bộ pháp trở nên lúng túng, thì thân pháp và thủ pháp cũng tự nhiên sai lạc.

Trong thế này, cả A và B đều duỗi thẳng cánh tay phải ra sau và xuống thấp (xuôi theo chân phải), bàn tay nắm lại thành quyền, hổ khẩu hướng xuống đất.



Hình 52 : Hoành lôi quyền



## CỔN ĐỀ

Khi đã dùng quyền trái ngăn chặn tay trái của A, B thuận thế mở bàn tay trái thành chưởng, xoay lòng bàn tay về phía mình, các ngón tay nắm lấy quyền trái của A, đồng thời tay phải cũng xòe ra thành chưởng, cùng nắm lấy quyền trái của A. Tiếp đó hai bàn tay của B nắm chặt quyền trái của A, bẻ sang phải (hình 53).

A phải nương theo đà bẻ của B mà nghiêng người sang trái, cánh tay trái cố gắng co lại, đồng thời đứng thẳng trên chân trái, gót chân phải nhón lên (hình 54).



Hình 53 : Cổn đề  
(giai đoạn 1)

— Chú giải :

Đây cũng là thế bẻ tay, giống như trong thế "Cổn đề" của đệ nhất lộ, chỉ khác ở chỗ trong thế "Cổn đề" của "đệ nhất lộ" thì bẻ tay phải, còn ở đây thì bẻ tay trái mà thôi.

Ở thế "Hoành lôi quyền" trước đó, bàn tay trái của B nắm lại thành quyền và cánh tay trái đưa lên để chặn quyền trái của A. Ngay lúc chặn lại như vậy, B lập tức mở bàn tay thành chưởng, xoay lòng bàn tay về phía mình

(ngón cái ở trên, ngón út ở dưới), nắm chặt lấy quyền trái của A. Đồng thời bàn tay phải cũng mở ra thành quyền, nắm lấy quyền trái của A (ngón cái ở bên trái, ngón út ở bên phải). Như vậy là hai bàn tay B ôm chặt lấy quyền trái của A (hình 53).

Tiếp đó B dùng sức mạnh của cả hai tay, bẻ tay của A sang phía bên phải của mình, thân người B cũng nghiêng hẳn sang phải để giúp sức cho hai tay.

A vừa cố gắng co tay trái lại để tránh bị chế ngự, vừa thuận thế nghiêng mình sang để làm giảm sức vận của B, đồng thời đứng thẳng trên chân trái, gót chân phải nhón lên. Cánh tay phải của A duỗi thẳng ra sau và xuống thấp, bàn tay nắm lại thành quyền, hổ khẩu hướng xuống dưới (hình 54).

Trong hình 53, khi hai bàn tay B ôm chặt lấy quyền trái của A, thì bàn tay trái ở trên, bàn tay phải ở dưới. Khi tiến tới hình 54, B đã bẻ ngược tay trái của A sang trái và xuống thấp, thì bàn tay phải của B lại ở trên, mà bàn tay trái ở dưới. Đây là điểm rất đáng chú ý, nếu tập luyện không đúng như vậy, thì thế "Cổn đề" này sẽ vô hiệu.



Hình 54 : Cổn đề  
(giai đoạn 2).

## THIÊN XỨNG THỦ

A bèn phản công bằng cách lẹ làng mở bàn tay phải thành chưởng, úp lòng chưởng lên lưng bàn tay phải của B, ngón tay cái ấn mạnh trên lưng bàn tay phải của B, các ngón kia nắm chặt lấy cạnh bàn tay phải của B (hình 55).

Đồng thời A xòe bàn tay trái, nắm thêm vào các đầu ngón tay của bàn tay phải của B, và hai tay cùng vận sức kéo mạnh cánh tay phải của B sang phải và ra sau của mình, cùi chỏ trái của A cong lại, đặt dưới cùi chỏ phải của B mà nâng cao lên để bẻ cánh tay phải của B. Khi bẻ như vậy, hai chân của A không xê dịch nhưng thân hình nghiêng sang phải để bẻ, và bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", để giúp sức mạnh cho hai tay.

Theo đà kéo và bẻ của A, B bước chân phải tới một bước, thân mình ngã tới trước, đứng thẳng trên chân phải, gót chân trái nhón lên (hình 56).



Hình 55 : Thiên xướng thủ (giai đoạn 1)

— Chú giải :

Ở thế "Cổn đề" lúc trước, B bẻ tay A, bàn tay phải của B ở trên. Ở thế "thiên xướng thủ" này, A phản công, thì bàn tay phải của A úp lên bàn tay phải của B, ngón cái của A đè mạnh trên lưng bàn tay phải của B, các ngón kia nắm lấy cạnh bàn tay phải của B mà bẻ ngược lên,



Hình 56 : Thiên xướng thủ (giai đoạn 2)

để gỡ bàn tay phải của B ra khỏi bàn tay trái của mình (lúc đó còn đang nắm lại thành quyền) như hình 55 cho thấy.

Khi bàn tay phải của B đã được gỡ lỏng, thì bàn tay trái của A mở ra thành chưởng, xoay lại nắm lấy các đầu ngón tay của bàn tay phải của B. Rồi A lẹ lẹ xoay mình sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Sự thay đổi bộ pháp như vậy có công dụng rất lớn, lẹ giúp cho thân mình ngã được sang phải và sức kéo của hai tay sang phải cũng mạnh hơn, nếu không thay đổi bộ pháp, thì thân pháp và thủ pháp của A lúc đó không có hiệu lực.

Nếu để ý là A kéo tay phải của B, thì phải làm sao bẻ ngược lòng tay phải của B lên, để cùi chỏ của B duỗi thẳng và hướng xuống đất. Lúc đó cùi chỏ trái của A cong lại, đặt ngay dưới cùi chỏ phải của B mà nâng lên (A nghiêng mình sang phải thì tự nhiên nâng được cùi chỏ phải của B lên). Như vậy là cánh tay phải của B bị bẻ đau đớn (xem hình 56).

A cứ tiếp tục chế ngự B bằng cách hai tay vẫn kéo mạnh cánh tay phải của B sang phải, thân mình vẫn tiếp tục nghiêng sang phải, và cánh tay trái vẫn tiếp tục đưa cao lên. Nếu A thi hành động tác này cực nhanh và cực mạnh thì cánh tay phải của B sẽ trật xương lập tức.

Lúc này B chưa thể phản công gì được, vì cánh tay phải đang bị bẻ đau, B chỉ còn cách bước chân phải tới một bước, ngã người tới trước, đứng trên chân phải, gót chân trái nhón lên, để nương theo cho giảm bớt sức chế ngự của A.

B phải nương theo như vậy để có thể tìm cách phản công, nếu cưỡng lại chỉ bị đau thêm.

B sẽ phản công được (bằng thế "Thuận thủ khiên dương" ở ngay dưới) bởi vì không có thế nào là không phản công được cả. Trong thực tế, muốn cho kẻ địch không phản công được, mà phải thất bại ngay, thì chỉ có cách ra đòn thật nhanh lẹ mà thôi.

Để bạn đọc thấy rõ hơn thế "Thiên xứng thủ" này, hình 57 cho thấy mặt trước của A và B (vì hình 56 chỉ cho thấy phía sau lưng của hai người mà thôi). Bạn đọc nhìn vào hình 57 sẽ thấy rõ thủ pháp, thân pháp và bộ pháp của A, để tập luyện cho chính xác. Khi đã tập luyện chính xác thì tập nhiều sẽ thuần thục.

Trong hình 57, bạn đọc nhớ rằng bàn tay phải của B bị bẻ cho lật ngửa lên, và cánh tay phải của B phải được kéo cho thẳng ra, cùi chỏ phải của B hướng xuống đất. Cánh tay trên của A đặt ngay dưới cùi chỏ phải của B, và nâng lên cao, trong khi hai bàn tay A, nắm bàn tay phải của B kéo sang phải và đè xuống thấp. Như vậy mới đúng thế, và cánh tay phải của B mới đau đớn.

Lúc này cánh tay trái của B duỗi thẳng ra sau và xuống thấp, bàn tay nắm lại thành quyền hổ khẩu hướng xuống dưới.



Hình 57 : Thiên xứng thủ  
(mặt bên kia của hình 56)

## THUẬN THỦ KHIÊN DƯƠNG

Ngay khi ngã người tới trước và bước chân phải lên một bước để thuận theo đà kéo và bẻ của A, hầu làm giảm sức chế ngự của A, thì B lập tức xòe bàn tay trái, đem đặt lên trên bàn tay phải của A, ngón cái đè lên hổ khẩu của bàn tay phải của A, các ngón kia móc chặt vào cạnh bàn tay phải của A và dùng sức bẻ ngửa lên.



Hình 58 : Thuận thủ khiên  
dương (nhìn ở phía sau)



Hình 59 : Thuận thủ khiên  
dương (nhìn phía trước mặt).

— Chú giải :

Ở thế "Thiên xứng thủ" lúc trước, B đang bị chế ngự, cánh tay trái đang duỗi thẳng ra sau và bàn tay nắm lại thành quyền. Nhưng khi bắt đầu phản công, thì bàn tay trái của B mở ra thành chưởng, đem đặt lên trên bàn tay phải của A. Ngón cái tỳ vào hổ khẩu của bàn tay phải của A, các ngón kia bám chặt vào cạnh bàn tay phải của A mà bẻ ngửa lên, mục đích là để gỡ bàn tay phải của A ra (bàn tay phải của A đang nắm chặt những đầu ngón tay của bàn tay phải của B). Đó là động tác được ghi lại trong hình 58.

Một khi bàn tay phải của A bị gỡ ra như vậy, A sẽ chia trí, bàn tay trái của A sẽ không đủ sức chế ngự cánh tay phải của B, B sẽ có thể rút bàn tay phải của mình ra để tiếp tục phản công ở thế sau.

— Hình 59 : Cho bạn đọc thấy phía trước của hai người, và chỉ là thế "Thuận thủ khiên dương", nhìn từ phía bên kia mà thôi.

## ĐẢO TÀI THÔNG

Sau khi đã gỡ được bàn tay phải của A, B nắm chặt bàn tay phải của A kéo mạnh ra sau. A buộc phải bước chân phải tới một bước và xoay mình sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức".

Đồng thời B rút bàn tay phải của mình ra và lườn dưới cùi chỏ phải của A. Trong khi đỡ cánh tay trái của A nắm lại thành quyền, duỗi thẳng và thấp xuống phía sau, hổ khẩu hướng xuống đất (hình 60).

Tiếp đó B áp bàn tay phải vào ngực trái của A, rồi co chân phải lên, bước tới một bước, bộ pháp là "Hữu tiên cung thức", đẩy mạnh A ra sau khiến A buộc phải thẳng người lên, đứng trên chân trái, và tay trái của A mở ra thành quyền, đem lên nắm lấy bàn tay của B (hình 61).



Hình 60 : Đảo tài thông  
(giai đoạn 1)

Hình 61 : Đảo tài thông  
(giai đoạn 2)

— Chú giải :

Trong thế này, điểm quan trọng là B phản công bằng cách đẩy mạnh A ra sau. Muốn vậy B phải lườn tay phải dưới cánh tay phải của A, lòng tay thành chưởng, ép vào

ngực trái của A mà đẩy. Muốn đẩy cho mạnh, B phải nhấc chân phải lên, bước tới trước một bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", thân người ngả tới trước.

A vừa lùi thân mình ra sau, vừa đứng thẳng trên chân trái, vừa đưa bàn tay trái nắm lấy bàn tay phải của B trước ngực mình, để có chỗ níu cho khỏi té ngã ra sau.

Từ đó A chuẩn bị phản công lại.

## THIÊN LẶC TRỤY

A lùi chân phải lại một bước, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Tay phải của A nắm lấy cánh tay dưới của B, chỗ gần cùi chỏ, níu mạnh xuống, tay trái của A nắm bàn tay phải của B bẻ gấp lên. A cúi hẳn người xuống trước mà bẻ tay B.

B buộc cong gấp hẳn người xuống, và tay trái chống xuống mặt đất, bộ pháp vẫn là "Hữu tiên cung thức" (hình 62)

— Chú giải :

Muốn cho cánh tay phải của B gấp hẳn lại, A vừa phải dùng tay phải níu cánh tay dưới (gần cùi chỏ) của B xuống, vừa dùng tay trái bẻ lên và đẩy tới trước, đồng thời dùng sức cúi của thân mình mà gia tăng sự chế ngự B.



Hình 62 : Thiên lạc trụ

Nếu muốn cho B đau đớn thì tay trái của A vận bàn tay phải của B từ trong ra ngoài (tức từ phải sang trái).

Điểm quan trọng nữa mà người tập thường hay quên, là A phải lùi chân phải một bước thì mới phản công được hữu hiệu, thân mình mới có thể cúi gấp xuống để thêm sức áp đảo B.

A vừa đẩy tới vừa đè xuống, B tất không gượng được, phải nương đà mà gấp hẳn người xuống và phải chống tay trái xuống đất cho khỏi té.

Trường hợp A cảm thấy sức chế ngự của mình chưa hữu hiệu thì có thể quy hẳn chân phải xuống, thêm sức nặng của thân thể vào hai tay mà tri xuống, B tất không thể nào gượng được.

## BÀN CHỮU (trái)

Đây là thế "Bàn chữu" bên trái, còn gọi là "Tả bàn chữu".

Khi vừa chống tay trái xuống đất, B đã làm giảm sức chế ngự của A. Ngay khi A chưa kịp gia tăng sức chế ngự mới (như quỳ hẳn đầu gối phải xuống để tri xuống thấp hơn chẳng hạn), B lợi dụng khoản khắc này thỉnh linh nhóm người thẳng dậy, bộ pháp vẫn là "Hữu tiên cung thức".

Tất nhiên A cũng phải đứng lên theo, bộ pháp vẫn là "Tả tiên cung thức" như trước.

Vừa nhóm người thẳng dậy, B vừa dùng bàn tay trái, úp lên lưng bàn tay trái của A, gỡ lỏng ra (hình 63)

Đồng thời B bước chân phải ra phía sau chân trái của A, rồi xoay mình sang trái, bộ pháp vẫn là Hữu tiên cung thức. Cả hai tay B kéo mạnh tay trái của A sang trái (theo đà xoay mình) sao cho lòng bàn tay trái của A hướng xuống đất, cùi chỏ hướng lên trên. Quan trọng hơn là cùi chỏ phải của B đặt ngay trên cùi chỏ trái của A và đè mạnh xuống. A sẽ đau đớn, không gượng lại được, phải cúi gấp hẳn người tới trước, và muốn khỏi té, A buộc chống tay phải xuống đất (hình 64).



Hình 63 : Tả bàn chữu  
(giai đoạn 1)



Hình 64 : Tả bàn chữu  
(giai đoạn 2)

— Chú giải :

Điểm quan trọng là B phải biết phân công đúng lúc. Nghĩa là ngay khi vừa chống tay trái xuống đất cho khỏi té, thì sức chế ngự của A giảm ngay. Đúng lúc A chưa kịp gia tăng sức chế ngự, thì B thỉnh linh nhò m thẳng người dậy.

Điểm quan trọng thứ nhì là ngay khi nhò m người dậy, B phải đồng thời co tay phải về để vô hiệu hóa sức chế ngự của A, rồi lanh lẹ dùng bàn tay trái nắm lấy bàn tay trái của A, trong khi đó cổ tay phải cũng xoay mạnh để bả n tay phải cũng nắm lấy phía cuối cổ tay trái của A rồi dùng cả hai tay kéo tay trái của A thẳng ra (kéo mạnh sang trái).

Điểm quan trọng thứ ba là muốn gỡ bàn tay trái của A dễ dàng, B phải đề ngón cái của bàn tay trái mình lên lưng bàn tay trái của A, các ngón kia bám chặt lấy cạnh bàn tay trái của A mà bẻ lên, tự nhiên bàn tay trái của A phải lỏng ra, và cổ tay phải của B xoay trở được, giúp bàn tay phải được tự nhiên nắm lấy cổ tay trái của B.

Điểm quan trọng thứ tư là khi kéo cánh tay trái của A sang trái, B phải làm sao cho cùi chỏ của A hướng lên trên (nếu hướng xuống dưới, A sẽ co tay lại được dễ dàng, và đòn phản công của B trở thành vô hiệu). Muốn vậy thì hai tay B phải vận bàn tay và cổ tay trái của A từ trong ra ngoài và từ dưới lên trên.

Điểm quan trọng thứ năm là, cùi chỏ phải của B đề mạnh lên cùi chỏ trái của A, nhưng để hiểu hơn thì tức là cánh tay dưới (phải) của B đề lên cả cánh tay dưới

(trái) của A. B càng cúi người xuống thấp, thì A càng đau đớn.

Điểm quan trọng thứ sáu là B phải bước chân phải tới phía sau chân trái của A, như vậy mới có thể gặp người xuống thấp mà chế ngự A hữu hiệu, cái lợi là có thể gia tăng sức chế ngự A bằng cách dùng ống quyển hoặc đầu gối phải của mình, đề thêm lên chân trái của A lúc đó đang duỗi thẳng, và buộc A càng phải té tới trước.

Hình 65 cho chúng ta thấy phía trước mặt của A và B, trong khi hình 64 chỉ cho thấy phía sau của hai người.



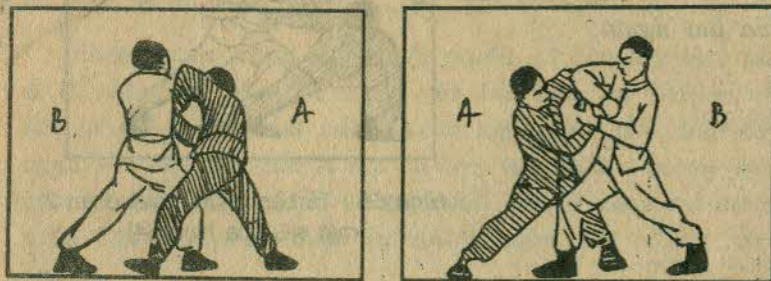
Hình 65 : Tả bàn chầu (giai đoạn 2, mặt sau của hình 64)

## BÀN CHỮU (phải)

Đây là thế "Bàn chữu" bên phải, còn gọi là "Hữu bàn chữu".

Ngay khi A té nhủi xuống phía trước, và phải chống tay phải xuống đất, chính là lúc mà sức chế ngự của B giảm sút. Đúng lúc B chưa kịp gia tăng sức chế ngự mới, thì A thình lình nhô người lên, nhấc chân trái bước ngang ra sau chân phải của B, đồng thời bàn tay phải đặt lên lưng bàn tay phải của B (ngón cái dè, các ngón kia bám chặt cạnh bàn tay mà bẻ lên) để gỡ bàn tay phải của B (hình 66).

Vẽ hình 66 chỉ cho thấy phía sau lưng A và B, nên bạn đọc có thể quan sát thêm hình 67, cho thấy phía trước mặt của hai người lúc này.



Hình 66 : Hữu bàn chữu (giai đoạn 1)  
Hình 67 : Hữu bàn chữu (giai đoạn 1, phía sau của hình 66).

Tiếp đó, hai tay A kéo mạnh cánh tay phải của B sang phải, vừa kéo vừa vận bàn tay và cổ tay phải của B sao cho cùi chỏ phải của B hướng lên trên.

Cuối cùng thì cùi chỏ trái của A dè lên cùi chỏ phải của B, bộ pháp của A biến thành "Hữu tiên cung thức", A cúi hẳn người xuống để dè mạnh hơn lên cùi chỏ phải của B, khiến B đau đớn, không gượng được, phải té nhủi tới trước, và chống tay trái xuống đất (hình 68)

— Chú giải :

Thế "Hữu bàn chữu" này, chẳng qua là thế "Tả bàn chữu" ngay trên, nhưng thay đổi phương hướng phải trái, và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.



Hình 68 : Hữu bàn chữu (giai đoạn 2)

Những điểm quan trọng đã nói ở phần chú giải ngay trên với B, sẽ là những điểm quan trọng nói với A ở thế này. Tuy nhiên phải thay đổi phải trái, vì ở thế này A là người tấn công, và A bẻ tay phải của B (trước đó B là người tấn công và B bẻ tay trái của A).

Bạn đọc quan sát kỹ các hình của hai thế này, đọc kỹ phần chú giải, tự nhiên sẽ hiểu rõ.

## QUYỀN THỦ

Vừa chống tay xuống đất, B thỉnh linh nhô lên ngay, bộ pháp vẫn là "Hữu tiên cung thức".

A cũng phải nhô lên theo, và bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức".

B dùng tay trái nắm chặt lấy các đầu ngón tay của bàn tay phải của A mà bẻ ngược lên (hình 69).

— Chú giải :

B phải phản công đúng lúc, để có thể nhô dậy dễ dàng. Nghĩa là ngay khi vừa mới chống tay trái xuống đất để tránh khỏi té nhủi tới trước, B đã làm giảm bớt sức chế ngự của A. Đúng lúc chưa kịp tạo sức chế ngự mới, thì B nhô dậy ngay, bộ pháp ở "Hữu tiên cung thức" cho vững vàng.



Hình 69 : Quyền thủ.

Điểm quan trọng thứ nhì là cách bẻ các ngón tay A. Nên nhớ rằng lúc này bàn tay phải của A vẫn còn nắm chặt bàn tay phải của B. Muốn bẻ các ngón tay của bàn tay phải của A một cách hữu hiệu, thì B nên thọc sâu ngón cái của bàn tay trái của mình vào dưới hõm nách của A, các ngón kia nắm chặt lấy bốn ngón tay của A và bẻ ngửa ra, khiến cho bốn ngón tay của bàn tay phải của A phải cong ngửa ra rất đau.

## TAM CHIẾT YÊU

A bị bẻ các ngón tay của bàn tay phải, bèn thuận thế bước chân trái sang phải một bước, rồi dùng hai mũi chân, xoay hẳn người ra sau (theo chiều từ trái sang phải, theo bước chân trái) đồng thời tay trái buông bàn tay phải của B ra.

Tuy nhiên, sau đó thì bàn tay phải của A vẫn bị B nắm giữ, và khi A xoay mình, thì cánh tay phải của A vòng qua đầu, quạt ra sau. Tức thì A thấp mình xuống, bộ pháp theo thế "Kỵ mã" tay trái của A vòng ra sau, ôm khoeo chân trái của B lên, khiến bàn chân trái của B nhấc khỏi đất (hình 70).

— Chú giải :

A bị bẻ tay phải, và bị bẻ từ trong ra ngoài, nên A phải bước sang phải (bước chân trái) một bước và xoay mình ra sau (từ trái sang phải) để thuận với chiều bẻ tay, khiến tay bị bẻ không còn đau nữa, mặc dầu vẫn còn bị B nắm chặt.



Hình 70 : Tam chiết yêu

Về phần B, tất chưa thể buông bàn tay phải của A ra, mà tay phải còn nắm thêm vào bàn tay phải của A hoặc bám vào đầu vai phải của A để đứng cho vững và chờ dịp phản công.

A phải thấp người xuống, bộ pháp thành "Kỵ mã thức", và vòng tay trái ra sau, ôm khoeo chân trái của B lên,



là để phòng ngừa B có thể phản công bằng cách co một trong hai đầu gối lên, áp vào lưng A mà đẩy tới, còn hai tay thì kéo lại. Nếu B phản công như vậy, A sẽ bị té ngã ra sau. Chính vì vậy, ngay sau khi xoay được người, A phải vòng tay ra sau, kéo khoeo chân trái của B lên ngay, để B không kịp phản công bằng cách co đầu gối lên.

Tuy nhiên, lúc này B chỉ còn đứng một chân, và hai tay B lại đang nắm tay phải (và vai nữa, nếu có thể) của A. Vì vậy A phải đứng cho vững, nếu cần sẽ thấp người xuống thêm nữa, hoặc hơi ngã người tới phía trước để giữ thăng bằng, nếu không hai người sẽ có thể cùng té ngã đè lên nhau, rất bất lợi.



## DU ĐÀO

Trong thế "Tam chiết yêu" ở trên, A vòng tay ra sau, kéo khoeo chân trái của B lên, không phải để tấn công, mà chỉ là để ngăn ngừa B có thể co đầu gối phản công mà thôi. Bởi vậy B có thể thoát ra dễ dàng, bằng cách duỗi mạnh chân trái ra, tay A sẽ tuột ra và chân trái B đặt xuống đất.

B đặt chân trái xuống đất thì thân mình hơi xoay qua phải, bộ pháp thành "Tả tiên cung thức". Lúc này B đứng ở bên trái của A, và khi B xoay người sang phải như vậy, tay phải của A và của B (còn đang nắm chặt lấy nhau) sẽ vòng lên trên đầu A (hình 71).

A thừa lúc này xoay mình sang trái, chân trái lùi sang trái và ra sau một bước, tay trái luồn qua nách phải của B mà ôm vòng lưng B. Trong khi bàn tay phải của A vẫn còn bị B nắm giữ. Lúc này phản ứng tự nhiên của B là hơi ngã người ra sau, còn bộ pháp của A thì hơi thành "Tả tiên cung thức".

Nhưng vòng tay trái của A siết chặt lưng B và kéo



Hình 71 : Du đao  
(giai đoạn 1)



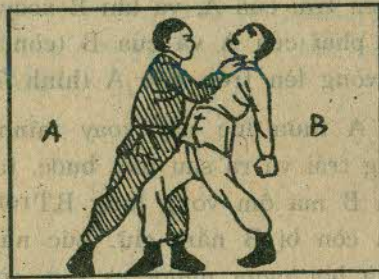
Hình 72 : Du đao  
(giai đoạn 2).

ra sau, trong khi đầu gối trái của A thúc dè vào khoeo chân phải của B (hình 72).

Tiếp đó, nhân lúc B bị chia trí thì A xoay mạnh bàn tay phải của mình, rút tay ra, và dè tay phải lên ngực B mà đẩy mạnh xuống. B bị đẩy ra sau và xuống thấp, trong khi khoeo chân phải của B lại bị đầu gối trái của A chặn lại. A đẩy mạnh nữa thì B tụt té ngã ra sau (hình 73).

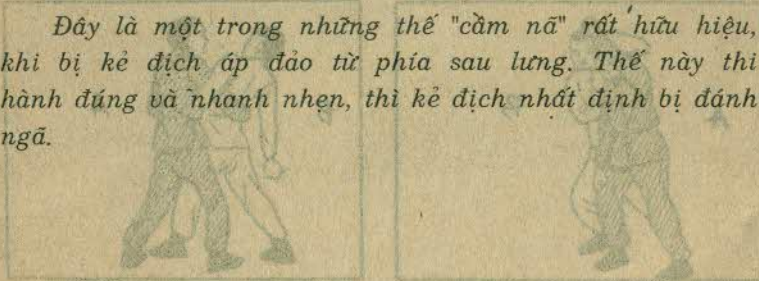
— Chú giải :

Thể này tương đối phức tạp, vì bao gồm nhiều động tác, nhất là đôi bên lại đứng gần nhau quá. Do đó A phải thật lanh lẹ và thi hành các động tác cho chính xác. Muốn vậy, phải tập luyện thật chậm rãi cho đúng từng động tác một, sau đó mới tập nhanh dần lên.



Hình 73 : Du dào (giai đoạn 3)

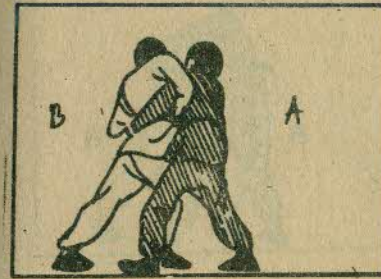
Đây là một trong những thể "cầm nã" rất hữu hiệu, khi bị kẻ địch áp đảo từ phía sau lưng. Thể này thi hành đúng và nhanh nhẹn, thì kẻ địch nhất định bị đánh ngã.



## PHIÊN CHƯỜNG

B bị đẩy ra phía sau, phải cực lanh lẹ đưa tay trái lên, ngón cái tỳ lên lưng bàn tay phải của A, bốn ngón kia bám vào cạnh trong của bàn tay phải của A (phía ngón trỏ), lòng bàn tay hướng về mình, rồi từ từ bẻ mạnh từ trong ra ngoài. (hình 74).

Tiếp đó, B thuận thế bẻ nửa và vừa kéo bàn tay phải của A ra sau (tức cùi chỏ trái của B co dân lại) và vừa kéo xuống thấp. Bàn tay phải của A sẽ rời ngực B (hình 75)



Hình 74 : Phiên trường (giai đoạn 1)



Hình 75 : Phiên trường (giai đoạn 2).

— Chú giải :

Trong thể phản công này, B phải lanh lẹ ngay từ lúc đầu. Nghĩa là bàn tay phải của A vừa đặt trên ngực mình, là B đã phải đưa bàn tay trái lên gỡ ra rồi. Nếu chậm chạp, B sẽ bị đẩy té ngã ra sau.

Muốn lanh lẹ thì phải tập nhiều lần, để tạo cho mình phản ứng thật nhanh, đến độ phản ứng trở thành phản

xạ, lúc phản ứng thì theo phản xạ, chứ không cần nghĩ ngợi nữa. Đây là điểm quan trọng cần nhớ.

Mặt khác, có thể coi hình 75 như là một kia của hình 74 mà thôi. Việc phân làm hai giai đoạn ở thế này không cần thiết, vì giai đoạn 2 không phải là một thế mới mẻ, mà chỉ là B tiếp tục bẻ tay A và đem tay phải của A rời ngực mình mà thôi.



## ĐÀO BẶT THÙ DƯƠNG

Nhưng tới đây B mới chỉ gỡ được đòn mà chưa phản công được. Muốn phản công, B phải dùng thế "Đào bặt thù dương".

Tiếp theo thế *Phiên chương*, B rút mạnh tay phải ra, đưa nhanh tới phía trước, và cúi xuống ôm lấy khoeo chân phải của A (hình 76).

Tiếp đó B thấp người xuống, bộ pháp theo "Kỵ mã thức", tay phải kéo mạnh khoeo chân phải của A, đặt lên đùi phải của mình (hình 77).



Hình 76 : Đào bặt thù dương  
(giai đoạn 1)



Hình 77 : Đào bặt thù dương  
(giai đoạn 2)

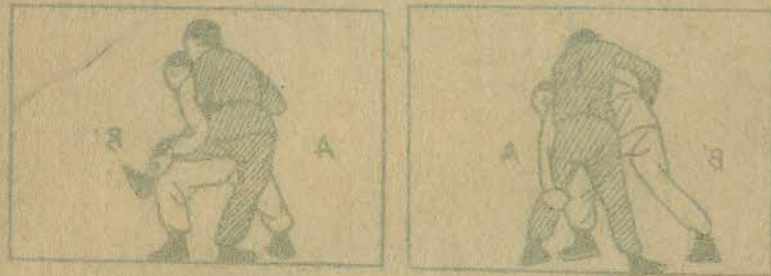
— Chú giải :

Thế "Đào bặt thù dương" này coi như liên tục với thế "*Phiên chương*" ngay trên. Thế "*Phiên chương*" chỉ coi như giai đoạn đầu của thế "Đào bặt thù dương" mà thôi. Vì như đã nói, thế "*Phiên chương*" chưa thể coi là một thế phản công, mà mới chỉ là một thế gỡ đòn.

Điểm quan trọng của thế "Đào bặt thù dương" này là động tác rút tay phải của B. Ta nên nhớ, trước đó

cánh tay phải của B còn bị kẹp trong nách trái của A, B phải lựa thế rút mạnh ra sau, rồi vừa cúi mình xuống vừa vươn tay ra phía trước và xuống dưới, ôm lấy khoeo chân phải của A.

Ngay khi bàn tay phải của B ôm được khoeo chân phải của A thì lập tức cơ mạnh lên, thấp người xuống, bộ phép thành "Kỵ mã thức", đem đùi phải của A đặt lên đùi phải của mình.



Hình 77 : Đào bạt thủy dương (giai đoạn 2)

Hình 78 : Đào bạt thủy dương (giai đoạn 1)

— Chú giải :

The "Đào bạt thủy dương" này có như liên tục với "Đào bạt thủy dương" ngày nay. The "Đào bạt thủy dương" này có như là một "Đào bạt thủy dương" của "Đào bạt thủy dương" này. Vì như đã nói, the "Đào bạt thủy dương" của "Đào bạt thủy dương" này là động tác của tay phải của B. Từ đây nói trước đó.

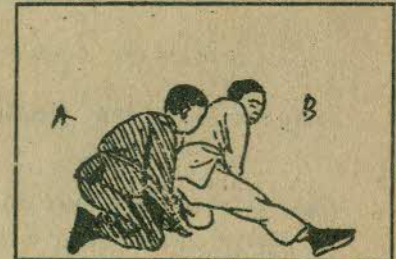
## TỌA THỐI TAM TÀI

Bị nhắc chân phải lên như vậy, A sẽ mất thăng bằng, một mặt tay trái ôm chặt lấy sườn trái của B cho khỏi té ngã ra sau, một mặt đạp thẳng chân phải ra, tự nhiên tay phải của B sẽ tuột ra. Lập tức A đem chân phải lùi lại một bước.

Lập tức B khom hẳn người xuống, luồn cả hai tay qua háng mình, từ trước ra sau, ôm chặt lấy cổ chân trái của A, đồng thời ngồi hẳn xuống trên đầu gối của A. Chân phải của A sẽ bị đè đau (hình 78).

Lúc này A gấp quỳ ngay chân phải xuống đồng thời cơ mạnh chân trái về sau. B sợ té nhui xuống trước, tất buông cổ chân trái của A ra, hai tay chống xuống đất.

A dùng cả hai tay ôm chặt cổ chân trái của B (hình 79).



Hình 78 : Tọa thối tam tài (giai đoạn 1)

Hình 79 : Tọa thối tam tài (giai đoạn 2)

— Chú giải :

Ở thế "Đào bạt thủy dương" trước đó, tay trái của B còn nắm bàn tay phải của A, và tay phải của B còn ôm khoeo chân phải của A, khi A đạp thẳng chân phải ra thì

tay phải của B cũng tuột ra. B lập tức buông cả tay trái, để dùng cả hai luồn qua dưới háng mình từ trước ra sau mà ôm lấy cổ chân trái của A, kéo mạnh lên trên, đồng thời ngồi hẳn mông trên đầu gối trái của A.

Khi A kịp thời quỳ chân phải xuống và rút mạnh chân trái về, thì B tất buông cổ chân trái của A ra, để chống tay xuống đất cho khỏi té sấp. Lúc này bộ pháp của B là "Tả tiên cung thức", nhưng thân mình thì xuống thấp đến cực độ.

Còn A thì gần như ngồi hẳn trên gót chân phải, đầu gối phải quỳ xuống đất.



## HÀ MÔ TÙNG

Vì B đang ở bộ pháp "Tả tiên cung thức", nhưng thân mình rất thấp, cả sức nặng thân thể như ngồi trên chân trái, do đó A buông hai tay từ cổ chân trái của B ra, dùng cả hai tay đẩy mạnh lưng B tới trước.

B mất thăng bằng té nhui tới trước, lại vội chống tay xuống đất cho khỏi té sấp mặt xuống (hình 80).

— Chú giải :

Khi A đưa hai tay đẩy mạnh lưng B tới trước, thì A tương đối đắc thế. Trong khi đó B ở thế bất lợi. Vì vậy B không nên gương lại, mà nên thuận thế ngã mình tới trước, đưa tay chống xuống đất.



Hình 80 : Hà mô tùng.

Lúc này bộ pháp của B vẫn là "Tả tiên cung thức", nhưng thân mình rất thấp, gần như ngồi trên chân trái.

Còn A thì quỳ đầu gối phải xuống đất, mông ngồi trên gót phải, chân trái chống ở phía trước, người hơi khom tới trước, hai cánh tay duỗi thẳng, hai lòng bàn tay hướng tới trước, các ngón tay hướng lên trên.

## TIỂU KẾT THỨC

Bây giờ A và B rời xa nhau. Cả hai đều nhô dẩy, nhưng cả bốn bàn chân đều không xê dịch.

Bộ pháp của B biến thành "Hữu tiên cung thức", thân mình quay sang trái. Bộ pháp của A cũng thành "Hữu tiên cung thức" và thân mình quay sang trái.

Thủ pháp của cả hai đều là thế "Đơn biên chưởng" (thế này đã nói rõ ở phần Tiểu kết thúc của đệ nhất lộ).

Hai người đối xứng với nhau, (hình 81).

Tiếp đó, A bước chân trái tới trước, thân hình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, gót chân phải ngang và sát cạnh trong đầu gối trái, mũi chân phải hướng xuống đất, thủ pháp theo thế "Xuyên chưởng" (thế này đã nói rõ ở phần Tiểu kết thúc của đệ nhất lộ).

B cũng làm y như vậy (đồng thời với A), nghĩa là bước chân trái tới trước một bước, thân mình quay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, gót chân phải ở ngang và sát với cạnh trong của đầu gối trái, mũi chân phải hướng xuống đất, thủ pháp theo thế "Xuyên chưởng" (đã nói ở trên).

Lúc này hai người đang ở xa nhau, xoay lưng vào nhau, thân pháp thủ pháp và bộ pháp đối xứng với nhau (hình 82).

Tiếp đó A bước chân phải tới trước và sang phải một bước, thân xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Thủ pháp biến thành thế "Đơn biên chưởng" (đã nói rõ trong phần Tiểu kết thúc của Đệ nhất lộ).

Đồng thời, B cũng có những động tác y như vậy, nghĩa là bước chân phải sang phải và tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", thủ pháp biến thành thế "Đơn biên chưởng".

Lúc này hai người cũng đối xứng với nhau (hình 83).



Hình 81 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 1)



Hình 82 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 2)

— Chú giải :

Đây là thế kết thúc tạm thời, chấm dứt "Đệ nhị lộ Cầm nã". Thế "Tiểu kết thúc" này hoàn toàn giống y thế "Tiểu kết thúc" của Đệ nhất lộ. Xin bạn đọc xem lại phần đó, nếu cần.



Hình 83 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 3).



## ĐỆ TAM LỘ DIỆP ĐỂ DU ĐÀO

Mở đầu cho "Diệp tam lộ Cầm nã", A co tay phải lại thành quyền, rồi đâm thẳng tới mặt B để tấn công. Bộ pháp của A vẫn không thay đổi, nghĩa là vẫn ở "Hữu tiên cung thức".

Lập tức B bước chân trái tới trước một bước, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", đồng thời tay trái nắm lại thành quyền đưa lên gạt cổ tay phải của A, còn tay phải của B thì vẫn xòe thành chưởng, đánh mạnh vào ngực trái của A (hình 84).

Lập tức A dùng quyền trái đưa lên đánh mạnh xuống cổ tay phải của B, đồng thời bàn tay phải của A nắm chặt lấy cổ tay trái của B (hình 85).



Hình 84 Diệp để du đao (giai đoạn 1)



Hình 85 : Diệp để du đao (giai đoạn 2)

— Chú giải :

Ở giai đoạn chót của "Tiểu kết thúc" lúc trước A và B đối xứng nhau, nhưng còn ở cách xa nhau. Sách nói rằng A mở đầu đệ tam lộ, bằng cách dùng quyền phải tấn công B trong khi bộ pháp vẫn là "Hữu tiên cung thức", thì chúng ta phải hiểu ngầm rằng, A phải bước lên hoặc một bước, hoặc ba bước (chân trái bước trước, chân phải bước sau) cuối cùng tới gần B thì bộ pháp của A là "Hữu tiên cung thức" (như trước) rồi mới dùng quyền phải tấn công B.

Sách cổ thường rất vắn tắt, chúng ta phải lấy ý mà hiểu, thì mới không thấy vô lý và khó hiểu.

Động tác của hai tay B gần như đồng thời, nhưng tay trái nắm lại thành quyền, vung lên trước để cản đòn của A, rồi tay phải mới dùng chưởng đánh mạnh vào ngực trái A. Trong hai động tác này thì B cần chú trọng vào động tác của tay phải hơn vì đây là động tác phản công.

Tất nhiên A phải cản đòn, bằng cách dùng quyền trái (hoặc xòe thành chưởng cũng được) đánh mạnh xuống cổ tay phải của B. Dù tay trái của A là quyền hay chưởng, thì cạnh bàn tay cũng ở dưới, hõm khẩu hướng lên trên, cùi chỏ trái ở bên trái, và đánh mạnh từ trên xuống dưới (hình 85). Ở giai đoạn 1 trước đó, khi đánh chưởng phải vào ngực trái của A, thì B hoặc phải đánh bằng cạnh bàn tay, hoặc bằng phần cuối của bàn tay, đòn mới hữu hiệu. Nếu B lại tập luyện thường xuyên, thì đòn này rất nguy hiểm, vì tay B sẽ cứng như sắt, trong khi ngực trái của A bên trong có tim có phổi, trúng đòn sẽ khó tránh khỏi thọ thương.

Khi A đưa tay trái đánh xuống, thì tất nhiên là phải vào đúng lúc bàn tay phải của B chưa tới ngực A, nếu B đã đánh trúng ngực trái của A rồi, thì đòn ngăn cản đó trở thành vô hiệu.

Muốn kẻ đánh người đỡ đều hữu hiệu, thì chỉ có cách tập luyện cho chính xác và cho thuần thục, tự nhiên sẽ phản ứng lanh lẹ và đúng lúc. Đòn đánh cũng như đòn đỡ chẳng những phải chính xác, phải thuần thục lanh lẹ, mà còn phải đúng lúc nữa. Đánh mà không đánh đúng lúc, cũng như đỡ mà không đỡ đúng lúc, thì cũng đều vô hiệu.

Thành thử, một thế "Cầm nã" luyện tập cho chính xác, thuần thục và thi hành được đúng lúc, không phải là ít công phu vậy.

## NIÊM THÂN KHÁO

Tiếp theo, A nhắc chân phải, bước tới sau chân trái của B, đồng thời xoay mình sang trái, đưa thẳng tay phải sang phải, gạt ngang cổ B ra sau. Lúc này bộ pháp của A cũng vẫn là "Hữu tiên cung thức" nhưng A phải ngả người tới trước và sang phải, để tăng sức mạnh cho tay phải, đang gạt cổ B ra sau (hình 86).

Lập tức bộ pháp của B biến thành "Ky mã thức" nhưng người hơi cao, hai bàn tay B vội nắm lấy cổ tay và cánh tay phải của A, người B hơi ngả ra sau (lúc A đưa tay phải gạt cổ B, tất A phải buông cổ tay trái của B, để hành động dễ dàng, và hai bàn tay B được tự do).

— Chú giải :

A nhắc chân phải, bước ra sau chân trái của B, là có mục đích chặn chân trái của B lại, không cho bước lùi ra sau để tránh đòn, đầu gối phải của A áp sát vào khoeo chân trái của B (như vậy gọi là Niêm thân kháo).



Hình 86 : Niêm thân kháo.

Một mặt B bị chặn chân trái, không lùi ra sau được, một mặt B bị gạt ngang cổ ra sau, như vậy nếu A hành động lanh lẹ và đúng cách, thì B không thể té giữa ra sau (tất nhiên khi tự vệ ngoài đường thì phải hành động lanh lẹ, mạnh mẽ để hạ địch thủ ngay).

B hơi ngả người ra sau, đứng vững trên hai chân



theo thế "Kỵ mã cao" đồng thời hai bàn tay nắm chặt cổ tay và cánh tay phải của A, là để gương lại, và làm giảm bớt sức gạt của A.

Khi nắm cổ tay và cánh tay phải của A như vậy, các lòng bàn tay của B đều quay vào trong, và níu thấp xuống (hình 86)



## SONG CHIẾT YÊU

Vừa níu cánh tay A xuống, B vừa cúi người thấp xuống phía trước. B níu mạnh và cúi xuống thật nhanh, thật thấp thì A buộc phải cúi người theo, và để khỏi té sấp xuống, A tất đưa tay trái chống xuống đất. Bộ pháp của cả đều thành "Kỵ mã thức", nhưng thân mình thấp (hình 87).

— Chú giải :

Hình 87 chỉ cho chúng ta thấy phía sau lưng của A và B, nhưng động tác trong thế "Song chiết yêu" này tương đối giản dị, chúng ta có thể lấy ý mà hiểu rõ, không cần phải có thêm một hình vẽ phía trước mặt của hai người.



Hình 87 : Song chiết yêu.

B muốn gỡ thế "Niêm thân kháo", thì phải hành động đúng lúc, nếu chậm chạp, sẽ bị gạt té ngửa ra sau. Ngay khi B dùng hai tay níu mạnh cánh tay phải của A, thì theo phản ứng tự nhiên, sức chế ngự của A suy giảm rất nhiều, và đúng lúc đó B cúi mạnh và cúi nhanh thân mình tới trước, đồng thời níu cánh tay phải của A xuống thấp theo đà cúi. Tất cả bí quyết của thế "Song chiết yêu" này là chỗ đó.

## PHAN THỐI

A bị kéo mạnh tới trước, để tránh khỏi té sấp, A vội chống tay trái xuống đất. Nhưng ngay khi chống cho khỏi té sấp, lập tức A dùng bàn tay trái, nắm lấy cổ chân trái của B mà kéo mạnh lên cho bàn chân trái của B bị nhấc khỏi mặt đất (hình 88)

Tuy nhiên, hình 88 chỉ cho thấy phía sau lưng của A và B, động tác của tay trái A, nắm kéo cổ chân trái B lên cao, lại không được rõ, bởi vậy, bạn đọc hãy quan sát tiếp hình 89, cho thấy thế "Phan thối" của A, nhìn từ phía trước mặt.



Hình 88 : Phan thối (nhìn từ sau lưng) Hình 89 : Phan thối (nhìn từ phía trước mặt)

— Chú giải :

Ngay lúc A theo đà níu của B mà ngã người tới trước, chống tay trái xuống đất, thì sức chế ngự của B đã giảm sút, lúc này B chưa kịp tạo thêm sức chế ngự mới, thì A nhấc tay trái, nắm lấy cổ chân trái của B mà kéo mạnh lên.

Khi nắm cổ chân trái của B, thì lòng bàn tay của A hướng vào trong, và nhớ là nắm vào cổ chân của B, nếu nắm vào bắp chân, thì bàn tay nắm không hết, và B có thể co chân lên mà tránh sức chế ngự.

Trong khi đó B vẫn hai tay ôm chặt cánh tay phải của A.

## TỎA THỦ

Tiếp đó, B cúi mình xuống thấp nữa, luồn tay trái qua nách phải của A, nắm lấy bàn tay trái của B mà gỡ ra, đồng thời đặt chân trái xuống đất (hình 90).

Tuy nhiên, động tác gỡ tay này nhìn về phía sau, sẽ bị che khuất, bạn đọc có thể quan sát hình 91, để thấy động tác này từ phía trước.



Hình 90 : Tỏa thủ (giai đoạn 1, nhìn từ phía sau lưng) Hình 91 : Tỏa thủ (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước mặt)

Tiếp đó, B rút tay trái thật nhanh qua nách phải của A, bàn tay lập tức đè lên cánh tay trên của A, gấn vai trái của A, đồng thời tay phải vịn cổ tay phải của A cho bàn tay ngửa lên. Như vậy là cánh tay phải của A đang bị bẻ đau đớn (hình 92).

Lúc này bộ pháp của cả A và B đều là "Tả tiên cung thức", nhưng thân mình B thì cao, còn thân mình A thì thấp và cúi gập tới trước, theo tay đè của B.

— Chú giải :

Động tác của thế tỏa thủ này hơi phức tạp, B cần hành động cực nhanh nhẹn, và phải hiểu rằng, giai đoạn 1 gỡ tay A chỉ là hành động phụ, nhằm giúp B đặt

được chân trái xuống đất mà thôi. Ngay sau khi đặt được chân trái xuống đất rồi, thì B phải dồn sức nặng thân mình lên chân trái (bộ pháp biến thành Tả tiền cung thức), lúc đó A có tiếp tục nắm lấy cổ chân trái của B, cũng không nhấc lên nổi.



Hình 92 : Tỏa thủ (giai đoạn 2)

Trong khi đó B tức thời rút nhanh tay trái lên, 'đè' mạnh trên cánh tay phải của A, lúc đó bàn tay phải của A đã bị vịn ngửa lên, cho cùi chỏ phải của A hướng lên trên. Đó là bí quyết của thế khóa tay này. Nếu B không dùng bàn tay phải của mình, vịn ngửa bàn tay phải của A cho cùi chỏ phải của A hướng lên trên, thì A sẽ có tay lại được, và "Tỏa thủ" (khóa tay) sẽ vô hiệu.

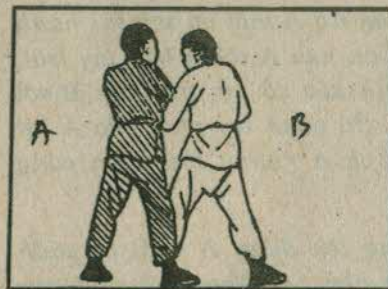
## PHIÊN CHƯỜNG

Để gỡ đòn khóa tay của B, A phải cúi xuống thấp mình xuống phía trước hầu giảm bớt đau đớn, vừa cố gắng xoay mình sang phải, luồn tay trái qua nách mình, nắm lấy cổ tay trái của B kéo mạnh xuống. Tay trái của B đang đè trên cánh tay phải của A (chỗ gần vai) sẽ tuột xuống. Lập tức A nhòe thẳng người dậy (vì không còn bị kiềm chế), và kẹp cánh tay trái của B dưới nách phải của mình (hình 93).

Lúc này, tay trái của A nắm tay phải của B, nhưng tay phải của B lại nắm tay phải của A, những chi tiết này phải được nhìn từ phía trước với hình 94, mới thấy được.

Tiếp đó, A vẫn kẹp chặt cánh tay trái của B, dưới nách phải của mình, rồi A buông tay trái của B ra, dùng bàn tay phải của mình úp trên lưng bàn tay phải của B, bẻ ngửa bàn tay đó lên, từ ngoài vào trong, động tác này gọi là "Phiên chường" (hình 95).

Tuy nhiên thế Phiên chường quan trọng này phải được nhìn từ phía trước mới rõ. Bạn đọc hãy quan sát hình 96.



Hình 93 : Phiên chường (giai đoạn 1, nhìn từ phía sau lưng)



Hình 94 : Phiên chường (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước).



Hình 96 : Phiên chương (giai đoạn 2, nhìn từ phía trước mặt).

— Chú giải :

Thế Phiên chương ở hình 95 và 96 cũng cùng nguyên tắc với các trường hợp của hình 36 và 54 ở trên. Chỉ khác về chi tiết là trong hai trường hợp trên thì bẻ quyền (tức nắm tay) còn ở trường hợp này thì bẻ chương (tức bàn tay) mà thôi.

Các điểm quan trọng cần ghi nhớ trong thế "Phiên chương" này gồm :

— Điểm thứ nhất, A phải dùng bàn tay trái, luồn qua nách phía của mình mà nắm cổ tay trái của B kéo mạnh xuống, bàn tay trái của B đang để trên cánh tay phải của A sẽ tuột xuống dễ dàng, và sau đó A mới có thể thi hành thế "Phiên chương" dễ dàng. Còn nếu A dùng bàn tay trái, đưa qua vai phải của mình mà kéo cổ tay trái của B tới phía trước, dù có kéo ra được, thì cánh tay phải của A lại bị kéo dưới nách trái, của B, và A không thể phản công được.

Điểm thứ nhì, khi đã đứng lên được, A phải co cánh tay phải lại, ép chặt vào sườn phải, để kẹp chặt cánh tay trái của B, từ đó A mới buông được tay trái của B ra, để dùng bàn tay trái của mình bẻ bàn tay phải của B. Nếu

A kẹp không chặt, tay trái của B thoát ra được, thì A không thể rành rang để bẻ bàn tay phải của B được.

Điểm thứ ba, khi bẻ bàn tay phải của B, thì ngón cái của bàn tay trái của A phải tỳ mạnh lên lưng bàn tay phải của B, bốn ngón kia móc chặt vào cạnh bàn tay của B (phía ngón út) và vận sức bẻ mạnh lên từ ngoài vào trong, B sẽ không gượng lại được. Nếu bẻ không đúng cách này, thế "Phiên chương" của A sẽ vô hiệu.

Ở cuối thế "Phiên chương" này, bộ pháp của B là "Tả tiền cung thức" bộ pháp của A là "Hữu tiền cung thức", nhưng cả hai đều thân mình ở cao.



## SANH CHƯỚNG

B dùng bàn tay trái nắm lấy cổ tay trái của A, và dùng sức đẩy tay trái của A ra (hình 97). Động tác đẩy bàn tay trái của A ra như vậy gọi là "Sanh chướng".

Tuy nhiên động tác này phải được nhìn từ phía trước mặt mới rõ, bạn đọc hãy quan sát kỹ hình 98.



Hình 97 : Sanh chướng nhìn từ phía sau lưng. Hình 98 : Sanh chướng (nhìn từ phía trước mặt).

— Chú giải :

Phương pháp nói rằng B dùng bàn tay trái nắm lấy cổ tay trái của A, nhưng lúc đó cánh tay trái của B đang bị kẹp dưới nách phải của A. Muốn cho cánh tay trái hoạt động được, thì điểm quan trọng là B phải tinh linh kéo mạnh tay phải của A sang bên phải của mình, nách phải của A sẽ hở ra, và cánh tay trái của B mới hoạt động được.

Phương pháp của người xưa thường vẫn tất, chúng ta phải lấy ý suy ra mà hiểu.

Trong thế này, bộ pháp của hai người vẫn không thay đổi, nghĩa là cùng ở cung thức (A hữu, B tả) nhưng thân hình đều cao.

## DƯƠNG THỦ

B đã dùng tay trái đẩy được tay trái của A ra, thì cùng lúc, tay trái B cũng buông tay trái A ra. Tay trái B nắm lại thành quyền, vung từ dưới lên trên và sang trái. Tay phải của A cũng bị đưa lên cao, tay nắm lại thành quyền. Vung tay lên như vậy gọi là "Dương thủ" (hình 99).

Động tác vung tay trái của B có mục đích tung tay phải của A lên (vì lúc đó tay phải của A còn nắm bàn tay phải của B).

Trong thế "Dương thủ" này, bộ pháp của hai người vẫn không thay đổi, chỉ có thân mình là cùng thẳng lên mà thôi.

Điểm cần chú ý là B cần vung tay mạnh và tinh linh, tay phải của A mới tuột ra và tung lên được.

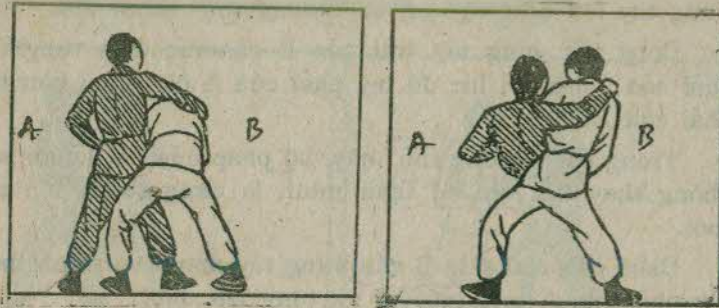
Hình 99 chỉ cho chúng ta thấy phía sau của hai người, nhưng động tác trong thế "Dương thủ" này rất giản dị, không cần phải có thêm hình vẽ nhìn từ phía trước.



Hình 99 Dương thủ

## HIỆP SƠN CHIẾU HẢI

Tiếp đó B nhanh lẹ cúi thấp người xuống, vòng tay trái qua bụng của A, bàn tay trái móc chặt lấy eo lưng trái của A, còn phải của B thì ôm phía dưới khoeo chân phải của A. (hình 100 và 101)



Hình 100 : Hiệp sơn chiếu hải (giai đoạn 1, nhìn từ phía sau). Hình 101 : Hiệp sơn chiếu hải (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước).

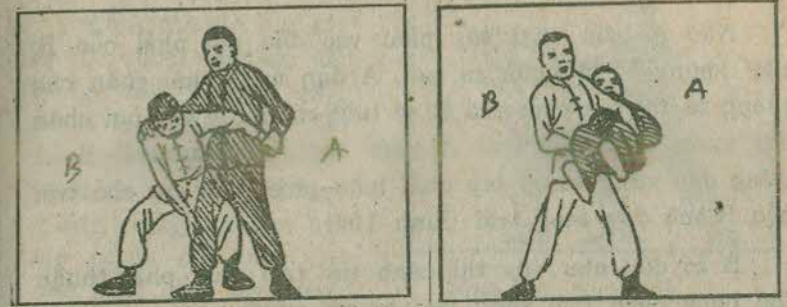
Động tác của B trong giai đoạn 1 này cần được nhìn từ phía trước mới thấy rõ, bạn đọc hãy quan sát hình 101.

Tiếp tục, B biến bộ pháp thành "Kỵ mã thức", đứng cho thật vững, tay trái ôm chặt eo lưng của A cho sát vào hông trái của mình, đồng thời tay phải nâng bổng khoeo chân phải của A lên. Lúc này A hoàn toàn bị nhấc bổng lên, để tránh đầu bị giốc ngược xuống dưới. A vừa phải cong mình gượng lại, vừa phải bám chặt vào đầu vai phải của B (hình 102).

Động tác của trong giai đoạn 2 này cũng cần được nhìn từ phía trước để thấy rõ hơn, bạn đọc hãy quan sát kỹ hình 103.

— Chú giải :

Tay trái B ôm eo A, thì bàn tay trái đặt ngay ở eo lưng bên trái của A, ngón tay cái ở phía dưới, bàn tay đặt



Hình 102 : Hiệp sơn chiếu hải (giai đoạn 2, nhìn từ phía sau) Hình 103 Hiệp sơn chiếu hải (giai đoạn 2, nhìn từ phía trước).  
ngay trên xương hông trái của A, và càng sâu được ra sau càng tốt.

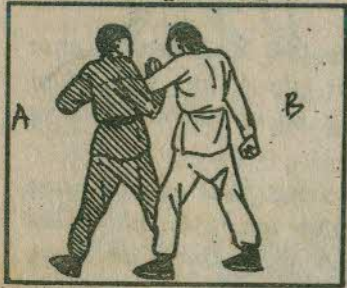
Bàn tay phải của B thì ngửa lên, ngón cái ở phía ngoài, và đặt vào khoeo chân phải của A, khi nhấc chân A lên thì cổ tay cong lại gồng cứng, và nhờ thêm sức lưng thẳng lên mà nhấc bổng A lên.

Động tác của hai tay và của lưng phải nhanh nhẹn và phối hợp đúng lúc. Tất nhiên phải tập luyện nhiều lần mới thuần thục, Nếu chậm chạp, A sẽ né tránh dễ dàng.

## BÀN CHỮU

Nhờ A bám chặt tay phải vào đầu vai phải của B, nên không bị té ngã ra sau, A đạp mạnh hai chân cho thẳng ra thì tay phải của B sẽ tuột ra. Ngay khi hai chân đặt xuống đất, tay trái A nắm chặt bàn tay trái B. A dựng dậy vững vàng, tay phải luôn phía dưới cùi chỏ trái của B mà đẩy sang trái (hình 104).

B bị đẩy như vậy thì cánh tay trái đau, phải thuận thế bước chân trái sang trái và tới trước chân phải của A (hình 105).



Hình 104 : Bàn chữu  
(giai đoạn 1)

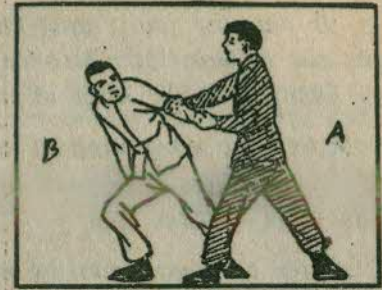


Hình 105 : Bàn chữu  
(giai đoạn 2)

Nhưng A tiếp tục xoay mình đè tiếp vào cùi chỏ trái của B, khiến B đau, lại phải thuận thế bước chân phải tới một bước. Thân hình B xoay sang trái, bộ pháp của B biến thành "Hữu tiên cung thức", A tiếp tục xoay mình sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", tay trái vẫn kéo và tay phải vẫn đè xuống cùi chỏ của B khiến B đau đớn (hình 106).

— Chú giải :

Bình thường khi tự vệ ở ngoài đường, B dùng thế "Hiệp sơn chiêu hải" như vậy là kẻ địch đã bị đánh té ngã ra sau rồi. Nhưng ở đây, trong lúc bạn bè tập luyện lại khác, A nhờ bám chặt tay phải vào đầu vai phải của B nên không bị té. A chỉ cần đạp thẳng hai chân, là tay phải của B sẽ tuột ra.



Hình 106 : Bàn chữu  
(giai đoạn 3)

Về phần B, nếu dùng thế "Hiệp sơn chiêu hải", mà A không bị té ngã ra sau, thì B cũng không thể cứ nhấc bóng A lên mãi như vậy. Dù A không đạp chân ra, thì B cũng phải buông tay phải ra, cho hai chân A đặt xuống đất.

Và chính lúc hai chân A đặt xuống đất, là lúc A phân công bằng thế "Bàn chữu" này. Tay trái A nắm chặt lấy bàn tay trái của B, và phải bẻ ngược bàn tay đó từ ngoài vào trong, thì cùi chỏ trái của B mới thẳng ra và ngược lên trên, để A đè tay phải được. Đây là điểm cần nhớ kỹ. Nếu không vận cho bàn tay trái của B ngược lên, khiến cánh tay trái phải thẳng ra và cùi chỏ hướng lên trên, thì thế "Bàn chữu" sẽ vô hiệu. Vì nếu cùi chỏ trái của B hướng xuống dưới, thì B chỉ việc co mạnh tay trái lại là tránh được đòn. Điểm này phương pháp không nói rõ ra, nhưng chúng ta cũng phải lấy ý mà hiểu.

Khi A đặt hai chân xuống, thì tất nhiên A phải đứng ở phía trước B một chút. Khi B bị bẻ tay, bị đẩy sang

trái, B đau tay phải nhấc chân trái từ phía sau chân phải của A, bước tới một bước ra trước chân phải của A, nếu không sẽ bị té nhủi tới trước.

A tiếp tục xoay mình về tay, thì B không nên cưỡng lại, mà nên bước chân phải tới một bước, theo đà về của A để giảm bớt đau đớn.

A tiếp tục xoay người về nữa, thì bộ pháp của B biến thành "Hữu tiên cung thức" và B cúi người xuống để làm giảm sức chế ngự của A. Lúc này tay phải của B hoàn toàn rảnh rang, B sẽ phải dùng tay phải đó để phản công bằng thế "Phản bản" ở ngay dưới.

## PHẢN BẢN

Ngay khi cúi mình xuống, thì B đã làm giảm sức chế ngự của A, B liền vừa cúi thấp người vừa quay sang trái và nhóm người lên, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" (hai bản chân không xô dịch), đồng thời tay trái co mạnh lại, xoay cổ tay trái để nắm lấy bàn tay trái của A, về ngửa lên, và bàn tay phải đặt ngay trên cùi chỏ trái của A mà về xuống tới trước và sang trái.

A bị về tay đau, tất phải cúi mình theo đà về của B, và bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức".

— Chú giải :

Đây chính là thế "Bản chừu" tức về cùi chỏ, nhưng dùng để phản công thế Bản chừu, nên mới gọi là thế "Phản bản". B đã dùng đòn của A để phản công lại.

Điểm quan yếu nhất trong thế phản bản này là lúc B cúi người xoay mình sang trái và bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Động tác này tương đối khó khăn, vì lúc đó cánh tay trái của B còn đang bị A chế ngự.

Muốn xoay mình phản công dễ dàng, thì phải thỉnh linh cúi xuống, làm giảm sức chế ngự của A. Đứng vào lúc sức chế ngự của A giảm sút như vậy thì B xoay người sang trái và nhóm người lên ngay, đồng thời co mạnh tay trái về, như vậy là đã gỡ được đòn.

Nhưng vừa co tay về, lại phải vừa xoay cổ tay để nắm lấy bàn tay trái của A mà kéo theo. Động tác này của B cũng phải nhanh, vì nếu để A buông tay trái ra và rút về thì B không thể phản công được nữa.

Ngoài ra, những điều cần chú ý trong thế "Bản chừu" cũng cần được chú ý trong thế "Phản bản" này (vì hai thế chỉ là một).



Hình 107 : Phản bản.



## THÁC TIẾT BÀN CĂN

Lúc này A đang bị bẻ tay, nhưng chân trái của A đang ở phía trước chân trái của B. A liền cong đầu gối trái, đè đầu gối trái lên ống chân trái của B.

B đau đớn tất buông tay phải ra, và thuận thể ngã nghiêng sang phải, chống tay phải xuống đất. Lúc này chân trái B duỗi thẳng, chân phải cong gấp hẳn lại, và B ngồi trên gót chân phải (hình 108).

B liền đặt mông phải xuống đất, mũi chân trái móc giữ cổ chân trái của A, đồng thời chân phải đạp thẳng vào ống chân trái của A, muốn làm cho A phải té (hình 109).



Hình 108 : Thác tiết bàn căn (giai đoạn 1) Hình 109 : Thác tiết bàn căn (giai đoạn 2).

Nhưng A nhanh nhẹn biến bộ pháp thành "Hữu tiên cung thức", dùng bàn tay trái gạt được mũi chân phải của B (hình 109). B thấy vậy bèn chống tay trái sang trái, cả thân mình lăn sang trái (hình 110).

— Chú giải :

Khi dùng mũi chân trái móc chặn chân trái của A lại, và dùng chân phải nhằm đạp vào ống chân trái của A, thì B phải buông tay trái ra (trước đó còn đang nắm bàn tay trái của A) và chống xuống đất, phía trước mặt

và sang phải một chút, phụ với tay phải như vậy sức chân đạp ra mới mạnh (hình 109).

"Thác tiết bàn căn" là thể phân công bằng chân rất hữu hiệu, trong trường hợp tự vệ ngoài đời, nếu A chỉ là kẻ tầm thường cậy sức, không biết võ nghệ, A sẽ bị đánh



Hình 110 : Thác tiết bàn căn (giai đoạn 3)

Chân người ta thì phần ống quyển phía trước ống chân là kém chịu đựng nhất. Bởi vậy mũi chân trái của B móc chặn chân trái của A lại, bàn chân phải của B nhằm đạp vào ống quyển trái của A. Ngoài đời, nếu đi giày đế da cứng, đạp trúng ống quyển kẻ địch, tất kẻ địch sẽ không chịu nổi đau đớn.

Khi chân phải của B bị A gạt ra được, thì B lăn mình sang trái, chống tay để chuẩn bị rời xa A.

Một điểm đáng chú ý nữa, là khi chân trái của A đã bị mũi chân trái của B móc chặn lại, muốn lùi tránh chân phải B đạp tới, thì A chỉ còn cách chuyển bộ pháp thành "Hữu tiên cung thức" mà thôi.

## TIỂU KẾT THỨC

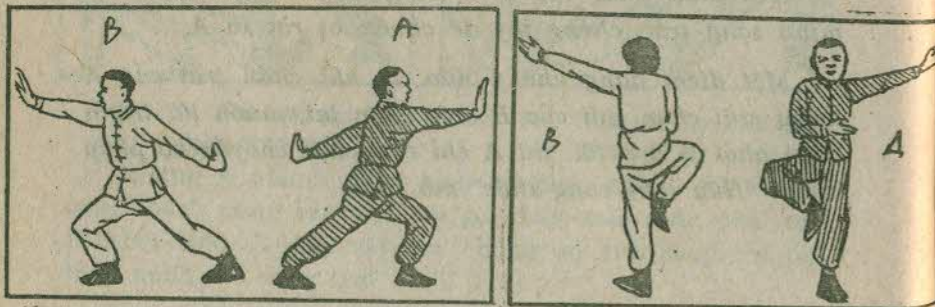
Hai người tạm kết thúc "Đệ tam lộ Cầm nã". A thẳng người lên, xoay sang phải, bộ pháp vẫn là "Hữu tiên cung thức". Thủ pháp biến thành thế "Đơn biên chưởng". Thủ pháp biến thành thế "Đơn biên chưởng".

B thì chống tay nhôm dấy, chân trái ở nguyên chỗ, chân phải bước sang trái một bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", thủ pháp cũng biến thành thế "Đơn biên chưởng" (hình 111).

Tiếp đó A bước chân trái tới trước một bước, thân mình đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, mũi chân hướng xuống đất, đầu gối hướng sang phải, hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng".

B cũng bước chân trái tới một bước, xoay mình sang phải, đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, đầu gối hướng sang phải, mũi chân hướng xuống đất, hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng".

Lúc này hai người cũng đối xứng với nhau (hình 112)



Hình 111 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 1)

Hình 112 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 2)

\* Tiếp đó, A bước chân phải tới một bước nhỏ, bước chân tới một bước nữa, thân mình xoay trên hai mũi chân ra

sau, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", thủ pháp biến thành "Hữu đơn biên chưởng".

Cùng lúc đó B cũng làm như vậy, bước chân phải xuống một bước, bước chân trái tới một bước nữa, rồi dùng hai mũi chân xoay ngược mình lại, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" thủ pháp biến thành "Hữu đơn biên chưởng".

Lúc này hai người đối xứng nhau (hình 113)

— Chú giải :

Thế "Tiểu kết thúc" này tạm chấm dứt "Đệ tam lộ Cầm nã", cũng chính là thế "Tiểu kết thúc" sau "Đệ nhất lộ" và "Đệ nhị lộ" đã nói rõ ràng đầy đủ ở hai phần trên.

\* Nếu cần phải xem lại các thế "Đơn biên chưởng" và "Xuyên chưởng" thì bạn đọc có thể xem lại các phần đó.



Hình 113 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 3)

## ĐỆ TỬ LỘ HỢP THỦ

Mở đầu đệ "Tứ lộ Cầm nã", bước tới mấy bước cho gần A, bộ pháp dừng lại ở "Hữu tiên cung thức", đồng thời vùng quyền phải đánh vào mặt A, A vội bước chân trái lên, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức", đồng thời dùng chưởng trái nắm lấy quyền trái của B (hình 114)

Tiếp đó A thừa thế bước chân phải tới bên ngoài và phía sau của chân phải B, rồi xoay mình sang trái, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức".

Đồng thời A luồn tay phải dưới cánh tay phải của B, bàn tay phải của A đưa lên nắm thêm vào quyền phải của B. Lấy cánh tay phải của mình làm điểm tựa, A dùng hai tay bẻ tay phải của B tới trước và xuống thấp (hình 215)

Trong khi đó, B xoay người sang trái, hai bàn chân không xê dịch nhưng bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức".

— Chú giải :

Đây là một trong những thế "Cầm nã" rất hiệu quả. Chân phải của B bị chân trái của A chặn lại, trong khi tay phải của B bị bẻ. Ngoài đời, nếu B là người cõng sức mà không có võ nghệ, B sẽ té đau đớn.

Khi A bước chân phải tới và xoay mình sang trái, thì bàn tay trái của A (đang nắm quyền phải của B) phải xoay lòng tay ra ngoài, ngón tay út ở phía trên.



Hình 114 : Hợp thủ  
(giai đoạn 1)



Hình 115 : Hợp thủ  
(giai đoạn 2)

Khi tay phải của A luồn dưới cánh tay phải của B rồi đưa lên để nắm thêm vào quyền phải, hoặc cổ tay phải của B cũng được, thì lòng tay cũng phải hướng ra ngoài, ngón tay út cũng ở phía trên.

Khi A dùng cả hai tay để bẻ tay phải của B như vậy, thì nhớ là không phải cứ để vậy mà kéo thấp xuống, trái lại, phải cố gắng duỗi mạnh hai cánh tay ra, tự nhiên cánh tay phải của B đau đớn, và B sẽ phải ngã người ra chịu đựng.

Điểm đáng chú ý là thế này, A phải hành động mau lẹ, vì nếu A chậm chạp, A sẽ bị B phản công bằng chính thế "Hợp thủ" này.

Bạn đọc hãy quan sát kỹ hình 115 và tưởng tượng rằng, A chậm chạp, B lập tức đưa cánh tay trái lên, nắm lấy bàn tay phải của mình, và cả hai tay sẽ duỗi mạnh ra, thì chính A lại bị té ngã ra sau và rất đau đớn. Nếu không, B cũng có đủ thời giờ xoay mình sang phải, nhấc chân phải sang phía trước chân phải của A, thì đòn của A cũng vô hiệu.

Bởi vậy thế "Hợp thủ" này cần sự lanh lẹ, muốn lanh lẹ, chỉ có cách tập luyện thuần thục, đến độ như phản xạ mà thôi.

## PHIÊN ĐỀ

Từ thế "Hợp thủ" B xoay mình sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", tay trái đặt lên lưng bàn tay trái của A, gõ bàn tay trái đó lên cao (hình 116).

Tiếp đó B dùng tay trái kéo mạnh tay trái của A sang trái của mình, tất nhiên A phải buông tay phải ra. B thừa thế dùng cả hai tay kéo mạnh tay trái của A sang trái của mình, chân phải kéo về một chút. A bị kéo mạnh và nhanh, không kịp thay đổi bộ pháp, hai chân tréo lại với nhau (hình 117).



Hình 116 : Phiên đề  
(giai đoạn 1)



Hình 117 : Phiên đề  
(giai đoạn 2)

Tiếp đó để giữ thăng bằng, A nhấc chân phải bước sang phải một bước và xoay lưng lại, bộ biến thành "Hữu tiên cung thức" (hình 118).

Tiếp đó A nhấc chân trái bước tới trước một bước và xoay mình sang phải, thân mình thấp xuống, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức".

Khi A xoay mình như vậy, vì tay phải B còn nắm tay trái A nên tay trái A quật ra sau và kéo B bước chân trái theo, B cũng xoay mình sang phải, và bộ pháp cũng biến thành "Kỵ mã thức", đồng thời. B co cánh tay trái, đánh cùi chỏ vào sườn phải của A.

A cũng vội co cánh tay phải, dùng cùi chỏ đánh từ trên xuống để gạt cùi chỏ trái của B ra phía sau (hình 119).



Hình 118 : Phiên đề  
(giai đoạn 3)



Hình 119 : Phiên đề  
(giai đoạn 4)

— Chú giải :

Muốn gỡ bàn tay phải của A ra dễ dàng, B phải dùng bàn tay trái, tỳ ngón cái lên lưng bàn tay phải của A, bốn ngón kia móc chặt vào cạnh ngoài của bàn tay phải của A, rồi dùng sức bẻ giữa lên.

Bộ pháp của A lẫn B trong các hình từ 116 tới 118, vì chỉ là những giai đoạn đang diễn tiến, nên không được chính thức. Chẳng hạn như hai chân của A trong hình 117 thì không thành bộ pháp gì. Hai chân của B cũng trong hình 117 chỉ có thể tạm coi là "Hữu tiên cung thức" nhưng thật sự không đúng như vậy. Điều này bạn đọc tất cũng ngầm hiểu rồi.

Ở giai đoạn cuối cùng (hình 119), đòn đánh cùi chỏ trái của B là đòn nguy hiểm. Đòn đánh bằng cùi chỏ là đòn rất mạnh, rất nặng, và chỉ sử dụng khi hai người ở sát gần nhau, nên đòn đánh ra rất mau lẹ. Bởi vậy

muốn ngăn chặn đòn này. A cũng phải cực lạnh lẽ, bằng cách co ngay cùi chỏ, đánh mạnh từ trên xuống, gạt cùi chỏ trái của B ra sau. Muốn được lạnh lẽ, đòn này phải được tập luyện thật nhiều lần cho cực kỳ thuần thục.

Mặt khác, động tác xoay mình của A cũng hơi phức tạp, A cần phải tập luyện để xoay mình được lạnh lẽ.

Ở giai đoạn cuối cùng của thế "Phiên đề" này, cả A và B đều ở bộ pháp "Kỳ mã thức".

## THÔNG THIÊN PHÁO

Ngay sau khi gạt được cùi chỏ trái của B ra sau, A phải lạnh lẽ, không cho B kịp phản ứng gì, lại thuận tay, dùng quyền phải đánh xéo từ dưới lên trên, nhắm vào cùi chỏ của B. Bộ pháp của cả hai người trong thế này không thay đổi. (hình 120).

— Chú giải :

Thế "Thông thiên pháo" là thế võ đánh quyền xéo từ dưới lên trên, lòng quyết quay về phía mình. Đây là một trong những thế quyền rất mạnh mẽ và hữu hiệu, vì người đánh có thể đánh nhanh và mạnh.



Hình 120 : Thông thiên pháo.

Để thêm sức cho đòn "Thông thiên quyền" của mình A có thể vừa đánh vừa đưa cao người lên, hai đầu gối thẳng lên.

Ở tư thế của A và B lúc này, A sử dụng thế "Thông thiên pháo" là rất đặc địa. Bởi vậy đòn của A rất nguy hiểm, B chỉ nên ngửa người ra sau để tránh mà thôi, khó lòng ngăn đỡ hiệu quả.

## TUẦN HOÀN THỦ (thế 1)

B ngửa người ra sau tránh được thế "Thông thiên pháo" của A, A đánh hụt, tay đánh thẳng lên cao, và thân mình cũng thuận theo mà đứng thẳng lưng lên, bộ pháp gần như "Hữu tiên cung thức".

B cũng đứng thẳng lưng lên, bộ pháp gần như "Tả tiên cung thức", tay phải B vẫn nắm chặt bàn tay trái của A, cánh tay trái của A vẫn bị quật ra sau. B co tay trái trước ngực và đưa mạnh lên ngang vai, cánh tay dưới của B chặn ở dưới cánh tay phải của A (hình 121).

A vội đưa cánh tay sang phải, quá cùi chỏ trái B và đem xuống nắm lấy cánh tay phải của B, chỗ gần cổ tay (hình 122).

Tiếp đó, A bước chân trái tới một bước, thân mình xoay sang phải, tay phải xịch lên nắm lấy bàn tay phải của B bẻ ngửa lên cho cùi chỏ hướng lên



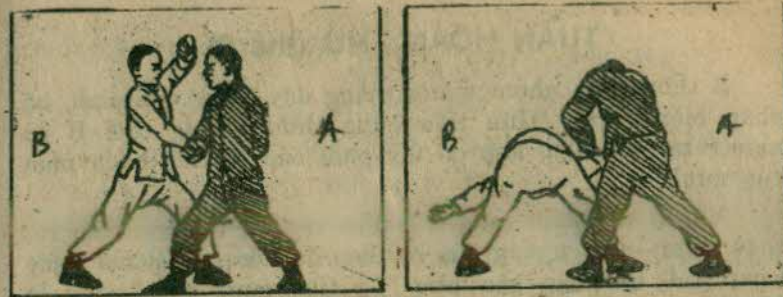
Hình 121 : Tuần hoàn thủ (thế 1 giai đoạn 1)

trên, tay trái buông ra, đem từ sau ra trước, đè mạnh xuống cùi chỏ phải của B, khiến B phải đau đớn cúi gập mình xuống (hình 123).

B đau đớn cúi gập mình xuống, và phải đem chân trái bước sang trái và cúi mình xuống theo thuận đà bẻ tay của A (hình 123)

— Chú giải :

Đây cũng là một thế "Bàn chầu" (như chúng ta đã từng biết ở trên) mà thôi. Nhưng ở đây thân pháp, thủ



Hình 122 : Tuần hoàn thủ (thế 1 giai đoạn 2) Hình 123 : Tuần hoàn thủ (giai đoạn 3).

pháp và bộ pháp đều phức tạp, đòi hỏi ở A sự lanh lẹ và sự phối hợp chặt chẽ, đúng lúc của các động tác.

A phải lần lượt rút tay phải xuống, nắm lấy cổ tay phải của B, bước chân trái tới trước, xoay mình sang phải, buông tay trái để đỡ lên cùi chỏ phải của B, trong khi tay phải thì bẻ giữa bàn tay phải của B. Tất cả những động tác này phải liên lạc nhịp nhàng, để B không kịp phản ứng.

B bị bẻ tay như vậy, tất phải cúi người xuống, nhưng lúc đó bộ pháp của B đang là "Tả tiên cung thức" B phải bước chân trái sang trái và lùi ra sau, để gặp người xuống theo đà bẻ của A thì mới giảm được đau đớn và giảm được sức chế ngự của A.

Khi bước chân trái tới trước một bước, chân trái của A nên đặt ngay sau chân phải của B, ngăn cho B không thể lùi lại mà tránh đòn.

Khi A bẻ tay B thì A nên cúi thấp mình xuống, thêm sức cho tay trái đè mạnh cùi chỏ phải của B, để thế "Tuần hoàn thủ" (thế 1) được có hiệu quả.

## TUẦN HOÀN THỦ (thế 2)

B thỉnh linh nhóm người thẳng dậy, xoay qua phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời B có mạnh tay phải lại, kẹp cổ tay phải của A dưới nách phải của mình.

A bị B có mạnh sang trái như vậy thì tay trái tuột ra, thân mình cũng ngẩng lên và theo đà kéo của B mà quay sang trái, bộ pháp gần như "Tả tiên cung thức" (tức là không đứng lăm, vì đây đang là những chuyển động diễn tiến), như hình 124.

Tiếp đó B bước chân trái tới một bước, đặt chân trái phía sau chân phải của A, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Cánh tay phải của B vẫn kẹp cổ tay phải của A trong nách phải, cổ tay phải của B nâng cao lên, đồng thời bàn tay trái của B đem từ sau rả trước, đè xuống cùi chỏ của A.

A phải đem chân trái lùi về sau một bước, thân mình xoay sang trái và cúi gập người xuống, hầu giảm bớt đau đớn của cánh tay phải.

B tiếp tục cúi thêm xuống mà đè trên cùi chỏ phải của A thì A tất nhủi người tới trước và phải chống tay trái



Hình 124 : Tuần hoàn thủ (thế 2, giai đoạn 1) Hình 125 : Tuần hoàn thủ (thế 2, giai đoạn 2).

xuống đất cho khỏi té ( hình 125).

— Chú giải :

Ở đây B cũng dùng thế "Tuần hoàn thủ" để phản công thế "Tuần hoàn thủ" trước đó của A mà thôi. "Tuần hoàn thủ", thế 2, chỉ là "Tuần hoàn thủ", thế 1, đã thay đổi phương hướng và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.

Tất cả những điểm đáng chú ý, nói trong phần chú giải của "Tuần hoàn thủ", thế 1, đều được lặp lại với B.

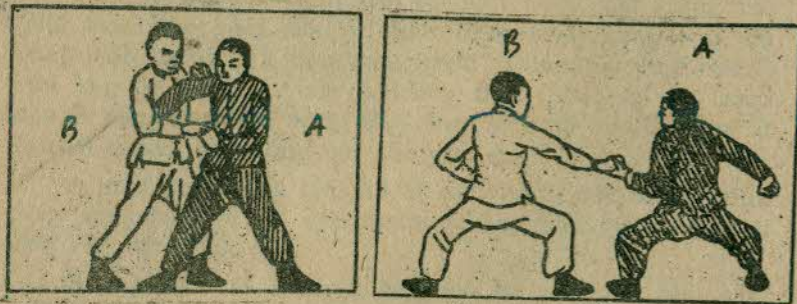


## SỞ HÁN TRANH PHONG

A thỉnh linh co cánh tay phải lại và nhòm thẳng người lên đồng thời tay trái nắm lấy bàn tay phải của B (hình 126).

A nhắc chân phải, lùi ra sau một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức".

B nhắc chân trái lùi ra sau, thân mình xoay sang trái, bộ pháp cũng biến thành "Kỵ mã thức". Lúc này tay trái A vẫn nắm lấy bàn tay phải của B mà kéo (hình 127)



Hình 126 : Sở Hán tranh phong (giai đoạn 1)

Hình 127 : Sở Hán tranh phong (giai đoạn 2)

— Chú giải :

Ở hình 125, tất nhiên A lại có thể dùng thế "Tuần hoàn thủ", để phản công lại thế "Tuần hoàn thủ" của B (như B đã làm), nhưng đây là đang tập luyện, nên A phản công bằng thế "Sở Hán tranh phong".

Khi A đã co được cánh tay phải lại và nhòm thẳng người lên, thì cánh tay phải của A đã được giải thoát tự do. Bàn tay trái của A sẽ nắm lấy bàn tay phải của B. Nếu lúc đó bàn tay phải của B đang xòe thành chông, thì A nên nắm ở gần mũi bàn tay, tức là bóp chặt các ngón tay. Nếu lúc đó bàn tay phải của B đang nắm lại

thành quyền, thì A sẽ khó khăn hơn. A sẽ phải tỳ ngón cái của bàn tay trái mình vào các lưng ngón tay của B (lúc đó đang nắm lại) các đầu ngón kia móc chặt vào giữa lòng quyền trái của B mà bẻ ngửa ra, các ngón tay của B sẽ phải mở ra, và bàn tay trái A nắm được bàn tay phải của B.

Sở dĩ phải nắm bàn tay là để cho chắc chắn, vì nắm lấy quyền (tức nắm tay) thì quyền phải của B chỉ cần xoay mạnh là bàn tay trái của A tuột ra ngay.

Ở giai đoạn 2 (hình 127), A dùng bàn tay trái, nắm bàn tay phải của B, thì ngón cái của A phải ở trên lưng bàn tay của B, các đầu ngón tay kia bám chặt vào lòng bàn tay của B, như vậy mới chắc chắn, B không thể rút tay lại thoát ra được.

Sau cùng thì A vừa nắm tay B vừa kéo mạnh về phía mình, tức là cánh tay trái của A co mạnh lại, buộc cánh tay phải của B duỗi thẳng ra.

Lúc đó cả A và B cùng ở "Kỵ mã thức" vững vàng.



## NHẬP HẢI THẨM LY

Tiếp đó A bước chân phải tới trước một bước, chân phải của A đặt trước chân phải của B, bộ pháp của A gần như "Hữu tiên cung thức". Thân mình A xoay sang trái. Đồng thời tay phải luồn xuống khoeo chân phải của B, kéo đùi phải của B lên (hình 128).

— Chú giải :

Những điểm cần nhớ là tay trái của A vẫn co lại, kéo bàn tay phải của B. Khi luồn tay phải vào khoeo chân phải của B thì A phải cúi mình xuống thấp (điều này không vẽ trong hình). Đến khi nhấc đùi phải của B lên, thì A vừa kéo lên bằng tay phải, vừa ngẩng mình lên thêm sức mạnh cho tay phải kéo lên (hình 128).



Hình 128 : Nhập hải thẩm ly

## TRÍCH LINH THỦ

B bị kéo đùi phải lên như vậy thì mất thăng bằng, B phải lập tức duỗi mạnh chân phải ra và đặt xuống trước chân phải của A. Tiếp đó B bước chân trái tới trước một bước, đặt chân trái phía sau A, thân mình xoay sang phải, bộ pháp gần như "Tả tiên cung thức", đồng thời tay trái của B bám chặt lấy đầu vai trái của A mà kéo ra sau (hình 129).

— Chú giải :

Khi tay trái bám vào đầu vai trái của A, thì B phải vừa kéo ra sau, vừa đè mạnh xuống vận sức của cả cánh tay lẫn cổ tay (sức cánh tay để kéo ra sau, sức cổ tay để đè xuống thấp). Đó là điểm cần chú ý nhất trong thế này.



Hình 129 : Trích linh thủ.

## HÙNG SƯ LIỄM TRẢO

A buông bàn tay trái ra, dùng hai mũi chân xoay nhanh mình ra sau (hai bàn chân không rời vị trí), tay trái A đưa lên nắm lấy bàn tay trái của B (đang ở trên vai trái của mình), vận lực mà gỡ lên. Lúc này bộ pháp của cả hai người đều gần như "Tả tiên cung thức" (hình 130).

Tiếp đó A nhấc chân phải, lùi ra sau và sang phải một bước, đặt sau chân trái của B, thân mình A xoay sang phải, bộ pháp gần như "Hữu tiên cung thức". Đồng thời trong lúc xoay mình thì A đưa cao tay trái, đem tay trái của B qua đầu mình tới phía trước, và tay phải luồn dưới nách trái của B, từ sau ra trước và từ dưới lên trên (hình 131).



Hình 130 : Hùng sư liễm trào (giai đoạn 1)



Hình 131 : Hùng sư liễm trào (giai đoạn 2).

Tiếp đó A dùng cổ tay phải, cong lại, kéo cánh tay trên của tay trái B ra sau, đồng thời tay trái cầm cổ tay trái của B bẻ mạnh tới trước. Như vậy tay trái của B sẽ bị vận đau đớn.

B vội thấp người xuống, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức" (hình 132).

— Chú giải :

Các động tác của A trong thế "Hùng Sư liễm trào" này rất phức tạp, phải được thực hiện nhanh lẹ và phối hợp chặt chẽ, do đó đòi hỏi sự tập luyện thuần thục.



Khi A đưa tay trái lên gỡ bàn tay trái của B đang nắm chắc vai mình, thì lưng bàn tay trái của A phải hướng sang trái, ngón cái của A luồn mạnh vào dưới lòng bàn tay trái của B, các ngón kia móc chặt lấy cạnh bàn tay trái của B (phía ngón trỏ) mà bẻ ngược sang trái. Như vậy mới gỡ được bàn tay trái của B ra và đưa được lên cao.

Hình 132 Hùng sư liễm trào (giai đoạn 3)

Tiếp đó A vừa phải xoay mình sang phải, vừa phải bước chân phải sang phải và đặt sau chân trái của B, lại vừa phải nâng cánh tay trái của B qua đầu mình mà đem tới trước. Các động tác này phải rất nhanh lẹ.

Khi bẻ cánh tay trái của B, thì A phải nhớ rằng, cổ tay phải sẽ cong lại, móc chặt cánh tay trái của B mà kéo ra sau, còn tay trái thì hơi tuột xuống, nắm chặt lấy cổ tay trái của B mà đè tới trước và xuống thấp. Như vậy hai tay của A, một kéo một đẩy mới bẻ được cánh tay trái của B một cách hiệu quả.

Nếu cần gia tăng hiệu quả, A có thể cúi thêm mình xuống.

B muốn tránh đau đớn, tất thấp người xuống, và bộ pháp biến thành Kỵ mã thức.

## CỔN ĐỀ

B liền nhắc chân trái, bước sang trái và ra sau một bước, đặt xuống phía sau chân phải của A, thân mình xoay sang bộ pháp, gần như "Tả tiên cung thức". Tiếp đó B đưa bàn tay phải lên, luồn ngón cái vào lòng tay phải của A, các ngón kia ở lưng bàn tay phải của A, rồi bẻ từ ngoài vào trong.

A sẽ buông tay trái ra.

B liền dùng bàn trái nắm thêm vào bàn tay phải của A, và cả hai tay B đều bẻ bàn tay phải của A sang phía trái.

Lúc này bộ pháp của A cũng vẫn là "Hữu tiên cung thức", (hình 133).

— Chú giải :

Đây là thế "Cổn đề" mà chúng ta đã từng biết ở phần trên.

"Cổn đề" và "Phiên đề" cùng có nguyên tắc bẻ xoay bàn tay của đối phương, nhưng khác nhau ở chỗ "Phiên đề" thì bẻ vào trong, còn "Cổn đề" thì bẻ ra ngoài mà thôi.



Hình 133 : Cổn đề

Trong thế này B dùng hai tay, bẻ giữa bàn tay phải của A ra ngoài (tức sang trái của B) nên gọi là "Cổn đề". Còn trong hình 117, B cũng bẻ tay phải của A, nhưng bẻ từ ngoài vào trong, nên gọi là "Phiên đề".

Khi hai bàn tay B nắm lấy bàn tay phải của A mà bẻ từ trong ra ngoài, thì bàn tay phải của B nên ở dưới, nắm lấy nửa bàn tay và nửa cổ tay phải của A, bàn tay trái của B nên ở trên, nắm lấy phần đầu bàn tay phải của A. Khi bẻ thì dùng sức vận của hai cổ tay.

## SANH THỦ

A nhắc chân phải, bước sang phải và ra sau một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời dùng bàn tay trái, luồn xuống nắm lấy cổ tay trái của B mà vận mạnh từ ngoài vào trong, khiến bàn tay trái của B phải rời ra. A thuận thế, đẩy tay trái B tới trước và thấp xuống (hình 134).

— Chú giải :

Trong khi A gỡ được tay trái của B ra và đẩy xuống thấp, thì tay phải của B vẫn còn nắm tay phải của A.

Thế "Sanh thủ" này không mới lạ, chúng ta đã từng biết là các phần trên, mục đích chưa phải là phân công, mà mới chỉ ở gỡ đòn thôi.



Hình 134 : Sanh thủ.

## KHỔ HẢI HỒI ĐẦU

Tiếp đó A bước bàn tay trái của B ra, rồi vung mạnh tay trái sang trái à lên cao, khiến cho cánh tay phải của B bị hất bật lên, không còn nắm được bàn tay phải của A nữa (hình 135).

Tiếp đó A bước chân phải tới một bước, thân mình xoay sang trái, tay trái A bám lấy sau đầu B kéo về, trong khi tay phải A đặt lên cằm B mà đẩy tới, khiến cho cổ B phải xoay hẳn sang trái, ngửa ra và đau đớn khó lòng chịu nổi.

Lúc này bị áp đảo mạnh mẽ, B chưa thể phản công được, đành phải bước chân phải lên một bước, thân mình xoay sang trái, theo đà bẻ cổ của A để làm giảm đau đớn (hình 136).



Hình 135 : Khổ hải hồi đầu (giai đoạn 1)      Hình 136 : Khổ hải hồi đầu (giai đoạn 2)

B tiếp tục xoay mình sang trái nữa và chân trái B bước ra sau chân phải của A, B đã xoay mình hẳn ra sau, khiến cho đòn vặn cổ của A không còn hiệu lực. Lập tức B dùng tay trái, nắm lấy bàn tay trái của A mà đẩy lên cao. Trong khi bàn tay phải của A bấy giờ tuột xuống vai phải của B (hình 137).

— Chú giải :

Ở cả 3 giai đoạn, hai người đều đứng ở bộ pháp mà thân mình cao và thẳng, vì sức đều dùng ở phần hai tay, không cần tới sức của lưng phụ giúp.



Hình 137 : Khổ hải hồi đầu (giai đoạn 3)

Khi A bẻ cổ B thì tay trái bám vào sau đầu B mà kéo, tay phải đặt vào cằm B mà đẩy, tức là cổ B bị vặn từ phải sang trái.

B cứ nương theo chiều từ phải sang trái mà xoay mình, thì sẽ làm vô hiệu sức bẻ của A.

## HIỆP SƠN CHIẾU HẢI

Tiếp đó B buông tay trái ra, đem tay trái ôm eo lưng trái của A, đồng thời cúi mình xuống, dùng tay phải ôm lấy khoeo chân phải của A. Lúc này bàn tay phải của A vẫn còn ở trên vai phải của B, và bàn tay trái của A đem xuống nắm lấy bàn tay trái của B (hình 138).

Tiếp đó B dùng sức của cả hai tay, hai chân và thân mình, nâng bổng A lên. Tay trái B ôm chặt eo lưng trái của A, tay phải ôm khoeo chân phải của A nhấc mạnh lên, trong khi hai chân B thẳng lên và lưng cũng thẳng lên, tự nhiên thân mình A sẽ bị nhấc bổng lên.

Để tránh khỏi bị té ngược đầu ra sau, A vừa phải cong mình lên gượng lại, vừa bám chặt bàn tay phải vào vai phải của B (hình 139).



Hình 138 : Hiệp sơn chiếu hải  
(giai đoạn 1)

— Chú giải :

Thể "Hiệp sơn chiếu hải" này, chúng ta đã từng biết ở "Đệ tam lộ" phía trên, ở đây chỉ là lập lại mà thay đổi phương hướng mà thôi.

Mục đích của thể này là làm cho đối phương phải té ngược đầu ra sau, nhưng A đã lanh lẹ dùng bàn tay phải bám chắc lấy đầu vai phải của B, nên không bị té, mà chỉ bị nhấc bổng lên thôi.

Những điều đáng chú ý, xin bạn đọc xem lại thể "Hiệp sơn chiếu hải" ở "Đệ tam lộ" phía trên.



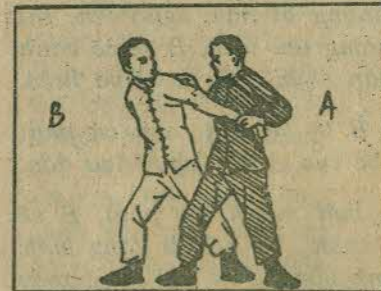
Hình 139 : Hiệp sơn chiếu hải  
(giai đoạn 2)

## BÀN CHỮU

Hoặc là A duỗi mạnh hai chân, hoặc là B thấy A không bị té, thì buông tay phải ra. Hai chân A đặt xuống đất, phía trước B. Ngay khi đặt chân xuống đất, A nắm bàn tay trái của B bẻ ngựa bàn tay lên từ trong ra ngoài, cho cùi chỏ trái của B thẳng ra và ngựa lên. Đồng thời dùng bàn tay phải ấn mạnh trên cùi chỏ trái của B (hoặc trên cánh tay của B cũng được) (Xem hình 140).

B cúi thấp người để chịu đựng, rồi nhấc chân trái, bước tới trước chân trái của A, thân mình xoay sang trái và cúi xuống để làm giảm bớt chế ngự của A, và khiến tay trái B bớt đau đớn.

Nhưng A cũng xoay người theo sang trái, tiếp tục kéo bàn tay trái B sang trái và đè mạnh lên cùi chỏ trái của B (hình 141).



Hình 140 : Bàn chầu  
(giai đoạn 1)



Hình 141 : Bàn chầu  
(giai đoạn 2)

B lại bị bẻ đau, phải nhấc chân phải bước tới trước và sang trái một bước, thân mình xoay sang trái để thuận theo đà kéo và đè của A, bộ pháp của B biến thành "Hữu tiên cung thức".

Còn A thì tiếp tục xoay mình theo sang trái, tay trái vẫn kéo tay phải vẫn đè, bộ pháp của A lúc này cũng vẫn là "Tả tiên cung thức" (hình 142)

— Chú giải :

Thế "Bàn châu" này không mới lạ gì với chúng ta, vì đã được nói ở các phần trên rồi. Những điểm đáng chú ý, xin bạn đọc mở lại phần trên để coi cho nhớ thêm. Ở đây chỉ xin nhắc lại rằng, bí quyết của thế "Bàn châu" là làm sao cho cánh tay đối phương

(tức B) phải thẳng ra và cùi chỏ hướng lên trên. Muốn vậy thì bàn tay trái của A vừa phải kéo cánh tay trái của B, phải bẻ ngửa bàn tay trái của B lên. Rồi mới dùng bàn tay phải mà đè mạnh lên cùi chỏ trái của B được.

Nếu bàn tay trái của B không bị vặn ngửa lên, thì cùi chỏ trái của B sẽ không hướng lên trên, B sẽ co cánh tay trái lại dễ dàng, và thế "bàn châu" của A sẽ vô hiệu.

Điều thứ nhì cần nói là B bị bẻ trái, nên cứ phải xoay sang trái, thuận theo đà bẻ của A để tránh đau đớn.

Ngoài thực tế, A phải đè thật mạnh tay phải, B sẽ đau đớn, cúi gập người xuống trước. Và nếu B gắng bước nhiều bước sang trái, xoay thành vòng tròn, thì A sẽ xoay sang trái nhanh hơn, đè mạnh hơn, B sẽ phải té sấp tới trước mà cánh tay trái vẫn bị bẻ đau cứng.

Nhưng ở đây là tập luyện, B chỉ bước vài bước sang trái rồi tìm cơ hội phản công. Thực tế, A đánh nhanh, đánh mạnh và quyết tâm hạ B, thì thế "Bàn châu" này rất hiệu quả, B khó tránh bị té sấp tới trước.



Hình 142 : Bàn châu (giai đoạn 3)

## PHẢN BÀN

B thỉnh linh cùi nhanh người xuống, sức chế ngự của A bỗng giảm sút, ngay lúc đó, A chưa kịp tạo sức chế ngự mới, thì B cố nhắc cao tay trái lên, xoay mạnh thân mình sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức".

Tay phải của A sẽ tuột ra, bàn tay trái của A cũng sẽ lỏng ra. B xoay mạnh cổ tay trái, dùng bàn tay trái, nắm lại cổ tay trái của A, vặn từ ngoài vào trong cho bàn tay trái của A phải ngửa lên. Cánh tay trái của A thẳng ra, cùi chỏ trái của A hướng lên trên, và B lanh lẹ dùng bàn tay phải đè mạnh lên cùi chỏ trái của A.

A đành xoay mình sang phải, thân mình cúi xuống để giảm bớt đau đớn, và bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" (hình 143).

— Chú giải :

Như vậy là B cũng dùng "Bàn châu" để phản công A, cho nên thế võ của B gọi là "Phản bàn" (tức dùng thế Bàn châu để phản công thế Bàn châu). Thế phản bàn này cũng đã từng được nói ở phần trên, bạn đọc có thể coi lại những điều đáng chú ý.

Ngoài ra, những điều nói trong phần chú giải của thế "Bàn châu" ngay trên, cũng cần được coi lại (đối với B, là người tấn công).



Hình 143 : Phản bàn

## THÁC TIẾT BÀN CĂN

A liên cong đầu gối trái, đầu gối trái của A đè mạnh vào ống quyển trái của B, khiến B phải té nghiêng sang phải. B dùng tay phải chống xuống đất mà đỡ. Tay trái B vẫn còn nắm bàn tay trái A (hình 144).

Tiếp đó B buông tay trái của A ra, mũi chân trái của B móc chặt cổ chân trái của A, đồng thời chân phải của B đạp tới ống quyển trái của A.

Một mặt A dùng chưởng trái gạt mũi chân phải của B, một mặt bộ pháp của A biến thành "Hữu tiên cung thức" để tránh đòn của B (hình 145).

Lập tức B xoay mình sang trái, chống hai tay trên đất, mũi chân trái đã xoay theo sang trái, không còn kim được cổ chân trái của A nữa, nhưng chân phải tiếp tục co lại đạp vào ống quyển trái của A, A lại cố gắng dùng chưởng trái gạt mũi chân phải của B (hình 146).

— Chú giải :

Thế "Thác tiết bàn căn" này không mới lạ, vì cũng được nói ở cuối "Đệ tam lộ" rồi. Tất cả những điểm quan trọng cần nhớ, xin bạn đọc xem lại phần "Đệ tam lộ".



Hình 145 : Thác tiết bàn căn (giai đoạn 2)



Hình 146 : Thác tiết bàn căn (giai đoạn 3).

## TIỂU KẾT THỨC

Vì chân trái không còn bị chặn lại nữa, A bước chân trái tới trước để tránh đòn B, rồi lại bước chân phải tới trước một bước nữa, thân mình xoay sang trái, bộ pháp là "Hữu tiên cung thức", thủ pháp là "Đơn biên chưởng", đầu quay sang trái.

Còn B thì nhóm người qua phải, chân phải bước tới một bước, thân mình thẳng lên, xoay sang trái, bộ pháp thành "Hữu tiên cung thức", hai tay cũng thành thế "Đơn biên chưởng" (hình 147)

Tiếp đó A bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, đầu gối hướng sang phải, mũi chân phải sát đầu gối trái và hướng xuống đất. Hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng".



Hình 147 : Tiểu kết thúc (giai đoạn 1)

Đồng thời, B cũng bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái. Chân phải co lại, đầu gối phải hướng sang phải, mũi chân phải sát với đầu gối trái và hướng xuống đất. Hai tay cũng biến thành thế "Tả xuyên chưởng" (hình 148).

Tiếp đó A bước chân phải sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng", bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức".

Đồng thời B cũng bước chân phải sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng" (hình 149).



Hình 148 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 2)

Hình 149 : Tiểu kết thúc  
(giai đoạn 3).

— Chú giải :

Sau mỗi lộ, đều có thể "Tiểu kết thúc" này. Xin xem lại phần chú giải của thế "Tiểu kết thúc" ở cuối Đệ nhất, đệ Nhị lộ và Đệ tam lộ bên trên.

## ĐỆ NGŨ LỘ

### KIM ĐỀ ĐỘC LẬP

A bước tới hai bước rồi thân mình đứng thẳng trên chân phải. Chân trái co lại, bàn chân trái sát đầu gối phải. Đầu gối trái và mũi chân trái đều hướng tới trước và sang trái. Tay phải nắm lại thành quyền, co lại để bên sườn phải. Tay trái nắm lại đưa lên cao và sang trái.

B cũng bước tới trước hai bước, thân mình đứng thẳng chân phải. Chân trái co lên, bàn chân trái cạnh đầu gối phải. Đầu gối trái và mũi chân trái hướng tới trước và sang trái. Tay phải nắm lại thành quyền, đem về để bên sườn phải. Tay trái cũng nắm lại thành quyền, đưa lên trên và sang trái (hình 150).

— Chú giải :

Đây chỉ là thế võ chờ đợi, chuẩn bị mà thôi, chưa phải là thế tấn công. Thế này còn có tên là "Đại khai môn".

Trong hình 149, thực tế A và B đứng xa nhau, nhưng trong hình phải vẽ gần. Bởi vậy cả A và B đều cùng phải bước tới trước hai bước, mới được gần nhau như trong hình 150. Bạn đọc lấy ý mà hiểu.

Khi đem quyền phải co bên cạnh sườn phải, thì quyền phải của cả A và B đều ngửa lên, ngón cái hướng ra ngoài. Trong khi đó quyền trái của cả A và B đều úp xuống, hổ khẩu hướng sang phải.



Hình 150 : Kim kê độc lập.



## CỬU CHUYỂN ĐAN THÀNH

B đặt chân trái xuống, bước chân phải tới một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời duỗi thẳng quyền phải tới tấn công.

A vội bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Tay phải xòe thành chưởng, nắm lấy cổ tay phải của B (hình 151).

Tiếp đó A vừa buông tay phải của B ra, vừa dùng chân phải đá vào ống quyển, phía dưới đầu gối phải của B.

B vừa co chân phải lên để tránh, vừa cúi mình xuống dùng chưởng phải đánh vào cổ chân phải của B (hình 152).



Hình 151 : Cẩu chuyển đan thành (giai đoạn 1)



Hình 152 : Cẩu chuyển đan thành (giai đoạn 2)

Tiếp đó B lại bước chân phải xuống, bộ pháp lại thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời B dùng quyền phải đánh thẳng xuống bụng của A.

A đá xong đặt chân phải xuống, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", dùng chưởng trái nắm lấy quyền phải của B và kéo sang trái (hình 153).

Tiếp đó A buông tay trái ra, dùng quyền phải đánh thẳng tới bụng của B, bộ pháp của A vẫn là "Hữu tiên

cung thức", nhưng thân mình hơi ngả tới trước theo tay phải đánh tới.

B vội lùi chân phải ra sau một bước, thân mình hơi xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời B dùng chưởng trái gạt quyền của A sang trái (hình 154).



Hình 153 : Cẩu chuyển đan thành (giai đoạn 3)



Hình 154 : Cẩu chuyển đan thành (giai đoạn 4)

Tiếp đó B thuận thể bước chân phải tới một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời B dùng tay phải nắm lấy cổ tay phải của A, đẩy tới cho tay phải của A co gập lại trước ngực (hình 155).

Tiếp đó A bước chân trái tới một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời giạt mạnh tay phải về, và dùng quyền trái đánh thẳng tới ngực B (động tác này không có trong hình vẽ). Lập tức B vung quyền phải, gạt tay của A sang phải và lên cao (hình 156). Đồng thời với tay phải vung lên như



Hình 155 : Cẩu chuyển đan thành (giai đoạn 5)



Hình 156 : Cầu chuyển đan thành (giai đoạn 6)

vậy. B bước chân trái tới trước, bộ pháp biến thành "Tả tiền cung thức".

Tiếp đó B dùng quyền trái đánh thẳng vào bụng A. Lập tức A dùng cổ tay phải gạt tay B ra (hình 157).

Tiếp đó B đem quyền trái về, chân phải bước tới một bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiền cung thức", thân mình xoay sang trái. Đồng thời B đem quyền phải đánh thẳng vào ngực A.

A dùng chưởng trái nắm lấy quyền phải của B, chân phải bước tới một bước, thân mình xoay sang trái, bộ pháp biến thành "hữu tiền cung thức", rồi dùng cả chưởng phải nắm lấy phía dưới quyền phải của B.

Hai bàn tay A ôm chặt quyền phải của B, bàn tay trái ở trên, lòng tay úp xuống, ngón cái xoay vào ngực. Bàn tay phải ở dưới, lòng tay ngửa lên, ngón cái xoay vào ngực (hình 158).

Tiếp đó A bước chân trái sang trái và tới trước một bước nhỏ, dùng sức hai tay bẻ ngửa quyền phải của B, từ phải sang trái (tức là từ trong ra ngoài). B đau đớn phải cúi người nương theo đà bẻ (hình 159).



Hình 157 : Cầu chuyển đan thành (giai đoạn 7)



Hình 158 : Cầu chuyển đan thành (giai đoạn 8)



Hình 159 : Cầu chuyển đan thành (giai đoạn 9)

— Chú giải :—

Như vậy là trải qua 9 động tác, A mới bẻ được tay của B, bởi vậy thế này mới có tên là "Cầu chuyển đan thành".

Các động tác đều được nói rõ ràng trong phương pháp trên. Điều đáng chú ý là ở hai giai đoạn chót mà thôi, tức các hình 158 và 159. Ở hình 158 (tức giai đoạn 8), hai bàn tay A ôm lấy nắm tay phải của B, nhưng một bàn tay ở trên, một bàn tay ở dưới (trên là bàn tay trái, dưới là bàn tay phải), nhưng cả hai ngón cái đều xoay vào ngực A. Có vậy A mới vận được tay B.

Ở hình 159 (tức giai đoạn chót), A vận nắm tay của B, thì phải vận từ dưới lên trên, và từ phải sang trái (tức là từ trong ra ngoài, cho tới khi bàn tay phải ở trên và bàn tay trái ở dưới. Như vậy tay B mới bị vận đau.

## BÀN CHỮ

B bị bẻ đầu, phải nghiêng mình sang phải chịu đựng, rồi dùng bàn tay trái, bẻ ngửa bàn tay trái của A lên (hình 160).

Động tác này quan trọng, nhưng hình 160 chỉ cho thấy phía sau của hai người, bạn đọc hãy quan sát thêm hình 161 để thấy rõ phía trước.



Hình 160 : Bàn chữ (giai đoạn 1, nhìn từ phía sau)

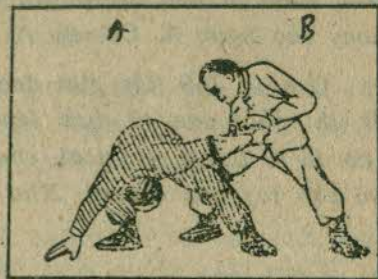


Hình 161 : Bàn chữ (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước)

Tiếp đó xoay mạnh thân mình sang trái, tay trái kéo tay trái của A và bẻ ngửa lên. A tất buông tay phải ra. Tay phải B liền gác lên cùi chỏ trái của A mà đè mạnh xuống. A bị đau đớn tất cúi gập người tới trước, và muốn khỏi té nhũn, phải chống tay phải xuống đất (hình 162).

— Chú giải :

Thế "Bàn chữ" này, chúng ta đã biết ở các lộ trên, nếu cần, xin xem lại



Hình 162 : Bàn chữ (giai đoạn 2)

cho kỹ. Ở đây, chỉ nhắc lại vài điểm quan trọng cần nhớ.

Trước hết, B dùng tay trái để gỡ bàn tay trái của A ra. Ngón cái của B phải đè trên hố khẩu của A, các ngón kia móc chặt vào cạnh bàn tay của A (phía ngón út) rồi bẻ ngửa lên. Có vậy bàn tay trái của A mới rời ra được.

Điểm thứ nhì cần chú ý là khi kéo tay trái của A sang trái, B phải nhớ vận bàn tay trái của A cho ngửa lên (tức là vận từ trong ra ngoài) có vậy cùi chỏ trái của A mới thẳng ra và hướng lên trên, B đè mới có hiệu quả. Nếu cùi chỏ của A không thẳng và không hướng lên trên, thì A chỉ cần co mạnh tay lại, là thế "Bàn chữ" của B trở thành vô hiệu.

## PHẢN BÀN

A thỉnh linh nhòm người lên, tay phải nắm lấy cổ tay (hoặc bàn tay phải của B mà kéo mạnh sang phải. Bộ pháp của A lúc này là "Tả tiên cung thức" (hình 163)



Hình 163 : Phản bàn  
(giai đoạn 1).



Hình 164 : Phản bàn  
(giai đoạn 2)

Tiếp đó A vặn cổ tay (hoặc bàn tay) phải của B cho ngửa lên, và cong cánh tay trái lại, đề lên cùi chỏ phải của B.

B bị bẻ tay đau đớn, phải gập người xuống, và để tránh té nhúi tới trước, B phải đưa tay trái xuống chống đất (hình 164)

— Chú giải :

Đây cũng chỉ là thế "Bàn chầu" (nhưng dùng để phản công thế Bàn chầu nên gọi là Phản bàn), đã được nói ở các lộ bên trên. Bạn đọc có thể coi lại cho kỹ hơn.

Hình 164 chỉ là hình 162 đã thay đổi phải trái và thay đổi kẻ đánh người đỡ mà thôi.

Xin xem lại phần chú giải của thế "Phản bàn" ở các lộ bên trên, và xem lại phần chú giải của thế "Bàn chầu" ngay trên. Những gì nhắc nhở B ở thế "Bàn chầu" ngay trên, thì cũng dùng để nhắc nhở A ở thế "Phản bàn" này vậy.

## PHAN TÚC

B phản công bằng cách dùng tay trái nắm lấy cổ chân trái của A mà nhấc lên (hình 165).

Chú giải :

Ở trên, A dùng thế "Phan bàn" (tức cũng là thế Bàn chầu) để áp đảo B, thì B cũng có thể dùng thế "Phản bàn" để phản công. Tuy nhiên, để đối mới thế võ, hầu tập luyện những thế mới, B đã dùng thế "Phan túc" này.

Thế "Bàn chầu" và "Phan bàn" (cũng là Bàn chầu) tuy lợi hại nhưng nếu không hành động nhanh, thì vẫn có thể bị phản công, ít nhất thì cũng bằng thế "Phan túc" này.

Điều này cho chúng ta một kinh nghiệm rằng, trong thực tế, cần tự vệ, khi dùng thế "Bàn chầu" hoặc "Phản bàn" ta không nên đặt chân ta ở phía trước của kẻ địch.

Khi bị B nhấc chân trái lên, A mất thăng bằng, nhưng vẫn phải nắm chặt cánh tay phải của B, để khỏi té.

Thế "Phan túc" này chưa hẳn là thế phản công, nó chỉ được coi là thế võ chuẩn bị cho thế "Bạch mã phiên thung" ngay dưới mà thôi.



Hình 165 : Phan túc

## BẠCH MÃ PHIÊN THUNG

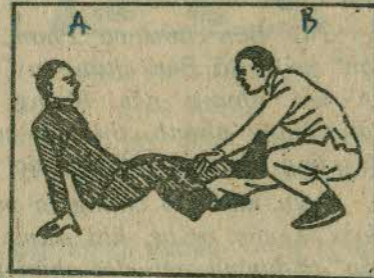
Tiếp theo, B đứng thẳng người dậy, kéo theo chân trái của A lên cao (động tác này không có trong hình vẽ), thì A tắt té xuống, và buộc phải dùng tay phải chống xuống đất.

Nhưng A té nghiêng trên hông phải. Tay trái vẫn kẹp chặt tay phải của B dưới nách trái. Đồng thời chân phải có mạnh lại, dùng gót chân móc lấy chân phải của B và kéo mạnh (hình 166).

Khi dùng gót chân phải kéo mạnh bàn chân phải của B, thì A buông tay trái ra. B sẽ phải ngồi thụp xuống trên hông trái hoặc chân trái.



Hình 166 : Bạch mã phiên thung (giai đoạn 1).



Hình 167 : Bạch mã phiên thung (giai đoạn 2).

A xoay mình sang trái, hai tay chống ra sau, chân trái lúc đó không còn bị B chế ngự nữa, đạp thẳng vào đầu gối hoặc ống quyển trái của B (hình 167).

B tắt phải té ngã ra sau. Lập tức hai chân A kẹp chặt lấy ống chân phải của B, và A xoay mình sang trái, chống cùi chỏ phải trên đất để giữ tư thế cho vững chắc (hình 168)

B bị kẹp chân và bị vận di, nên cũng xoay mình sang phải, theo chiều xoay của A



Hình 168 : Bạch mã phiên thung (giai đoạn 3)



Hình 169 : Bạch mã phiên thung (giai đoạn chót).

A tiếp tục xoay mình nữa, phần dưới thân mình gần như nằm sấp, hai chân vẫn kẹp chặt ống chân phải của B.

B cũng đành lăn mình sang phải một vòng để giảm bớt sự chế ngự của A (hình 169).

— Chú giải :

Mục đích của thế "Cầm nã" này là A dùng hai chân, lăn mình mà bẻ ống chân của B. Nhưng B cũng lăn mình theo chiều của A, nên sức chế ngự của A không hiệu quả.

Trên thực tế, nếu B chỉ là kẻ cật sức mạnh và không giỏi phép "Cầm nã", tất nhiên B đã bị bẻ chân rồi. Ở đây là chúng ta nói về hai người bạn tập luyện với nhau, và cả hai đều biết quyền thuật, biết phép "Cầm nã".

Cuối cùng thì vì sức chế ngự của A không còn hiệu lực, nên B lăn mình sang phải để thoát ra, còn A cũng lăn mình sang trái để tránh bị phản công và hai người rời xa nhau, tạo thành vị thế cuối cùng của "Đệ Ngũ lộ Cầm nã" (hình 170).



Hình 170 : Chấm dứt Đệ ngũ lộ Cầm nã.

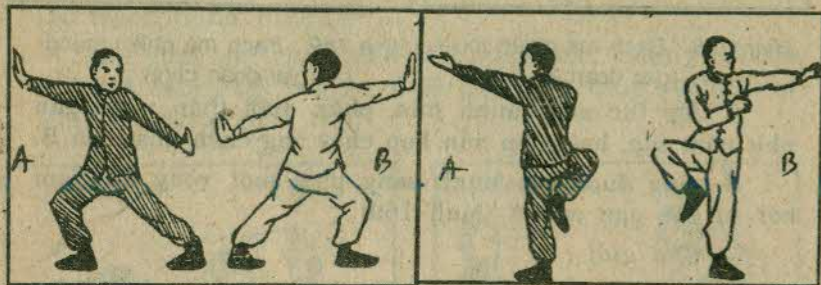
## TIÊU KẾT THỨC

A và B cùng chống tay đứng dậy.

Thân mình A xoay sang trái, bộ pháp là "Hữu tiên cung thức", và hai tay theo thế "Đơn biên chưởng".

B cũng vậy, thân mình xoay sang trái, bộ pháp là "Hữu tiên cung thức", và hai tay theo thế "Đơn biên chưởng".

Hai người ngoảnh đầu sang trái nhìn nhau (hình 171).



Hình 171 : Tiêu kết thúc  
(giai đoạn 1).

Hình 172 : Tiêu kết thúc  
(giai đoạn 2)

Tiếp theo, A nhấc chân trái bước tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, còn chân phải co lên, đầu gối phải hướng sang phải sát đầu gối trái, mũi hướng xuống đất. Hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng".

B cũng vậy, bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, còn chân phải thì co lên, đầu gối phải hướng sang phải, bàn chân phải sát với đầu gối trái, mũi chân hướng xuống đất. Hai tay cũng biến thành thế "Tả xuyên chưởng" (hình 172).

Tiếp theo, A bước chân phải sang phải, thân mình

xoay sang phải bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng".

Đồng thời B cũng bước chân phải sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng".

Hai người hơi xoay đầu sang phải nhìn nhau (hình 173).

— Chú giải :

Sau mỗi lộ, A và B đều chấm dứt tạm thời bằng thế "Tiêu kết thúc" này, để chuẩn bị bước sang lộ tiếp theo.

Xin xem lại phần chú giải của thế "Tiêu kết thúc" ở cuối "Đệ nhất lộ".



Hình 173 : Tiêu kết thúc  
(giai đoạn chót)

## ĐỆ LỤC LỘ

### GIÁP CÔNG

Mở đầu, B bước tới hai bước cho gần lại A, bộ pháp trở lại "Hữu tiên cung thức", đồng thời vung quyền phải đánh vào mặt A.

A vội dùng quyền phải đánh lên, gạt cổ tay phải của B sang trái của mình (hình 174).



Hình 174 : Giáp công  
(giai đoạn 1)



Hình 175 : Giáp công  
(giai đoạn 2)

Tiếp theo, A rút quyền phải về rồi lại đánh tới mặt B.

Tập tức B cũng rút quyền phải về rồi vung lên gạt cổ tay phải của A sang phải của mình (hình 175).

— Chú giải :

Từ giai đoạn 1 (hình 174) sang giai đoạn 2 (hình 175), bộ pháp của cả hai người đều không thay đổi, nghĩa là vẫn giữ "Hữu tiên cung thức".

Tay trái của hai người đều không dùng tới, duỗi thẳng theo chân trái ở phía sau, hổ khẩu hướng xuống đất.

## TIỂU TRIỀN TY

A mở bàn tay phải ra, xoay lòng bàn tay sang phải, nắm lấy cổ tay phải của B.

B co tay phải lại, lòng tay úp xuống, và xòe bàn tay trái ra, nắm lấy lưng bàn tay phải của A (hình 176).

Tiếp đó B bước chân trái tới một bước, hai tay kéo tay phải của A sang phải, và cánh tay trái của B đè lên cùi chỏ phải của A.

A đành cúi thấp mình xuống tới trước, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức" (hình 177).



Hình 176 : Tiểu triển ty  
(giai đoạn 1).



Hình 177 : Tiểu triển ty  
(giai đoạn 2).

— Chú giải :

Khi bước chân trái tới, xoay mình kéo tay phải của A sang phải, thì bàn tay phải của A vẫn còn nắm chặt cổ tay phải của B.

Muốn bẻ được cánh tay A thì B phải làm cho lòng bàn tay phải của A ngửa lên, như vậy cánh tay A mới duỗi thật thẳng và cùi chỏ mới hướng lên trên. Nhưng B không cần phải cố gắng rút tay phải ra, chỉ cần xoay cổ tay phải của mình từ trong ra ngoài, tự nhiên bàn tay phải của A sẽ ngửa lên.

Khi đè xuống cùi chỏ phải của A, B không cần phải

buông bàn tay trái ra, mà vẫn có thể vừa nắm bàn tay trái trên cổ tay phải của A, vừa tỳ cùi chỏ trái, hoặc cánh tay dưới của tay trái trên cùi chỏ phải của A (trong hình 177, B tỳ bằng cánh tay dưới).

Mặt khác, phương pháp là vậy, nhưng trong thực tế có thể linh động để cho động tác được giản dị hơn, nhanh hơn, mà vẫn có hiệu quả. Nghĩa là trong thế "Tiểu triển ty" này, không cần phải đề lên cùi chỏ của đối phương, mà chỉ cần hai tay nắm chặt cổ tay đối phương, mà vận từ trong ra ngoài, đối phương cũng khó lòng phản công được. Như vậy bớt được một động tác. Và như vậy bạn đọc thấy rằng bí quyết của thế "Tiểu triển ty" này, không phải là đề cùi chỏ như các thế "Bàn chửu" hay "Phản bàn" mà chúng ta đã biết, mà bí quyết là ở chỗ vận tay đối phương vậy (hình 178).



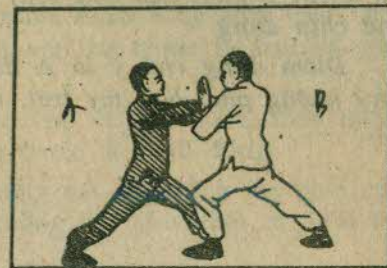
Hình 178 : Tiểu triển ty (thế giản dị, thực dụng).

## ĐẠI TRIỂN TY

Thình linh A nhóm thẳng người lên, thân mình xoay sang phải, cánh tay phải vẫn thẳng ra, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", đưa bàn tay trái nắm lấy lưng bàn tay phải của B.

B cũng thẳng người lên theo, và bộ pháp là "Tả tiên cung thức" (xem hình 179).

Tiếp đó A bước chân trái lên một bước, rồi dùng mũi hai bàn chân xoay mình hẳn lại phía sau, đồng thời tay trái nắm lấy lưng bàn tay phải của B, kèm theo sức vận của cổ tay phải, mà vận tay của B sang trái. Bộ pháp của A lúc này trở thành "Hữu tiên cung thức".



Hình 179 : Đại triển ty (giai đoạn 1).

B bị vận tay cũng lùi chân trái ra sau một bước, thân mình xoay hẳn lại phía sau, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" (hình 181).



Hình 180 : Đại triển ty (giai đoạn 1)



Hình 181 : Đại triển ty (giai đoạn 2).

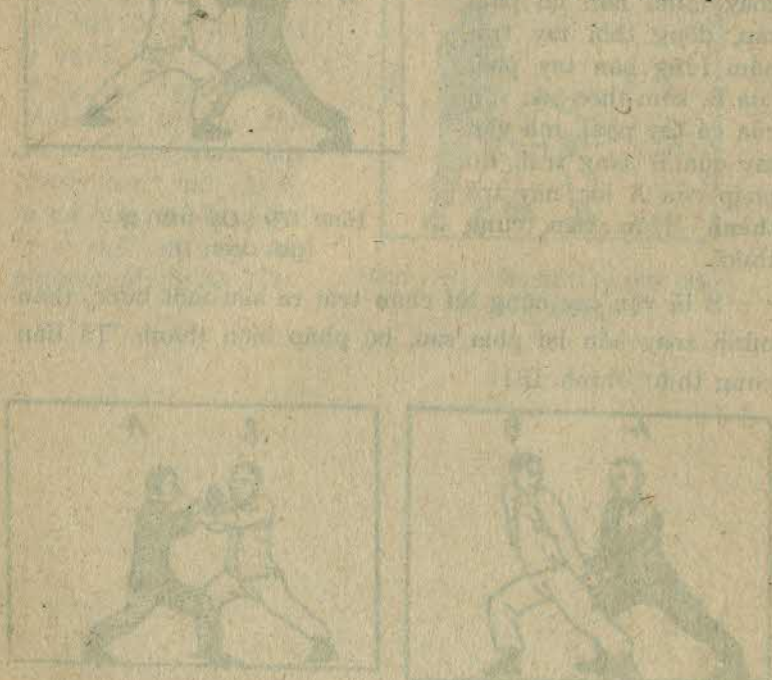


— Chú giải :

Vì động tác trong giai đoạn 1 là cần thiết, nhưng hình 179 chỉ cho thấy phía sau, nên phải có hình 180, cho thấy phía trước, để thấy cho rõ.

Ở thế "Tiểu triền ty", B chế ngự A. Ở thế "Đại triền ty" này, A phản công lại, dùng tay trái nắm lấy lưng bàn tay phải của B, rồi dùng sức hai tay mà vận tay trái của B, khiến B phải đau đớn xoay ngược thân mình ra sau và mà chịu đựng.

Điểm đáng chú ý là A đã vận bàn tay phải của B, chứ không phải bàn tay trái, như vậy mới có hiệu quả.



## BẢO TRIỀN TY

B dùng hai mũi chân thỉnh linh xoay mình ra sau, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", cánh tay phải co lại và đưa lên, tay trái cũng đưa lên nắm lấy lưng bàn tay phải của A (hình 182).

A vẫn không thay đổi bộ pháp, chỉ thẳng người lên theo. Tiếp đó B bước chân trái tới một bước, đặt xuống phía sau chân phải của A, thân mình xoay sang phải, hai tay nắm lấy bàn tay của A vận từ trước ra sau và vận ngược lên.

A đau đớn, phải lùi chân trái về một bước, thân mình xoay sang trái, và khom tới trước để chịu đựng.

B tiếp tục cúi người xuống mà vận cánh tay phải của A. A phải chống tay trái xuống đất cho khỏi té nhũn tới trước (hình 183).



Hình 182 : Bảo triền ty (giai đoạn 1)



Hình 183 : Bảo triền ty (giai đoạn 2, nhìn từ phía sau).

Động tác vận tay này quan trọng, nhưng hình 183 chỉ cho thấy phía sau của hai người, do đó cần có hình 184 để thấy được phía trước.

— Chú giải :

Ba thế "Cầm nã" liên tiếp trên đây đều có tên là "Triền ty", và điểm quan trọng của cả ba thế này đều là vận bàn

tay đối phương. Nếu vận nhanh và mạnh, khớp xương cổ tay đối phương có thể bị trật.

Riêng trong thế "Bảo triển ty" này, người tấn công (tức là B) có thể dùng thêm vai trái của mình mà thêm lên cánh tay phải của A. Như vậy thế "Bảo triển ty" còn lợi hại hơn hai thế "Tiểu" và "Đại triển ty" nữa.

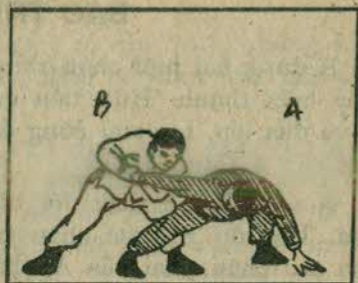
Tất nhiên các động tác của ba thế "Triển ty" có vẻ hơi phức tạp, bạn đọc cần luyện tập công phu cho thuần thục, mới tăng hiệu quả.

Ngoài ra, cũng nên để ý là các thế "Triển ty" và các thế "Bàn chầu", "Phản bàn", nhìn qua có vẻ giống nhau, nhưng sự thật khác nhau rất nhiều. Bởi vì bí quyết của các thế "Bàn chầu", "Phản bàn", là đề lên cùi chỏ của đối phương, còn động tác vận bàn tay (hoặc cổ tay) chỉ có công dụng làm cho cánh tay đối phương thẳng ra và cùi chỏ hướng lên trên mà thôi. Như vậy là trong các thế "Bàn chầu" và "Phản bàn", động tác vận tay là động tác phụ.

Còn trong thế "Triển ty" (cả ba thế), thì không có động tác đề cùi chỏ đối phương, mà chỉ có động tác vận tay. Như vậy ở các thế "Triển ty", động tác vận tay là động tác chính, bí quyết là ở đó.

Chỉ riêng trong thế "Bảo triển ty", người tấn công (tức là B) mới đề thêm vai trái của mình lên cánh tay phải của đối phương (tức là A) để gia tăng thêm sức chế ngự mà thôi. Động tác đề vai chỉ là phụ.

Trong khi B đề vai trái lên cánh tay phải của A như vậy, thì hai bàn tay vẫn tiếp tục nắm bàn tay phải của A mà vận từ dưới lên trên và từ trong ra ngoài.



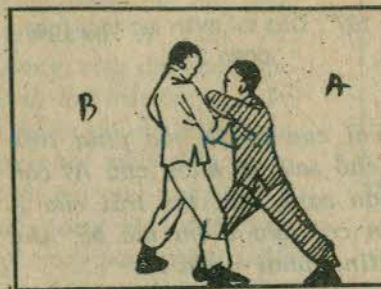
Hình 184 : Bảo triển ty (giai đoạn 2, nhìn từ phía trước mặt).

## ĐẢO TÀI THIÊN LẶC TRỤY

A thỉnh linh nhõm dậy, thân mình xoay sang trái, bộ pháp trở lại "Hữu tiền cung thức". Cánh tay phải co lại và bàn tay trái đặt trên ngực trái của B.

B cũng thẳng người lên theo, thân mình xoay sang trái, bộ pháp trở lại "Tả tiền cung thức" (hình 185).

Vì hình 185 chỉ cho thấy phía sau của hai người, nên phải có hình 186 để thấy rõ phía trước.



Hình 185 : Đảo tài thiên lạc trụ (giai đoạn 1, nhìn từ sau)



Hình 186 : Đảo tài thiên lạc trụ (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước).

Tiếp đó tay trái của A đẩy B tới trước, đồng thời chân trái A bước một bước tới trước thân mình xoay sang phải bộ pháp biến thành "Tả tiền cung thức".

B thấy vậy vội lùi chân trái ra sau một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiền cung thức", và hai tay vội buông bàn tay phải của A ra.

Tiếp đó B dùng tay trái nắm lấy bàn tay trái của A đang đẩy trên ngực trái của mình, bẻ từ dưới lên trên và từ phải sang trái, cho lòng bàn tay trái của A ngửa lên. Đồng thời B co cánh tay phải, dùng cùi chỏ phải đè xuống cùi chỏ của A (hình 187)

— Chú giải :

Bí quyết thể "Đào tài thiên lạc trụy" này là cách B nắm bàn tay trái của A. Nắm đúng cách là lưng bàn tay trái của B ở trên, ngón cái hướng vào ngực mình, và khi bê thì dùng sức cổ tay, Hình 187 : Đào tài thiên lạc trụy (giai đoạn 2)



Hình 187 : Đào tài thiên lạc trụy (giai đoạn 2)

Bê đúng cách thì ngón cái của B đè vào phía trên ngón cái của bàn tay trái A (chỗ sau hố khấu của A) còn các ngón kia thì bám chặt vào cạnh bàn tay trái của A (phía ngón út), rồi dùng ngón cái làm điểm mà bê, như vậy bàn tay trái của A nhất định phải giữa ra.

Nếu bàn tay trái của B nắm không đúng, và bê không đúng cách thì thể Đào tài thiên lạc trụy này không có hiệu quả.

## SUY CHỮU

A lập tức bước chân phải tới trước một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời dùng bàn tay phải đẩy cùi chỏ phải của B lên cao (hình 188)

— Chú giải :

Khi A bước tới một bước, thân mình hơi xoay sang trái, thì cùi chỏ phải của B lỏng ra, không còn áp chặt vào cánh tay trái của A nữa, A nhân đó mà dùng bàn tay phải giữa lên, luồn dưới cùi chỏ phải của B mà nâng lên một chút, rồi xoay bàn tay mà đẩy tiếp lên cao.



Hình 188 : Suy chưu

Lời vãn trong phương pháp của cổ nhân nhiều khi quá vắn tắt, tuy nhiên, suy ra cũng hiểu được vậy.

## PHẢN THỦ

Để tránh khỏi té ngã, một mặt A cố gượng lại, một mặt tay phải của A nắm lấy tay phải của B đang đè trên ngực trái mình, níu vào mà thẳng người dậy. Rồi A kéo tay phải của B sang phía trái của mình, và đưa bàn tay trái đặt dưới cùi chỏ phải của B. Lúc này, bộ pháp của A là "Hữu tiên cung thức", và bộ pháp của B là "Tả tiên cung thức" (hình 192).



Hình 191 : Phân thủ (giai đoạn 1, nhìn từ phía trước mặt)



Hình 192 : Phân thủ.

Vì hình 192 chỉ cho ta thấy phía sau, trong khi động tác của hai tay A cần được nhìn thấy rõ ràng từ phía trước, do đó phải có thêm hình 193.

Tiếp đó, A bước ngang chân phải sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời hai tay đem cánh tay phải của B từ trái vòng lên trên và sang phải, bàn tay phải của A vịn cho cùi chỏ phải của B ngửa lên, và bàn tay trái của A đè vào cùi chỏ phải đó.

B đau đớn tất đem chân trái lùi về sau một bước, thân mình theo đà kéo của A mà xoay hẳn ra sau, bộ pháp của B biến thành "Tả tiên cung thức" (hình 194)

— Chú giải :

Ở giai đoạn chót của thế "Du đào" ngay trước, A muốn dùng bàn tay phải của mình nắm được bàn tay phải của B (đang đè trên ngực trái của A) thì phải biết nắm cho đúng cách. Lòng bàn tay phải của A xoay vào ngực, ngón tay cái thọc mạnh vào dưới lòng bàn tay phải của B và các ngón kia bám chặt vào dưới cạnh bàn tay của B (phía ngón út), rồi gỡ ra sẽ dễ dàng.



Hình 194 : Phân thủ (giai đoạn 2)

Ngay sau khi nắm được bàn tay phải của B, A phải bước ngay chân phải sang phải, xoay mình đem cánh tay phải của B từ trái sang phải và bẻ. Động tác này phải lanh lẹ để B không thể cưỡng lại, hay có phản ứng bất lợi.

Khi bẻ cánh tay phải của B, thì tay phải A kéo ra sau và lên trên, trong khi tay trái A đè mạnh xuống dưới và tới trước. Bàn tay trái của A nhờ đặt vào đúng cùi chỏ phải của B, mới hiệu quả.

Ngoài thực tế, nếu A hành động nhanh nhẹn và bẻ thật mạnh thì B có thể bị lợi tay dễ dàng.

## TỎA HẦU

Thình linh B nhóm thẳng người lên, dùng hai mũi chân xoay hẳn người ra sau, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức". Đồng thời cánh tay phải co lại và đưa lên cao, thuận thế B xoay cổ tay phải, nắm lại bàn tay phải của A (bình 195).



Hình 195 : Tỏa hầu  
(giai đoạn 1)



Hình 196 : Tỏa hầu  
(giai đoạn 2)

Tiếp đó B bước chân trái tới trước, đặt phía sau và khoảng giữa hai chân A, thân mình xoay sang phải, đồng thời tay trái B luồn qua phía trước cánh tay phải của A, xuống tới sau lưng A. Hông trái của B áp sát gần sau hông phải của A khiến A không thể tránh né được (xem hình 196).

Liên đó B xoay người sang trái, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức" đồng thời bàn tay phải chặn vào yết hầu của A mà đè mạnh xuống. A phải ngửa hẳn người ra phía sau (hình 197).

Hình 197 chỉ cho thấy phía sau A, trong khi A bị đè yết hầu, phải ngửa người ra sau, vì vậy cần có thêm hình 198 để thấy rõ hơn.

— Chú giải :

Trong nhiều thế trên, chúng ta thấy phần phương pháp nói thình linh nhóm dậy" thì phải hiểu rằng nhóm dậy



Hình 197 : Tỏa hầu (giai đoạn chốt, nhìn từ phía sau A).



Hình 198 : Tỏa hầu (giai đoạn chốt, nhìn từ phía trước của A).

đúng lúc. Khi B bị bẻ tay, phải cúi thấp người xuống để giảm sức chế ngự của A và để bớt đau. B muốn thoát ra thì không thể lấy sức mà cưỡng lại được. Vì sẽ đau đớn không chịu nổi. B phải thình linh cúi nhanh người xuống thấp hơn nữa cho sức chế ngự của A thình linh mất đi, rồi đúng lúc đó B nhóm nhanh người dậy.

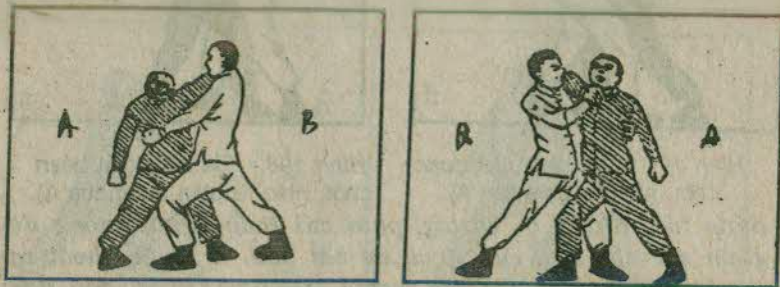
Phương pháp của cổ nhân thường vẫn tất, chúng ta phải lấy ý, suy ra mà hiểu.

Khi đè bàn tay phải vào yết hầu của A thì B đè bằng hồ khẩu, nghĩa là bàn tay phải của B xòe ngón cái ra, phần hồ khẩu là phần giữa ngón cái và ngón trỏ.

Nhận xét sau cùng của chúng ta là, thế "Tỏa hầu" này giống y như thế "Du đào", chỉ là ở thế "Du đào" thì bàn tay phải của B đè xuống ngực trái của A (hình 191), còn ở thế "Tỏa hầu" thì bàn tay phải của B đè vào yết hầu của A mà thôi.

## TỎA HẦU (thế phản công)

A đưa tay phải lên nắm lấy lưng bàn tay phải của B mà bẻ lên (từ trái sang phải). Bộ pháp của hai người không thay đổi. hình 199).



Hình 199 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn 1)  
Hình 200 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn 1), nhìn từ trước A).

Vì hình 199 chỉ cho thấy phía sau của A trong giai đoạn 1, trong khi động tác của tay phải A là động tác quan trọng, do đó phải có thêm hình 200 để thấy rõ hơn từ phía trước.

Tiếp đó A nhóm người thẳng dậy, bước chân trái tới trước và sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Tả tiên cung thức". Đồng thời co cánh tay trái lại, tỳ cùi chỏ trái lên khoeo tay phải của B mà ấn mạnh xuống, khiến bàn tay phải của B phải rời khỏi cổ của A:

Trong khi đó thì B lùi chân trái về một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức" (hình 201)

Tiếp đó tay phải của A kéo thẳng cánh tay phải của B sang phải, thân người đôi bên cùng thẳng lên và gần nhau hơn, đồng thời A đưa tay trái, luồn qua phía trước cánh tay phải của B và xuống phía sau lưng B (hình 202).

Tiếp đó A xích chân trái tới phía sau chân phải của



Hình 201 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn 2).  
Hình 202 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn 3)

B, kéo gần B sát lại với mình hơn, khiến B không thoát ra được (hình 203).

Cuối cùng A nghiêng người sang trái dùng bàn tay phải đè bằng hổ khẩu vào yết hầu của B. B đau đớn ngã người ra (hình 204).



Hình 203 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn 4).  
Hình 204 : Tỏa hầu (thế phản công, giai đoạn chót).

— Chú giải :

A bị B chế ngự bằng thế "Tỏa hầu", và đã dùng thế "Tỏa hầu" để phản công. Tất cả những gì nói trong phần chú giải của thế "Tỏa hầu" bên trên, đều nên lập lại trong phần chú giải này.

## THOÁT TỎA

B vội co chân phải lên, bước lùi về sau một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", tay trái nắm lại thành quyền và đưa cao lên khỏi đầu, cánh tay hơi cong lại (hình 205).



Hình 205 : Thoát tóa (giai đoạn 1).



Hình 206 : Thoát tóa (giai đoạn 2).

Tiếp đó B dùng cùi chỏ trái đánh mạnh xuống khoeo tay phải của A khiến bàn tay phải của A rời khỏi cổ B. Đồng thời B cũng dùng tay phải nắm lấy cổ tay trái của A. Bộ pháp của hai người trong giai đoạn này không thay đổi (hình 206).

Hình 206 chỉ cho thấy phía sau lưng B, trong khi động tác của hai tay B rất quan trọng, do đó phải có thêm hình 207 để thấy rõ phía trước của B.

Tiếp đó B dùng hai tay đẩy cả hai tay A tới trước. B hơi xoay người sang trái, tay trái nắm lại thành quyền đưa thấp tới trước, tay phải nắm lại thành quyền, đem về để bên sườn phải. Lòng quyền trái úp xuống, lòng quyền phải ngửa lên.

Trong khi đó, hai cánh tay A bị đẩy ra, hai bàn tay cũng nắm thành quyền (hình 208).



Hình 207 : Thoát tóa (giai đoạn 2, nhìn từ phía trước của B). Hình 208 : Thoát tóa (giai đoạn 3).

Tiếp đó B xoay mạnh người sang trái, dùng quyền phải đánh thấp vào sườn trái của A.

A vội dùng quyền trái gạt sang trái và ra sau (hình 209).

— Chú giải :

B bị A dùng thế "Toa hầu" chế ngự, đáng lẽ B có thể phản công lại cũng bằng thế "Tỏa hầu", nhưng ở đây vì tập luyện, nên cần bước sang thế võ mới.

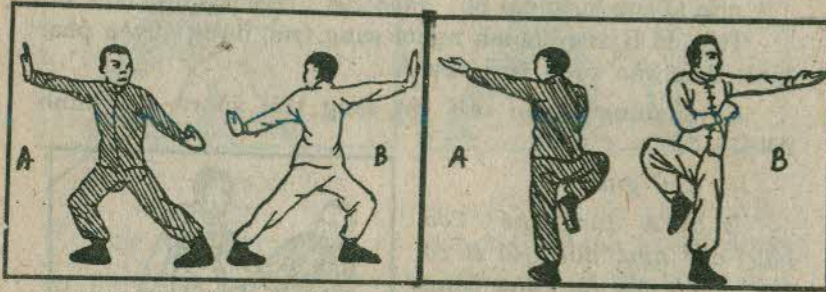
Lời văn trong phần phương pháp ở trên tương đối rõ ràng, thiết tưởng không cần nói thêm gì về thế "Thoát tóa" này nữa.



Hình 209 : Thoát tóa (giai đoạn chót).

## ĐẠI KẾT THỨC

Sau khi gạt quyền phải của B ra, A bước nhanh tới trước hai bước, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng". Còn B thì dùng hai mũi chân, xoay hẳn mình ra sau, rồi bước chân phải tới trước một bước, thân mình hơi xoay sang trái, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai tay biến thành thế "Đơn biên chưởng" (hình 210). Tư thế hai người đối xứng nhau.



Hình 210 : Đại kết thúc  
(giai đoạn 1)

Hình 211 : Đại kết thúc  
(giai đoạn 2)

Tiếp đó A bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, đứng thẳng trên chân trái, chân phải co lên, đầu gối phải hướng sang phải, đứng thẳng chân trái. Chân phải co lên, đầu gối phải hướng sang bàn chân phải sát đầu gối trái, mũi chân hướng xuống đất. Hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng".

Trong khi đó B cũng bước chân trái tới trước một bước, thân mình xoay sang phải, bàn chân phải sát đầu gối trái, mũi chân hướng xuống đất. Hai tay biến thành thế "Tả xuyên chưởng" (hình 211). Tư thế của hai người cũng vẫn đối xứng với nhau.

Tiếp đó A bước chân phải sang phải, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai

tay trở lại thế "Đơn biên chưởng", mắt nhìn theo chưởng phải.

Trong khi B cũng bước chân phải sang phải một bước, thân mình xoay sang phải, bộ pháp biến thành "Hữu tiên cung thức", hai tay trở lại thế "Đơn biên chưởng", mắt nhìn theo chưởng phải (hình 212).



Hình 212 : Đại kết thúc  
(giai đoạn 3)

Hình 213 : Đại kết thúc  
(giai đoạn 4)

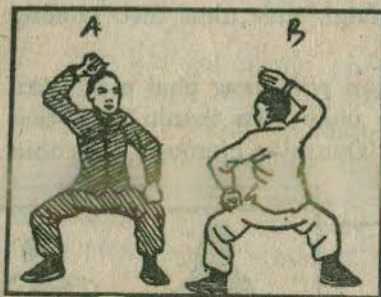
Tiếp đó A lại đứng thẳng người trên chân trái, thân mình xoay sang trái. Chân phải co lên, đầu gối phải hướng sang phải, bàn chân phải gần đầu gối trái, mũi chân hướng xuống đất. Tay trái nắm lại thành quyền duỗi thẳng ra sau. Tay phải vẫn xòe thành chưởng co lại, cánh tay ngang vai, chưởng phải úp xuống, ngón tay cái hướng vào cổ.

B cũng làm những động tác y hệt như vậy (hình 213) và hai người vẫn đối xứng với nhau.

Tiếp đó A đặt chân phải xuống, rồi dựa trên mũi chân phải, xoay mình từ trái sang phải, ra sau, thân hình thấp xuống, bộ pháp biến thành "Kỵ mã thức". Quyền trái chống trên đùi trái, lưng quyền hướng tới trước, cánh tay trái hơi cong, Chưởng phải đem lên đỉnh đầu, lòng chưởng hướng tới trước.

B cũng làm động tác như vừa nói, hai người lại vẫn đối xứng với nhau (hình 214)





Hình 214 : Đại kết thúc  
(giai đoạn 5)



Hình 215 : Đại kết thúc  
(giai đoạn chốt)

Tiếp đó A thẳng người lên, đem chân trái về cạnh chân phải, thân mình đứng nghiêm, hai gót chân chụm nhau, hai tay nắm lại hành quyền úp vào trong, hổ khẩu hướng tới trước.

B cũng làm các động tác như vậy (hình 215)

— Chú giải :

Tới đây chấm dứt 6 lộ "Cầm nã" của võ Thiếu lâm, bởi vậy thế này mới gọi là "Đại kết thúc" (trong khi Tiểu kết thúc chỉ là tạm thời kết thúc từng lộ mà thôi)

Trong thế "Đại kết thúc" này thì 3 giai đoạn đầu chính là 3 giai đoạn của thế "Tiểu kết thúc" (có thể xem lại các phần trên).

## MỤC LỤC

— LỜI NÓI ĐẦU	5
THIẾU LÂM CẦM NÃ THỦ PHÁP	
— ĐỆ NHẤT LỘ	7
— ĐỆ NHỊ LỘ	63
— ĐỆ TAM LỘ	92
— ĐỆ TỨ LỘ	116
— ĐỆ NGŨ LỘ	143
— ĐỆ LỤC LỘ	156

# THIỆU LÂM CẦM NÃ THỦ PHÁP

(Võ thuật cổ truyền – Sách tham khảo)

---

---

- *Chịu trách nhiệm xuất bản :*

**NGUYỄN VĂN HẮN**

- *Biên tập :*

**TÔ QUỐC TUẤN**

- *Bìa :*

• *Trình bày :* **THẢO SA**

• *Sửa bản in :* **THY TƯ - ÁI HIỀN**

---

---

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm tại Xí nghiệp In Tiên Giang

Số xuất bản : 12/ XBĐT-KH93 ngày 16/4/94

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/1994